

TRẦN VĂN THỦY

ĐẠI DANH Y LÃN ÔNG

VÀ CƠ SỞ TƯ TƯỞNG CỦA
NGHỀ LÀM THUỐC, CHỮA BỆNH



HVYDHCTVN
TT TT TV

616.001
KM.00054



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

TRẦN VĂN THỦY

**ĐẠI DANH Y LÃN ÔNG
VÀ CƠ SỞ TƯ TƯỞNG CỦA
NGHỀ LÀM THUỐC, CHỮA BỆNH**

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
HÀ NỘI- 2001

LỜI GIỚI THIỆU

Lê Hữu Trác, hiệu Hải Thượng Lãn Ông là một danh y lớn của nước ta, được nhân dân suy tôn là Đại y tông Việt Nam.

Suốt bốn mươi năm trong nghề y, Lê Hữu Trác đã đem hết tâm trí của mình phục vụ nhân dân, nêu cao đạo đức nhân thuật, tận tụy cứu chữa bệnh nhân đến cùng. Đồng thời, nhận rõ trách nhiệm đối với tương lai y học nước nhà, đối với việc bảo vệ sức khoẻ của nhân dân, Lê Hữu Trác đã cần cù nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy, đúc rút kinh nghiệm xây dựng nên một công trình trước tác y học đầy đủ tính chất thực tiễn, khoa học và dân tộc. Đó là bộ Hải Thượng Y Tông tâm linh.

Việc nghiên cứu các danh y Việt Nam nói chung, đặc biệt là Lê Hữu Trác - qua trước tác của ông - là biện pháp quan trọng nhằm góp phần vào việc phát triển nền y học của dân tộc và thực hiện quan điểm “kết hợp nền y học cổ truyền của dân tộc trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của nhân dân”.

Vì vậy, từ ngày hoà bình lập lại đến nay, số lượng tác giả, đề tài và nội dung nghiên cứu về Lê Hữu Trác khá phong phú và đạt được nhiều kết quả tốt đẹp. Cuốn “Đại danh y Lãn Ông và cơ sở tư tưởng của nghề làm thuốc và chữa bệnh” là một công trình nghiên cứu tương đối có hệ

thống, có kế thừa và phát triển các thành tựu nghiên cứu của các tác giả trước đó. Cuốn sách bước đầu đã làm rõ được một vấn đề rất cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp khoa học của Lê Hữu Trác, đó là cơ sở tư tưởng Triết học của nghề làm thuốc và chữa bệnh. Vì thế, cuốn sách có thể bổ ích cho những người quan tâm tới nền y học cổ truyền của dân tộc, tới mối quan hệ giữa tư tưởng Triết học phương Đông với y học cổ truyền của dân tộc, tới Lê Hữu Trác là một nhà tư tưởng trưởng thành từ nghiệp y. Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc trong ngành y và các ngành có liên quan.

Tác giả của cuốn sách - Tiến sĩ Triết học Trần Văn Thuỷ tuy đã có cống hiến rất lớn trong nghiên cứu, nhưng do khả năng có hạn, nên không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Mong bạn đọc góp ý cùng tác giả để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

GS.TS. Đỗ Nguyên Phương

Bộ trưởng Bộ Y tế

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| Lời giới thiệu | 3 |
| Mục lục | 5 |
| I. Khái lược tình hình nghiên cứu bộ “Hải thương y tông tâm linh” của Lê Hữu Trác | 7 |
| II. Lê Hữu Trác cuộc đời và sự nghiệp khoa học | 12 |
| 1. Tình hình xã hội và văn hoá Việt Nam thế kỷ 18 | 12 |
| 2. Cuộc đời trước khi bước vào nghề y của Lê Hữu Trác | 14 |
| 3. Thời kỳ làm thuốc nghiên cứu học thuật, sáng tạo về tư tưởng và văn học | 20 |
| 4. Bộ “Hải thương y tông tâm linh” một công trình trước tác đồ sộ | 28 |
| III. Tư tưởng triết học về tự nhiên và sự vận dụng vào y học | 33 |
| 1. Tư tưởng triết học về trời đất và sự vận dụng vào y học | 34 |
| 2. Tư tưởng triết học về con người và sự vận dụng vào y học | 56 |
| 3. Tư tưởng triết học về nhận thức và sự vận dụng vào y học | 70 |
| IV. Tư tưởng triết học về nhân sinh và sự vận dụng vào y học | 97 |
| 1. Quan điểm về y đạo và đạo dưỡng sinh | 98 |
| 2. Tư tưởng nhân đạo trong nghề y | 108 |
| Kết luận | 125 |
| Danh mục các tài liệu tham khảo | 128 |

Trong lịch sử y học dân tộc cổ truyền Việt Nam, Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác chiếm một vị trí khá quan trọng, thật sự là một danh y của đất nước vì ông đã hết lòng cho sự nghiệp y học. Thành quả quan trọng trong sự nghiệp của ông là đã biên soạn bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” gồm 28 tập, 66 quyển. Bộ sách thể hiện một hệ thống quan niệm y học chặt chẽ, nhất quán, được khái quát cao, đánh dấu một bước tiến lớn của sự nghiệp y học cổ truyền Việt Nam.

I. KHÁI LUẬC TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU BỘ “HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LINH” CỦA LÊ HỮU TRÁC.

Bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”⁽¹⁾ của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là một trước tác y học quy mô và có tầm thước lớn trong lịch sử phát triển của y học và của các ngành khoa học ở nước ta. Giá trị của bộ sách là hệ thống y học nhất quán, chứa đựng nhiều tinh hoa tốt đẹp.

Từ ngày hoà bình lập lại (1954) đến nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn có quan điểm nhất quán coi “Kết hợp y học cổ truyền của dân tộc với y học hiện đại là một trong những quan điểm cơ bản cần quán triệt sâu

(1) Tên gốc của sách do tác giả đặt là “Lãn Ông tâm linh”, khi qua truyền tụng gọi là sách Hải Thượng, khi đem in gọi là “Hải Thượng tâm linh di thư”, “Hải Thượng Lãn Ông toàn trát”. Năm 1991, Nhà xuất bản Y học đã in trọn bộ gọi là “Hải Thượng y tông tâm linh”, chúng tôi sử dụng tên sách này.

sắc trong toàn bộ công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của nhân dân⁽¹⁾. Vì vậy việc nghiên cứu các danh y Việt Nam, nhất là cuộc đời và sự nghiệp khoa học của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác được thể hiện trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” là một việc làm cần thiết. Trước hết việc nghiên cứu ấy được coi là một biện pháp quan trọng để thực hiện quan điểm trên của Đảng và Nhà nước; thứ hai nó góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử y học cổ truyền của dân tộc - một thành tựu văn hoá, khoa học có tính chất độc lập; thứ ba nó góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” được bắt đầu nghiên cứu từ thế kỷ 19. Vào thời Tự Đức, các tác giả Vũ Xuân Hiên, Lê Cúc Linh, nhà sư Thanh Cao đã có những nhận định về học thuật của Lê Hữu Trác. Các tác giả ấy đã nhận xét rằng “Việc trước thư lập ngôn không phải dễ dàng, nếu không giỏi rộng về y sao có thể khảo nghiệm được cổ kim để có những lời nói đích đáng hơn. Chỉ có tiên sinh dòng dõi trâm anh, ôm ấp tài cao hiểu rộng đã sâu sắc về nho lại tinh thông về y mới là người hiểu được những cái sâu sắc của Nội kinh, dò tới cội nguồn của bể y học. Tiên sinh là người duy nhất của nước Nam ta⁽²⁾. “Lãn Ông là người giỏi nghề y”. “Nội dung của sách chia

ra từng tập, từng loại cẩn kẽ, luận bày chú giải rõ ràng, gom góp được những điều cốt yếu của mọi nhà làm thành sâu sắc của một nhà lại có những điểm mâu chốt để nắm”⁽¹⁾.

Thời kỳ thực dân Pháp xâm lược nước ta, nền y học cổ truyền của dân tộc bị loại ra khỏi tổ chức y tế bảo hộ. Nhưng trên thực tế, nhân dân ta vẫn tin nhiệm chữa bệnh theo y học cổ truyền. Các bài viết của người Việt Nam ở thời kỳ này không nhiều. Một số bài đăng ở các báo, chủ yếu là giới thiệu những bài thuốc và kinh nghiệm chữa bệnh hay của ông. Một số thầy thuốc Tây y người Việt Nam và người Pháp đã có công trình nghiên cứu và viết về Lãn Ông. Đáng chú ý nhất trong thời kỳ này là tập “Hải Thượng Lãn Ông về nền đông y Việt Nam” của giáo sư P. Huard viết. Trong tập sách ấy, sau phần giới thiệu về thân thế và sự nghiệp của Lãn Ông, tác giả đã nhận thấy Hải Thượng Lãn Ông là học trò của Phùng Thị, của Trương Trọng Cảnh, đồng thời thấy rõ ông là người tiếp thu có nhiều sáng tạo đông y. Tác giả có nhận xét rằng : “Điều đáng chú ý trong sự tiến triển tư tưởng của ông là khiếu sắc nhọn trong quan sát, sự xác đáng và phong phú của những ý kiến phê phán, cũng như sự sáng tạo, những phương pháp chữa bệnh mới dựa trên những sự kiện mới. Không thể choáng lộn bởi khoa học

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện hội nghị lần thứ tư của BCHTW Đảng CSVN khoá VII, Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội, 1993, trang 40.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh, NXB Y học Hà Nội, 1991, trang 18.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991 tr.18-19.

cổ truyền, ông đã nêu lên những điểm yếu của nó và xây dựng một nền y học thích hợp với các loại hình phong tục và được liệu địa phương. Nền khoa học ấy đã có một thành quả rộng lớn lâu bền ở Việt Nam”⁽¹⁾. “Ở Lân Ông, người ta có thể tìm thấy sự kết hợp tuyệt diệu giữa nhà nho có tâm hồn cao thượng của cổ nhân với con người khoa học mà những kiến thức thực sự uyên bác và phương pháp luận của nó, các nhà bác học Châu Âu không thể mong đợi có hơn được”⁽²⁾. Nhìn chung ở thời kỳ này, kết quả nghiên cứu về Lê Hữu Trác chủ yếu là y học, bước đầu có một vài nhận xét về tư tưởng nói chung. Còn những tư tưởng triết học và sự vận dụng vào y học ở trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” chưa có tác giả nào đề cập.

Từ năm 1954 đến nay, số lượng tác giả, đề tài và nội dung nghiên cứu về Lê Hữu Trác khá phong phú. Những nội dung nghiên cứu được nhiều tác giả quan tâm : Lê Hữu Trác là nhà y học, nhà tư tưởng. Các nhà y học thường tập trung nghiên cứu những cống hiến của ông về các vấn đề y học. Các nhà tư tưởng thông qua hệ thống y học đồ sộ, chặt chẽ, nhất quán trong trước tác để đi sâu nghiên cứu cơ sở tư tưởng của hệ thống ấy. GS.TS. Nguyễn Tài Thư đã có nhận xét rằng : “Lê Hữu Trác là một hiện tượng đặc biệt của thế kỷ 18, cả thế giới quan và nhân sinh quan đều đạt tới đỉnh

(1) P.Huart Hải Thượng Lân Ông et la medicine Sino - Vietnamiennen. Bulletin, 1953, tr.19.

(2) Nguyễn Trần Huân. Contribution à l'étude de L'ancienne Therapeutique Vietnamienne [These] EFEO. 1952, tr.12.

cao của tư tưởng, của tư duy, của lối sống, có ảnh hưởng lớn đối với đương thời và hậu thế”⁽¹⁾. PGS. Nguyễn Đức Sư cho rằng : “Lê Hữu Trác rất quan tâm đến mối liên hệ giữa y học với thế giới quan triết học, với sự hiểu biết những vấn đề chung của toàn thế giới và những quy luật của thế giới”⁽²⁾. Khi bàn đến nguyên nhân những thành công trong y học, Nguyễn Đổng Chi cho rằng phương pháp tư tưởng của Lê Hữu Trác có những yếu tố biện chứng chất phác và chủ nghĩa duy vật thô sơ⁽³⁾. Về vấn đề con người Bùi Đăng Duy cho rằng : “Lê Hữu Trác không dừng lại ở việc xem xét con người với tư cách là đối tượng chữa bệnh mà ông còn mở rộng sự suy nghĩ tới quan hệ người với người”⁽⁴⁾. Điểm chung của các công trình nghiên cứu trong thời kỳ này là thừa nhận bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” có những tư tưởng triết học và tư tưởng đạo đức nhưng chỉ mới đề cập ở những nét cản bản. Đó là những thành tựu bước đầu hết sức quan trọng khi nghiên cứu tư tưởng của Lê Hữu Trác. Nhưng, nội dung tư tưởng triết học và đạo đức y học đã khát quát trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” là gì ? Cội nguồn của những tư tưởng ấy ? Sự vận dụng vào y học như thế nào ? v. v.. thì các tác giả chưa trình bày.

(1) Nguyễn Tài Thư (Chủ biên) Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập I, NXB KHXH, HN 1993, tr.459.

(2) Nguyễn Đức Sư. Cơ sở triết học của bộ Lân Ông tâm linh. Tạp chí Triết học, số 1/1977.

(3) Nguyễn Đổng Chi. Tinh thần khoa học và tinh thần phục vụ quần chúng của Lê Hữu Trác. Tạp chí NCLS số 135, 1971.

(4) Bùi Đăng Duy. Y đạo và lý tưởng xã hội của Hải Thượng Lân Ông. Tạp chí Đông y, số 110-111, 1971.

Cuốn sách “**Đại danh y Lân Ông và cơ sở tư tưởng của nghề làm thuốc, chữa bệnh**” được hoàn thành trên cơ sở luận án tiến sĩ Triết học với đề tài “**Bộ Hải Thượng y tông tâm linh với sự vận dụng những tư tưởng triết học Trung Quốc thời cổ**”. Một nội dung đã được công bố tóm lược chưa hệ thống trong tạp chí Cộng sản, tạp chí Triết học, tạp chí Nghiên cứu y học. Nhân dịp này, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới PGS. Nguyễn Đức Sư - người đã hướng dẫn chúng tôi hoàn thành luận án này, chân thành cảm ơn GS. TS. Nguyễn Trọng Chuẩn, Chủ tịch Hội đồng chấm luận án Nhà nước, chân thành cảm ơn các thành viên trong Hội đồng là PGS.TS. Nguyễn Phú Trọng, GS. TS. Đỗ Nguyễn Phương, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Tài Thư, GS.TS. Nguyễn Hữu Vui, GS.TS. Lê Sĩ Thắng, GS.TS. Nguyễn Ngọc Long về những nhận xét khách quan và sự chỉ bảo chân tình giúp chúng tôi nâng cao chất lượng luận án.

Hy vọng cuốn sách sẽ là một tài liệu tham khảo bổ ích cho những người nghiên cứu triết học phương Đông, những người nghiên cứu y học cổ truyền của dân tộc Việt Nam.

II. LÊ HỮU TRÁC CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC.

1. Tình hình xã hội và văn hoá Việt Nam thế kỷ 18.

Xã hội Việt Nam thế kỷ 18 là một xã hội có nhiều chuyển biến chính trị đáng kể, đồng thời là một xã hội có sự phát triển văn hoá khoa học quan trọng.

Về chính trị, xã hội nước ta lúc bấy giờ chia làm hai miền là Đàng Ngoài và Đàng Trong. Đàng Ngoài do tập đoàn phong kiến họ Trịnh lấy danh nghĩa phò Lê để nắm quyền. Đàng Trong từ sông Gianh trở vào của tập đoàn phong kiến Nguyễn cát cứ. Từ năm 1673 đến 1785 chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn diễn ra. Giai cấp phong kiến Đàng Ngoài và Đàng Trong lao vào cuộc ăn chơi, hưởng lạc kéo dài, thi nhau bóc lột nhân dân. Nạn vỡ đê, mất mùa đói kém, bệnh tật xảy ra liên tiếp. Nông dân bị dồn đến chân tường, các cuộc khởi nghĩa liên tiếp xảy ra⁽¹⁾. Do tình hình chính trị không ổn định mà các phái chèn ép lẫn nhau, nhân dân chán ghét chế độ vua quan, tư tưởng sĩ phu hoang mang, nhiều người không dám tham gia chính cuộc, rút lui về vùng thôn dã ở ẩn, cũng có người cho mình là “cao sĩ” rồi mục nát với cỏ cây.

Đồng thời với những cuộc khởi nghĩa của nông dân vang dội, là sự trỗi dậy của chủ nghĩa nhân đạo và khát vọng giải phóng cho con người khỏi sự chà đạp của giai cấp thống trị. Văn học chưa đựng chủ nghĩa nhân đạo và phát triển mạnh với những tác phẩm nổi tiếng như Cung oán ngâm khúc, Chinh phụ ngâm, Truyện Kiều, Phạm Tải Ngọc Hoa, Tống Trần Cúc Hoa... Cùng với văn học, khoa học xã hội và khoa học tự nhiên có những bước phát

(1) Đàng Ngoài có các cuộc nổi dậy : Nguyễn Dương Hùng (1737), Nguyễn Tuyển (1739), Nguyễn Hữu Cầu tức Quận He (1743 - 1751), Nguyễn Danh Phương tức Quận Héo (1740 - 1756).

triển quan trọng. Sử học có “Lê Triều thông sử”, “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn. Đặc biệt y học đã phát triển lên một bước mới. Các nạn đói, nạn dịch, chiến tranh đã đặt ra những yêu cầu cấp bách cho y học. Sự phát triển của nền giáo dục Nho học thời kỳ này phát triển đã cung cấp một số nhà Nho đã đạt không ra làm quan hoặc không đỗ đạt cho nghề y, thúc đẩy nghề y phát triển. Sự giao lưu văn hoá giữa nước ta và Trung Quốc thời kỳ này cũng được đẩy mạnh hơn trước, nhiều bộ sách thuốc của các danh y Trung Quốc đã được nhập vào nước ta.

Tất cả những yếu tố đó của thời đại đã tạo điều kiện cho y học phát triển mạnh mẽ, nhiều danh y xuất hiện, tiêu biểu nhất là Lê Hữu Trác. Ông không những có tên tuổi trong lịch sử y học, trong lịch sử văn học, mà còn có tên tuổi trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

2. Cuộc đời trước khi bước vào nghề y.

Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, nhà y học cự phách, nhà tư tưởng lỗi lạc, nhà văn xuất sắc của nước ta ra đời ngày 12 tháng 11 năm Canh Tý (1720) tại thôn Văn Xá, làng Liêu Xá, huyện Đường Hảo, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương (nay là huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên). Đó là một miền quê trù phú của đồng bằng Bắc bộ, phía Đông kinh thành Thăng Long. Làng Liêu Xá quê hương của Lê Hữu Trác là một làng quê sầm uất, đình chùa mái ngói đỏ san sát, ẩn sau những vòm tre xanh mát. Ở ven làng Liêu Xá có một cái đầm hình cái bầu

lượn sát bên hàng tre ngả bóng và ngăn làng ra thành hai xóm ở hai bên đầm.

Nhưng làng Liêu Xá cũng như những thôn xóm lân cận không những có cảnh trí hữu tình, mà còn là một nơi văn vật. Chính nơi đây đã sản sinh ra nhiều vị tú nho văn chương lỗi lạc, nhiều bậc khoa bảng nổi tiếng tăm lừng lẫy. Riêng Lê Hữu Trác cũng đã sinh ra trong một gia đình mấy đời đỗ đại khoa là cha, ông, chú, bác, anh, em, đã có nhiều người giữ trọng trách của triều đình⁽¹⁾. Dòng họ bên ngoại Lê Hữu Trác cũng là dòng họ hiển đạt. Ông ngoại Lê Hữu Trác là một võ quan làm đến chức tham đốc tướng công. Mẹ Lê Hữu Trác là bà Bùi Thị Thưởng, vợ thứ của Lê Hữu Mưu. Lê Hữu Trác là con thứ bảy của Lê Hữu Mưu, nên lúc nhỏ tục gọi là cậu Chiêu Bảy. Có thể nói gia đình, dòng họ Lê Hữu Trác là một gia đình danh gia vọng tộc và đạt tới mức vinh hiển nhất vào thời cha, chú của ông. Lúc sinh thời, Lê Hữu Mưu và Lê Hữu Kiều có xây dinh thự không chỉ ở quê hương mà cả ở Thăng Long. Cậu Chiêu Bảy sinh ra và được nuôi nấng chăm sóc trong sự đầy đủ và cao sang của gia đình quý tộc đó. Thời tuổi nhỏ, cậu Chiêu Bảy đã theo cha đi học ở kinh thành Thăng Long và nổi tiếng là người thông minh học giỏi.

Ngay lúc bấy giờ, năng khiếu thi ca và sự ham mê vẻ đẹp thiên nhiên của cậu bắt đầu nảy nở. Cậu cùng những người bạn sinh thơ kết thành một thi xã thường đến Hồ

(1) Bằng tiến sĩ : Ông nội, bố, bác, chú, anh và em con cháu.

Tây thuê thuyền buông chèo ra giữa hồ du ngoạn để thưởng thức cảnh trời mây nước.

Thế rồi đến năm Kỷ Mùi (1739) Lê Hữu Mưu chết. Cuộc sống êm đềm trong sự giàu sang của cậu Chiêu Bảy đột nhiên chấm dứt vào lúc 19 tuổi. Cha mất sớm, Lê Hữu Trác phải thôi học và trở về quê giữa lúc những cuộc khởi nghĩa của nông dân liên tiếp nổ ra như vũ bão ở các tỉnh thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhất là ở Đông Nam kinh thành Thăng Long. Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cử, Vũ Trác Oánh khởi binh ngay tại đất Hải Dương. Nghĩa quân của Hoàng Công Chất thường hoạt động ở ven sông Hồng, có lần chiếm giữ cả vùng Khoái Châu.

Hải Dương là nơi Nguyễn Hữu Cầu (Quận He) thường hành binh qua lại. Vì thế quê hương của Lê Hữu Trác không khỏi là địa bàn hoạt động của nghĩa quân, là bối chiến trường của quân khởi nghĩa nông dân và quân đội triều đình. Tình hình đó đã được Lê Hữu Trác nói lên trong những lời thư cảm thán :

*Hồng - Châu trước nỗi binh đao
Kim đài chiến đấu máu đào thành sông
Xương vùi mồ mả chập chồng
Luỹ xưa cát trắng một vùng còn ghi*

Và ông không thể cứ mải miết đọc sách, theo đuổi chí lớn của mình trên con đường dùi mài kinh sử, ông phải gác bút nghiên, thay đổi phương hướng cuộc đời. Qua hai năm học tập thuật âm dương và binh thư, ông ra tòng quân và dấn thân mình vào cuộc đời nội chiến

khốc liệt để thực hành những điều vừa thu lượm trên sách vở.

Qua bao phen chiến đấu hiểm nghèo, ông vẫn an toàn và trong nhiều trận ông đã giành được thắng lợi. Những thắng lợi trên chiến trường không hề làm ông say mê với cung kiếm. Trong những ngày sống trong quân đội Chúa Trịnh, ông càng nhận định ra tính chất vô nghĩa của cuộc chiến tranh đòn áp khởi nghĩa nông dân mà bản thân ông bị lôi cuốn vào. Trước mắt ông, cuộc chiến tranh đó chỉ gây ra cảnh đau thương tang tóc cho nhân dân. Vì vậy ông sinh ra chán nản và quyết chí khuất từ mọi sự đê tiện và khen thưởng của chủ tướng. Nhiều lần ông tự hỏi mình : "Chí bình sinh chưa thoả mãn thì cầu cạnh làm chi, giận một nỗi trời bắt mình khó nhọc để làm gì?"⁽¹⁾. Thế rồi ý định từ bỏ quân đội càng được củng cố trong lòng ông. Chợt đến khi được tin người anh thứ năm ở Hương Sơn với cha mẹ già vừa bị bệnh mà mất, Lê Hữu Trác bèn dứt cung cởi giáp xin về chịu tang anh.

Từ đây trở đi cuộc sống của Lê Hữu Trác gắn liền với quê ngoại của mình ở xứ Bầu Thượng, xã Tịnh Diệm, là một thôn xóm yên tĩnh và hẻo lánh bên bờ con sông Ngàn Phố xinh đẹp và trong vắt của huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Đằng sau thôn là những ngọn núi thấp thoai thoái, cây cỏ tốt tươi, đủ sức quyến rũ và thu hút tâm hồn con người hoà lắn vào vẻ tĩnh mịch thư thái và nhiều

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học 1991, tr.21.

âm thanh màu sắc của thiên nhiên. Lê Hữu Trác giải ngũ về quê ngoại lúc đầu vẫn mang phong thái của một tráng sĩ không rời thanh gươm và say mê đọc sách. Nhưng đó chỉ là một tráng sĩ đang hoài nghi mục đích chiến đấu của mình và hoang mang đến cực độ, không biết đi ngả nào khi đứng trước ngã ba đường :

*Tìm đường về Hán chưa xong
Sang Tần thì việc đã không nên rồi
Biển hồ trôi dạt đồi nơ
Cho người tráng chí ra ngoài cuồng ngông*

Nỗi niềm tâm sự đó không khỏi gây nên những cơn bão tố trong lòng một con người luôn luôn ôm chí làm nên sự nghiệp to lớn như Lê Hữu Trác.

Tuy nhiên cuộc sống sôi động hàng ngày vẫn luôn luôn cuốn Lê Hữu Trác đi theo chiều của nó. Giờ đây ông phải làm lụng nuôi mẹ già và mấy đứa cháu mồ côi. Đã xa rồi những ngày sống cảnh giàu sang với cha ở đất kinh thành. Từ khi cha mất, rồi tiếp đó là chú Lê Hữu Kiều mất thì cuộc sống giàu sang của ông sa sút nhanh chóng. Trở về quê Hương Sơn ông không có chút vốn liếng gì, chỉ mang theo mình thanh gươm và cặp sách mà thôi. Để phụng sự mẹ già và bảo đảm cuộc sống cho các cháu, Lê Hữu Trác phải vất vả sớm hôm lo lắng công việc không lúc nào nhàn rỗi. Sự vất vả khó nhọc và thiếu thốn làm cho sức khoẻ của ông ngày càng sút kém, cuối cùng ông lâm bệnh nặng. Bệnh tình của ông dây dưa đến vài năm

không khỏi, ông phải tìm đến nhà lương y Trần Độc ở Núi Thành thuộc huyện Hưng Nguyên, Nghệ An để chữa. Trong hơn một năm chạy chữa thuốc thang, nhân có thời gian rỗi rã, ông mượn đọc cuốn “Phùng Thị cẩm nang bí lục”. Mới đọc qua cuốn sách ông đã thông hiểu được sâu sắc ý nghĩa sâu xa về dịch lý âm dương trong đó, khiến cho lương y Trần Độc lấy làm kinh ngạc. Lúc bấy giờ, những vấn đề y học đã có một sự hấp dẫn kỳ lạ đối với Lê Hữu Trác. Nhưng vì công việc còn bận rộn, Lê Hữu Trác chưa thể thu xếp thời gian để đi hẳn vào môn y học mà ông đã bắt đầu thích thú. Đến khi Hải tướng quân Chúa Trịnh vây đánh Nguyễn Hữu Cầu ở Bào Giang (Nghệ An) có cho người mời Lê Hữu Trác đến vien môn và bí mật bảo ông dẫn một cánh quân ngầm đánh úp vào phía sau đối phương. Sau khi giao nhiệm vụ, vị tướng này còn dụ dỗ ông rằng : “Việc bái tướng phong hầu chỉ là quan hệ ở trận này”⁽¹⁾. Nhưng Lê Hữu Trác nghĩ rằng “cái chí bon chen trong đường danh lợi mình đã bỏ từ lâu rồi”⁽²⁾ cho nên ông có ý từ chối lấy cớ mẹ già không thể đi xa được. Việc từ chối tướng lệnh đó của Lê Hữu Trác vào cuối năm 1750 là dấu hiệu cuối cùng nói lên sự đoạn tuyệt của ông với nghề chinh chiến.

Thế rồi, Lê Hữu Trác về hẩn Hương Sơn với núi rừng yên tĩnh để có thể dành cả sức lực và cố gắng của mình

^{(1) + (2)} Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học 1991, tr.21.

cho y học, một môn khoa học mà ông say mê từ khi bắt đầu tiếp xúc với nó. Tuy xuất thân từ hàng ngũ kẻ sĩ của giai cấp phong kiến, nhưng được nhìn thấy sự đỗ vỡ của một trật tự xã hội đương thời, chán chường công danh, do yêu cầu chữa bệnh cho bản thân và gần gũi hoà mình với cuộc sống thiêng thốn và bệnh tật của nhân dân trong những ngày ông về Hương Sơn nuôi mẹ là những lý do thúc đẩy ông đi sâu vào nghề làm thuốc với một quyết tâm cao độ.

3. Thời kỳ làm thuốc nghiên cứu học thuật, sáng tạo về tư tưởng và văn học.

Từ mùa xuân năm 1751, ở Hương Sơn, Lê Hữu Trác làm nhà ngay tại ven rừng để có điều kiện chuyên tâm học thuốc. Lúc này ông lấy tên hiệu là “Lân Ông” để tỏ ý ông lười ở ẩn, không màng công danh lợi lộc, đua chen đường đời. Ông tỏ rõ bản lĩnh của mình bằng đôi câu đối dán trước nhà như sau :

Lành cung biếng làm, huống là ác

Sang còn chẳng dám, há lo nghèo

Chí hướng y học đã được xác định. Tâm trạng của ông khi bước vào địa hạt y học được diễn tả trong bài thơ thuật hứng :

Gió mây chí cá không thành

Lui về núi cũ tập tành nghề y

Suối đào, bóng trúc rợp che

Mây trùm viên sách đôi khi lạnh lùng
Treo gươm gác chí anh hùng
Khi say dạo khúc tơ đồng canh thâu

Trong cảnh tĩnh mịch và vắng lặng của núi rừng, Lê Hữu Trác càng tập trung tư tưởng và say mê với những chồng sách thuốc. Ông học tập mải miết, không tiếc từng phút, từng giây. Sự chăm chỉ sách đèn và cái chí muốn làm nên sự nghiệp to lớn của ông hồi còn nhỏ thì giờ đây đã chuyển hẳn vào nghiên cứu y học. Cái chí lớn của ông lúc này đã được ông khẳng định rõ ràng : “Tôi đặt mình vào nghề thuốc nên lúc nào cũng muốn trước thuật cho nhiều để cẩm cờ đỏ trong ngành y”⁽¹⁾.

Ở một vùng hẻo lánh, Lê Hữu Trác cố tìm thầy kết bạn để học thuốc nhưng mãi không tìm được một người thầy giỏi nào, cho nên ông vẫn lấy việc tự học là chính. Ông tìm đọc đủ sách : “Y học nhập môn”, “Cánh Nhạc toàn thư”, “Nam dược thần hiệu”, “Thương hàn luận”, “Bảo sinh diễn thọ toàn yếu”... Qua các tập sách thuốc, ông say sưa nghiên cứu, suy nghĩ miệt mài, chỉ một mình mò mẫm, tự hỏi tự đáp để lĩnh hội cho được mọi vấn đề. Sau đó ít lâu, Lê Hữu Trác gặp được ông lang họ Trần ở làng Đậu Xá bên cạnh. Ông đi lại rất thân mật để học hỏi và trao đổi ý kiến với ông lang họ Trần. Nhờ đó mà

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học 1991, tr.21.

ông biết thêm được nhiều điều bổ ích. Vài ba năm sau, sự hiểu biết về y học của ông đã tăng tiến khá nhiều. Ông đã chữa được nhiều bệnh thông thường cho gia đình và bà con thôn xóm. Nhưng ông vẫn còn cảm thấy năng lực của mình chưa thật vững vàng, nên mùa thu năm Bính Tý (1754) Lê Hữu Trác lại tới thành Thăng Long để tìm thầy học thêm. Nhưng tiếc thay, ông không tìm được người thầy thật uyên thâm như ông vẫn mong muốn. Ông đành phải mua thêm ít sách rồi trở về quê cũ ở Hương Sơn khước từ mọi sự giao lưu, đóng cửa để đọc sách, rồi vừa đọc sách vừa chữa bệnh cho nhân dân địa phương. Sau 10 năm, tiếng tăm của ông đã vang khắp vùng Nghệ Tĩnh.

Từ năm 1760, Lê Hữu Trác mở trường dạy về y khoa cho đồ đệ của mình và bắt đầu tiến hành viết bộ “Lãn Ông tâm linh” nổi tiếng.

Công việc nghiên cứu và trước tác của Lê Hữu Trác đã gắn chặt với thực tiễn chữa bệnh phong phú và tích cực của ông. Trong khi chữa bệnh cho mọi người, ông đề cao tinh thần trách nhiệm, tận tuy phục vụ cho bệnh nhân. Đứng trước một con bệnh, ông chẩn đoán cẩn thận, suy nghĩ kỹ càng rồi mới kê đơn bốc thuốc. Và đã bắt tay vào điều trị cho bệnh nhân thì ông không quản ngại gian lao vất vả, đường sá xa xôi, đêm hôm mưa gió, đem hết sức mình và cả tấm lòng của mình ra chạy chữa thuốc thang. Nhưng điều đặc biệt đáng chú ý ở Lê Hữu Trác là ông rất quan tâm chữa bệnh cho người dân lao động nghèo khổ và tự đặt cho mình cái sứ mệnh vinh quang là “Thày

thuốc của kẻ nghèo hèn”. Ông rất xúc động và thông cảm trước tình cảnh những bệnh nhân túng thiếu, “những người mồ côi, ở goá, kẻ hiền con hiếu lại ốm đau”. Ví dụ như trường hợp một bé gái 13 tuổi con nhà thuyền chài nghèo khó bị bệnh đậu mùa rất nguy cấp, ông đã hết lòng cứu chữa và nhiệt tình giúp đỡ em về mọi mặt, kể cả sự giúp đỡ về thuốc men, gạo củi... cho đến khi khỏi bệnh hoàn toàn mới thôi.

Lê Hữu Trác đã vứt bỏ danh lợi để đi vào y học nên tiền tài và uy thế không thể nào quyến rũ được ông. Trong công việc chữa bệnh hàng ngày ông tự xác định cho mình một phương châm xử thế “Đối với người giàu sang không bị động vì lợi dục, đối với người nghèo hèn không dám coi thường sự sống chết”⁽¹⁾.

Một đặc điểm nổi bật trong quan niệm y học của Lê Hữu Trác là chú trọng điều hoà thuỷ hoả và lấy bổ làm chính, đã có liên hệ với thực tiễn chữa bệnh của ông, nhất là bệnh tinh của bản thân ông và những người trong gia đình ông. Hàng ngày bốc thuốc điều trị cho nhân dân, ông thường tiếp xúc với loại bệnh do hư gây ra, nhất là do sự hao tổn và chênh lệch của chân thuỷ, chân hoả. Vả lại, bệnh tinh hồi tráng niên của Lê Hữu Trác cũng là do cơ thể suy nhược mà ra. Do đó, ông càng thấm thía cái điều sở đắc ấy của mình và tôn sùng Phùng Triệu Trương làm tôn sư.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học 1991, tr.26.

Trong những ngày tìm hiểu y học và làm thuốc giúp dân ở Hương Sơn, Lê Hữu Trác cảm thấy tâm hồn mình được thanh thản, thư thái, không còn bị khuấy động lên vì công danh lợi dục nữa. Cho nên ý thơ của ông càng lai láng, nồng khiếu thi ca vốn sẵn có từ nhỏ của ông càng được dịp phát triển. Ông sáng tác khá nhiều thơ hay, được chép lại ở quyển đầu và rải rác ở quyển sau của bộ “Lân Ông tâm linh”. Cái khí vị khói mây và sự say mê vẻ đẹp thiên nhiên đã nảy nở trong thơ của ông hồi còn nhỏ, thì bây giờ đây lại càng đậm nét khi ông được về ở hòn với núi non rừng suối. Có thể nói thơ ông dựng lại cảnh thiên nhiên rất đẹp, rất tinh tế, đồng thời cũng thể hiện một chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc, một tâm hồn dễ xúc động và một sự suy tư sâu thẳm của nhà tư tưởng.

Tác phẩm “Âm dương y án” mà ông viết trong dịp này ngoài nội dung y học ra còn là những trang bút ký sinh động, sắc sảo, làm sống lại cảnh sinh hoạt hiện thực của nhân dân, với những việc làm và cảm nghĩ của ông, với tư cách là người thầy thuốc có lương tâm, luôn gắn mình với cảnh sinh hoạt ấy.

Vào khoảng những năm tám mươi của thế kỷ 18, hầu hết các phần chính của bộ “Lân Ông tâm linh” đã cẩn bản viết xong. Bản thân Lê Hữu Trác cũng đã đào tạo được nhiều học trò và chữa chạy cho rất nhiều người khỏi bệnh, kể cả chữa cho Hoàng Đinh Bảo ở Nghệ An lúc bấy giờ.

Do sự tiến cử của Hoàng Đinh Bảo với tư cách là quan chánh đường năm quyền ở phủ Chúa, mà năm 1728 Lê

Hữu Trác có chiếu chỉ triệu về kinh chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán. Lúc tạm biệt bà con thân thuộc và cỏ hoa nơi núi cũ để lên kinh, ông rất lấy làm ân hận vì danh tiếng của mình đã làm lụy đến thân, giống như “cái cây kia có hoa nên bị người ta hái”. Nhưng sau ông cũng được an ủi đôi phần vì nghĩ rằng có thể nhân dịp lên kinh mà tiến hành in bộ sách “Lân Ông tâm linh”, để “công bố cho mọi người biết”. Tâm trạng của ông lúc này đã được diễn tả trong những lời thơ chân thực :

*Lệnh Vua muôn dặm phải vào triều
Vó câu nửa gánh yên hè nhẹ
Tiễn khách đây non vượn hạc reo
Chỉ có hư danh không phép la
Bè rộng giáp mặt ngại ngùng nhiều*

Ở Thăng Long, lúc đầu chữa bệnh cho Trịnh Cán, ông bị các ngự y đèm pha nén đơn thuốc của ông đệ lên không được dùng. Tuy nhiên ông vẫn kiên trì phương hướng điều trị lấy bổ làm chính mà ông đã xác định trong suốt đời làm thuốc của mình. Dựa vào đó ông đã thẳng thắn phê bình những quan niệm sai lầm về y học của các ngự y trong triều.

Về sau ông được mời chữa bệnh cho Trịnh Sâm. Chúa Trịnh cũng biết qua loa về y lý, có chất vấn ông về cách thức điều trị. Ông trả lời có căn cứ chắc chắn cả về lý thuyết lẫn thực hành nên Chúa Trịnh khen ông là hiếu sâu y lý. Ông được Chúa ban thưởng, do đó tài năng của

ông được truyền khắp trong phủ Chúa. Ông lại được lệnh chữa luôn cho thế tử, nhưng ông thấy bệnh tình của thế tử đã nguy kịch, khó lòng qua khỏi nên ông cáo ốm để nhường cho một lương y khác chữa chạy.

Trong những ngày lưu lại kinh đô, các bậc khanh tướng, quan lại luôn đến thăm ông và nhờ ông chữa bệnh, bệnh phần nhiều chóng khỏi nên thanh danh ông lan khắp kinh thành. Nhưng sự ban khen của Chúa và danh vọng ở chốn kinh kỳ không hề quyến rũ được một người kiên quyết từ bỏ danh lợi và quyền vị như ông. Vả lại, tiếp xúc với bệnh tật của các bậc vương giả khanh tướng do cảnh sống xa hoa, trụy lạc gây ra, ông cảm thấy mất hứng thú, cho nên ông càng nhớ và mong muốn được trở về Hương Sơn cảnh cũ.

Ý định in bộ “Lân Ông tâm linh” ngay tại Thăng Long cũng không thành vì đơn thuốc đưa ra không được dùng thì sách làm sao in được. Nhưng trong chuyến đi này ông được biết thêm nhiều chuyện, trước hết là sách thuốc của ông được học trò sao chép để sử dụng tại chỗ, được đưa đi các nơi khác, đem lại ảnh hưởng không nhỏ. Đồng thời tình cờ ông gặp lại bà sư già Huệ Câu vốn xưa là người vợ chưa cưới của ông ở Sơn Nam. Vì hoàn cảnh éo le mà hai bên không lấy được nhau để đến nỗi bà phải ôm mối tình chung thuỷ ở vậy đi tu cho đến già. Nghĩ thế, ông bàng hoàng cảm động, trong lòng áy náy không yên. Chỗ éo le của Lê Hữu Trác ở đây là người tình cũng như chính ông khi gặp lại nhau đều đã “da mồi, tóc bạc”.

Thế nhưng ông nhìn người cũ vẫn hết sức trân trọng, song chỉ ái ngại khi được nhìn lại “mặt hoa” của những thưở nào thì mùa xuân đã tàn.

Trong khi còn bị trói buộc vào nhiệm vụ trị bệnh ở phủ Chúa, Lê Hữu Trác may mắn xin được về thăm quê cũ Hải Dương. Ông tận mắt nhìn thấy quê cha đất tổ và gặp lại anh em họ hàng thân thuộc sau 30 năm xa cách mà trong lòng bồi hồi xao xuyến.

Từ đất Hải Dương trở lại kinh đô, Lê Hữu Trác miễn cưỡng phải hoàn thành nhiệm vụ điều trị của mình ở phủ Chúa và tìm mọi cách để được về quê Hương Sơn. Qua bao nhiêu khó khăn, ý muốn đó của ông mới được thực hiện. Ngày 2 tháng 11 năm Cánh Hưng thứ 43, ông về tới Hương Sơn trong sự mừng rỡ khôn xiết của những người trong gia đình, của các học trò và bà con trong thôn xóm.

Tiếp tục sống những ngày yên vui ở chốn núi non, rừng suối tinh mịch của huyện Hương Sơn, Lê Hữu Trác lại không ngừng chữa bệnh cho nhân dân và viết nốt những phần cuối của bộ “Lân Ông tâm linh”, trong đó có tập “Thượng kinh ký sự”, tường thuật việc lên kinh chữa bệnh của ông. Thiên ký sự này là những trang tuyệt bút, phản ánh lại hiện thực sinh động một số nét sinh hoạt của xã hội Việt Nam, trước hết là cảnh sống ở Thăng Long hồi cuối thế kỷ 18. Nó đánh dấu một bước phát triển quan trọng của văn xuôi và trước hết là của thể ký trong lịch sử văn học của nước ta.

Công việc làm thuốc giúp dân, nghiên cứu khoa học, sáng tạo về tư tưởng và văn học của Lê Hữu Trác kéo dài đến năm Tân Hợi (1791) thì chấm dứt. Ông mất tại quê mẹ ở xã Tịnh Diệm, huyện Hương Sơn vào ngày rằm tháng Giêng âm lịch năm ấy, hưởng thọ 71 tuổi.

4. Bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”, một công trình trước tác đồ sộ.

Một thành quả quan trọng trong sự nghiệp của Lê Hữu Trác là việc hoàn thành bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”. Lúc đương thời, bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” vẫn là một bản thảo chưa in, nhưng cũng đã được nhiều người chép tay và truyền tụng. Bộ sách này cùng với thực tiễn lâm sàng phong phú của Lê Hữu Trác là một công hiến quan trọng cho sự phát triển của nền khoa học và y học nước nhà lúc ấy. Đồng thời đó cũng là di sản hết sức quý báu của dân tộc mà các thế hệ sau đã nối tiếp nhau kế thừa giữ gìn và phát huy.

Để viết nên bộ sách này, Lê Hữu Trác đã phải trải qua mấy chục năm trời “nằm gai nếm mật”, “vắt hết ruột gan, thổ lộ hết đáy lòng”. Đây là một công trình trước tác có quy mô, có hệ thống. Các quyển, các chương mục của bộ sách được tác giả sắp xếp một cách chặt chẽ, có liên hệ hữu cơ với nhau như một thể hoàn chỉnh nhất quán. Trong bộ sách bao gồm sáng tác văn học, những thành quả nghiên cứu y học, cơ sở triết học của y học với những quan niệm về xã hội, về đạo đức của Lê Hữu Trác. Nhìn vào toàn bộ thì vị trí của những sáng tác văn học trong

bộ sách là những nét hoa văn, còn nội dung chính của bộ sách là các vấn đề y học. Theo một trình tự chặt chẽ, các vấn đề đó đã được trình bày rải ra trong 28 tập, 66 quyển. Những quyển mà hiện nay đã sưu tầm được bao gồm :

Phần lý luận cơ bản :

Tập đầu, tựa đề năm 1770 có : Mục lục bộ sách, một tập thơ “Y lý thâu nhàn”, một thiêng “Y huấn cách ngôn” nói về đạo đức của người thầy thuốc và một thiêng “Y nghiệp thần chương” nêu khái quát nội dung của bộ sách và những điểm chính về lý luận cơ bản.

1. Tập Nội kinh yếu chỉ : Trích những điều căn bản của nguyên lý nội kinh xếp thành bảy mục : Âm dương, hoá cơ, tạng phủ, bệnh nặng, trĩ tắc, di dưỡng, mạch kinh, kèm theo chú thích.
2. Tập Y gia quan miện : Phân tích và tổng hợp lý luận cơ bản về âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc, khí huyết, chẩn đoán, mạch học, bệnh lý, trị pháp.
3. Tập Y hải cầu nguyên : Nêu lên những quy luật chung về sinh lý, bệnh lý và nguyên tắc trị liệu.
4. Tập Huyền tần phát vi : Nói về thiên thuỷ hoả, mènh mòn, cơ năng sinh lý và bệnh lý của chân thuỷ, chân hoả cùng phép chữa.
5. Tập Khôn hoá thái chân : Bàn về hậu thiên tỳ vị, cơ năng tiêu hoá và tác dụng của khí huyết, bệnh lý và phép chữa.

6. Tập Đạo lưu dư vận : Biện luận và bổ sung những điều tồn tại về y lý.

7. Tập Vận khí bí điển : Nói về vận khí mỗi năm, mỗi mùa, về khí hậu và cách dùng thuốc theo thời tiết (soạn năm 1786).

8. Tập Châu ngọc cách ngôn (Truyền tâm bí chỉ) : Thâu tóm các điều thiết yếu về lý, pháp, phương, dược, xây dựng quy tắc cho việc chẩn đoán chữa bệnh.

Phân bệnh học và phương tề học :

9. Tập Ngoại cảm thông trị : Nói về đặc tính bệnh ngoại cảm của nước ta là xứ nóng, khác với bệnh thương hàn của Trung Quốc do khí hậu rét, lạnh, nên không dùng các phương thang của Thương hàn luận. Tác giả đã sáng chế 9 phương mới để đáp ứng bệnh cảnh nước ta.

10. Tập Bách bệnh cơ yếu : Biện chứng luận trị (Bệnh học nội khoa).

11. Tập Y trung quan kiện : Chỉ dẫn những điều cốt yếu về phương pháp điều trị.

12. Tập Phụ đạo xán nhiên : Chuyên về phụ khoa.

13. Tập Toạ thoả lương mô : Chuyên về sản khoa.

14. Tập Bảo thai thần hiệu : Nói về khoa sản, về các bệnh trong thời gian sinh đẻ.

15. Tập Ấu áu tu tri : Chuyên về nhi khoa.

16. Tập Mộng trung giác đậu : Chuyên về bệnh đậu

mùa.

17. Tập Ma chẩn chuẩn thằng : Chuyên về bệnh sởi.

18. Tập Tâm đắc thần phương : Gồm 70 phương thuốc kế thừa của Phùng Thị cầm nang.

19. Tập Hiệu phỏng tâm phương : Chép 29 phương mới của Lãnh Ông.

20. Tập Y phương hải hội : Chép 234 cổ phương chọn lọc.

21. Tập Hành giản trân nhu : Gồm 2210 phương đơn giản và kinh nghiệm ứng trị 126 loại bệnh đối chứng và phương pháp cấp cứu.

22. Tập Bách gia trân tàng : Chép 644 phương thuốc kế thừa của các y gia (gia truyền) ứng trị một số bệnh về ngũ quan, bệnh xã hội và một số tạp bệnh.

Phân dược học :

23. Tập Dược phẩm vị yếu : Gồm dược tính 150 vị thuốc thường dùng cùng phương pháp bào chế, cách phối hợp và công dụng.

24. Tập Linh nam bản thảo : Quyển thương chép 496 vị thuốc nam kế thừa của Tuệ Tĩnh “Nam dược thần hiệu”; quyển hạ chép 395 vị được phát hiện thêm hay bổ sung công dụng.

Phân bệnh án :

25a. Tập Y dương án : Chép 17 bệnh án chữa khỏi.

25b. Tập Y âm án : Chép 12 bệnh án tử vong và kiểm điểm những thiếu sót về trị liệu.

26. Tập Thượng kinh ký sự : Tả cuộc hành trình của Lân Ông lên kinh chữa bệnh, kèm theo một số bệnh án (soạn năm 1783).

Phần dưỡng sinh, vệ sinh, dinh dưỡng :

27. Tập Vệ sinh yếu quyết : Quyển thượng nói về phép dưỡng sinh; quyển hạ bằng ca nôm nói về phương pháp vệ sinh phòng bệnh chống dịch, tránh tai nạn và các phương thuốc giải độc, phòng dịch cấp cứu.

28. Tập Nữ công thăng lâm : Phần trước nói về các thức ăn, uống; phần sau nói về may mặc.

Đặc điểm nổi bật của 28 tập sách là :

1. Gương đạo đức nhân thuật để cho đời sau noi theo.
2. Gương kinh nghiệm sáng tạo về chữa bệnh theo bệnh cảnh và thực tiễn lâm sàng ở Việt Nam.
3. Phương pháp dưỡng sinh và vệ sinh phòng bệnh theo hoàn cảnh sinh hoạt của dân tộc ta.

Bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” đã lưu truyền gần 100 năm trong nhân dân với tư cách là một bản thảo chép tay. Mãi đến năm 1865 bộ sách mới được nhà y học Vũ Xuân Hiên sưu tầm và nhà sư Thanh Cao tiến hành khắc in được 55 quyển, 26 tập. Trong những năm gần đây đã sưu tầm thêm 2 tập cũn nằm trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” là tập “Vệ sinh yếu quyết” và “Nữ công thăng lâm”.

Có thể nói “Hải Thượng y tông tâm linh” là bộ “Bách khoa toàn thư y học” đồ sộ về nội dung, khối lượng, một công trình được biên soạn suốt cả cuộc đời với ý thức xây dựng một nền Đông y Việt Nam bằng tư duy độc lập, có tính chất phê phán và sáng tạo.

Để xây dựng được một hệ thống y học đồ sộ như vậy, tất nhiên Lê Hữu Trác phải dựa vào một cơ sở triết học về tự nhiên, về xã hội nhất định. Các quan điểm triết học đó có vị trí quan trọng trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”, tạo thành cơ sở tư tưởng cho nghề làm thuốc, chữa bệnh của Lân Ông.

III. TU TƯỞNG TRIẾT HỌC VỀ TỰ NHIÊN VÀ SỰ VẬN DỤNG VÀO Y HỌC.

Lê Hữu Trác viết :

“Không hiểu trời, đất, người, không nói đến chuyện làm thuốc”. Ông lại nói : “Học Kinh dịch đã, rồi sau mới nói đến chuyện học thuốc”. “Vì lý của âm dương tức là lý của y học”⁽¹⁾.

Bấy nhiêu điều khẳng định về y học như vậy chứng tỏ rằng Lê Hữu Trác rất quan tâm đến mối liên hệ của y học với thế giới quan triết học, sự hiểu biết về những vấn đề chung của toàn bộ thế giới và những quy luật của thế giới. Vì thế, những quan điểm triết học về tự nhiên đã có một vị trí đáng kể trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”. Đó

(1) Hải Thượng Lân Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.539.

không phải là những mẫu quan điểm vụn vặt rác mà là cả một loạt những kiến giải triết học nhất quán và được thực hiện một cách có ý thức. Những kiến giải triết học ấy được nêu lên trong nhiều trường hợp, ở hầu hết các chương mục chuyên bàn về những vấn đề lý thuyết cơ bản của y học và đặc biệt là ở các lời tựa của mỗi quyển trong toàn bộ công trình trước tác của Lê Hữu Trác.

1. Tư tưởng triết học về trời đất và sự vận dụng vào y học.

Trong triết học, vấn đề trời đất có ý nghĩa quan trọng vì đó là vấn đề căn bản của thế giới quan.

Những người sáng lập ra Nho giáo thường nói đến “Trời”, “Đạo Trời”, “Mệnh Trời”, nhưng lại không nói đến trời một cách rõ ràng, hệ thống. Đọc các sách kinh điển Ngũ kinh, Tứ thư, người ta thấy trời, đất, đặc biệt là trời sinh ra tất cả mọi vật, muôn vật đều do trời sinh ra “muôn vật gốc ở trời”.

Trước khi xuất hiện những trường phái khác nhau, rõ ràng về vũ trụ quan như Nho gia, Đạo gia, Mặc gia..., nói chung các triết gia thường gặp nhau ở chỗ cùng nhìn mọi vật bằng con mắt trực quan giản đơn và sơ lược. Liên hệ và quy nạp bằng tư duy tổng hợp, người ta đến chỗ gộp muôn vật vào năm hành : kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Từ cả năm hành lại nhìn ra khí, được coi như nguyên tố chung cho mọi vật trong giới tự nhiên. Khí có trong từng vật nhỏ li ti và cũng tràn đầy trời đất.

Nhưng không phải có khí là có trời đất ngay, cũng không phải có trời đất rồi mới có khí, hay trời đất đã sinh ra khí. Theo Kinh dịch, trước hết phải có thái cực, rồi từ thái cực sinh ra hai nghi, hai nghi sinh ra bốn tượng, bốn tượng sinh ra tám quẻ. Người ta giải nghĩa thái cực là cái cực lớn, không thể đo lường được. Thái cực là khối hon độn ban đầu chỉ có khí và khí, có khi được gọi là “khí mờ” (nhất khí), khí “hỗn nhiên”, “nguyên khí hỗn độn”. Trong từ ngữ triết học thuở xưa, thái cực là cái hỗn độn chưa phân thành gì cả và được quan niệm là chỉ có một thứ quý nhất tràn đầy tất cả tức là khí, cho nên người ta cũng có khi gọi thái cực là “nhất khí” hoặc “nhất” đều là một khối hỗn độn trước khi phân ra thành hai nghi, một nghi là trời, một nghi là đất. Giữa hai nghi thì nghi trời ở trên cao là to nhất.

Học thuyết về trời, đất với các quan điểm như vậy đã phản ánh thật thà sự nhận thức theo quan điểm cảm tính của con người thượng cổ... Học thuyết ấy đã giúp Khổng Tử ghi lại vào những tài liệu kinh điển của Nho giáo, được coi là những đầu mối mở đường cho vũ trụ quan duy vật của một số trường phái triết học đời sau. Chẳng hạn trường phái Vương Sung đời nhà Hán, trường phái Chu Đôn Di đời nhà Tống... Vương Sung coi trời cũng như đất, như mây, như khói vậy thôi. Chu Đôn Di co phần đi xa hơn, khẳng định rằng trời đất muôn vật, cả người cũng vậy đều do khí mà ra. Khí là cực to, tràn đầy tất cả, mặt khác lại cực nhỏ, không thể có cảm giác, tiếp

xúc... bằng giác quan bình thường. Cho nên khí là “thái cực” và cũng là “thái hư”, cũng là “vô cực”.

Từ thời nhà Hán, sử sách đã ghi rõ một khi khôi hồn hợp tách ra, cần khôn bắt đầu hình thành rõ, khí nhẹ và trong nổi lên thành trời, khí nặng và đục thì lảng xuống dưới mà thành đất. Ngày xưa khi chưa có những phát minh chính xác của khoa học thì rất khó có căn cứ và đủ để xác định những giảng giải như thế là đúng, là sai. Trong cuộc sống theo nếp sùng bái những bậc “tiên sinh” và “cao kiến”, rốt cuộc thì uy tín “thánh hiền” là đảm bảo tiêu chuẩn của chân lý. Thế là từ đời này qua đời khác ở nước Trung Hoa cũng như các nước học chữ Hán trước, cứ lặp đi lặp lại “Thái cực sinh hai nghi, hai nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái”.

Đi sâu vào nghề y, Lê Hữu Trác thấy lý luận duy vật của Nho giáo về trời đất có ý nghĩa lớn đối với việc xây dựng lý luận y học. Ông đã có những quan điểm của mình như sau :

Trước hết : Lê Hữu Trác cho rằng trời đất không do ai sáng tạo ra, mà là tồn tại khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Ông quan niệm rằng “trời là một đại danh từ, tượng trưng bởi độ số ngang dọc trong không gian các tinh tú, các hiện tượng và sự thăng giáng biến hoá của hai mặt âm dương”⁽¹⁾. Tính khách

quan của trời đất được thể hiện ở thuộc tính vật lý của nó. Thuộc tính vật lý của trời đất, vạn vật mà cảm giác con người thu lượm là có thật, ở bên ngoài con người đang nhận thức. Chẳng hạn ông nói “tính ẩm thuộc thổ”, “tính mát thuộc mộc”, “tính lạnh thuộc thuỷ”, “tính nóng thuộc hỏa”, “vị chua thuộc mộc”, “vị cay thuộc kim”, “vị ngọt thuộc thổ”⁽²⁾. Tính khách quan tồn tại của trời đất còn được Lê Hữu Trác làm rõ nguồn gốc nảy sinh, quá trình hình thành bản thể của nó. Sự xuất hiện trời đất và vạn vật xuất phát từ trạng thái vật chất hồn độn, mù mịt gọi là vô cực và chính trạng thái ấy chuyển thành cái hình thể khởi đầu của vũ trụ. Ông nói “Vô cực mà lại thái cực. Thái cực động mà sinh dương, tĩnh mà sinh âm, thu hút thăng giáng là cái khí trong trời đất, khi đầy khi vơi, lúc lớn lên, lúc nhỏ xuống, vốn không có hình gì, muôn vật trong trời đất, không một loài nào lại không bẩm khí của âm dương để hình thành”⁽²⁾. Vô cực ở đây không phải là hư vô, không phải là chân không, mà là “một khôi hồn toàn”, thái cực cũng là “một khôi hồn toàn” đã phân thành âm dương có động tĩnh. Điểm mấu chốt của việc chuyển hoá từ trạng thái khí thành thế giới vạn vật hữu hình chính là sự tác động hoà hợp âm dương. Như vậy, Lê Hữu Trác đã dựa vào tư tưởng của Kinh dịch, dựa vào “thái cực đồ thuyết” của Chu Đôn Di khẳng định rất

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.56.

(2) Lê Hữu Trác. Y gia quan miện. NXB Y học Hà Nội 1965 tr.11.

căn bản của thế giới quan của mình là sự tồn tại khách quan và nguồn gốc vật chất của trời đất.

Thứ hai : Để luận chứng cho cơ thể con người, Lê Hữu Trác khuyên rằng người thầy thuốc phải nắm vững tính khách quan của trời đất được thể hiện trong “Thái cực đồ” của Chu Đôn Di thì mới biết được chân lý thái cực trong cơ thể con người⁽¹⁾. Theo ông : “trong khoảng trời đất, các loài sinh con đẻ trứng... các loài côn trùng thảo mộc có cảm giác, có sinh sống... đều có một thái cực sẵn có đầy đủ ở trong thì mới có thể hoá được, sinh được và thành ra vạn vật có hình có chất được”. “Thân thể con người là một vũ trụ thu nhỏ lại, bẩm thụ được trọn vẹn khí âm dương, có đủ sự biến hoá nuôi dưỡng ngũ hành... như thế lại không có một điểm thái cực đã sẵn được thành lập từ trước để làm căn bản cho sự phát sinh hay sao”⁽²⁾. Thái cực trong cơ thể là gì ? và tác dụng của nó ra sao ? Lê Hữu Trác lý giải rằng : “Bẩm thụ của con người cũng từ một điểm của mệnh môn hoả, hình thành hai quả thận, rồi sau đó các tạng khác, chân tay, mình mẩy mới hình thành”⁽³⁾. Giữa thận có mệnh môn, bên phải bên trái của mệnh môn là hai quả thận. Mệnh môn ở chính giữa, là một thái cực trong nhân thể, không

có hình thể để nhìn thấy, ở quãng giữa hai quả thận là hoành đình, là nơi tàng tinh của nam giới, hay huyết của nữ giới tụ ở đó. “Các nhà đạo dấn thì giữ gìn để tu luyện, người thường thì thuận theo sự phát dục để sinh ra người”. “Mệnh môn tức là chỗ để thành sinh mệnh, là cội nguồn của sự sinh sản và là nơi phát nguồn của tạng phủ, nếu không có điểm đó thì trở thành xác chết”⁽¹⁾.

Trên cơ sở cách lập luận vai trò của thái cực trong thân thể, Lê Hữu Trác đã nhận xét “sách vở của Trung Quốc xưa ghi hai quả thận không những làm chức năng bài tiết, mà còn nhiều chức năng nội tiết”. Chẳng hạn Biển Thước trong sách y học của mình đã cho rằng quả thận bên phải thụ huyết hoá tinh, quả thận bên trái mới làm nhiệm vụ bài tiết. Lê Hữu Trác coi lập lập của Biển Thước là “lầm” và “đã làm nên định kiến cho người sau hoang mang không biết thái cực là ở sự lập mệnh, đem lại địa vị rất tôn quý ấy đặt chỗ khác”⁽²⁾. Lê Hữu Trác kết luận “những quả thận chỉ làm chức năng bài tiết thôi, con chức năng nội tiết thì do một cơ quan đảm nhận, đó là mệnh môn, nằm ở giữa hai quả thận”⁽³⁾. Cách giải thích của Lê Hữu Trác đã được các thầy thuốc quan tâm.

-
- (1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.539.
(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.539.
(3) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.156.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.225.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.225.

(3) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.418.

Trong luận văn y học của mình, bác sĩ Nguyễn Văn Thọ đã cho rằng “chức năng mệnh môn thận như Lê Hữu Trác đã nói gần đúng với chức năng y học hiện đại gán cho tuyến thượng thận”⁽¹⁾.

Những giải thích trên của Lê Hữu Trác về trời đất và lập luận chân lý thái cực trong cơ thể con người tất nhiên còn nhiều hạn chế do giới hạn của lịch sử. Điều chúng ta quan tâm ở vấn đề này là thái độ dứt khoát của ông khi đi tìm nguyên nhân của sự sinh thành ra trời đất, vạn vật từ trong giới tự nhiên để làm cơ sở lý luận giải thích các hiện tượng của tự nhiên liên quan đến y học. Chính quan điểm ấy đã làm nền cho y học nước nhà, bắt đầu là Lê Hữu Trác, được xây dựng trên cơ sở thế giới quan duy vật. Thế giới quan ấy cũng trở thành điểm xuất phát cho các quan điểm khác trong y học, đồng thời nó đối lập với các quan điểm mê tín, tôn giáo đương thời, coi trời đất là do Thượng đế sinh ra, cơ sở của quan điểm định mệnh. Vì vậy, khi gặp những bệnh nguy nan, ông luôn tin tưởng vào sức mình, ở cách điều trị của y học, chứ không cầu mong ở sự phù hộ của thần thánh. Ông yêu cầu bệnh nhân “vững lòng uống thuốc tin thầy”, xa lánh mê tín dị đoan. Ông nói rõ ràng những bệnh án tử vong là do trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của con người, chứ “đâu phải số mệnh mà quy cho trời”⁽²⁾.

(1) Nguyễn Văn Thọ. *Les secrets des reins révélés* (thèse), Hà Nội, 1952, tr.120.

(2) Đỗ Đinh Tâm. *Lược sử Đông y ở Trung Hoa và Việt Nam*, “Bách khoa” 1971 số 347.

Vấn đề quan trọng khác của trời đất là trời đất đứng yên hay vận động ? Trả lời câu hỏi ấy là căn cứ để phân biệt cách xem xét và cách tiếp cận nhận thức về trời đất.

Những người sáng lập ra Nho giáo thường chú ý đến tính chất động nhiều hơn tĩnh của trời đất. Quan điểm của họ về vấn đề này được thể hiện một cách rõ ràng, đầy đủ và bao quát bằng từ “dịch”. Dịch là đổi, bao gồm cả ý nghĩa thay đổi, ý nghĩa trao đổi, ý nghĩa biến đổi... Dịch trở thành một môn học “uyên bác” và “huyền diệu” mà nhà thám nho nào cũng phải cố gắng học để nắm cho chắc. Các nguyên lý phép tắc của nó được ghi lại thành văn trong tập Kinh dịch. Giải thích nguyên nhân và động lực của sự vận động, triết học cổ đại Trung Hoa đều nêu cao và vận dụng học thuyết âm dương - ngũ hành.

Quan niệm âm dương là một quan niệm đặc biệt của dân tộc Trung Hoa. Chữ “dương” nguyên nghĩa là mặt trời và ánh sáng; “âm” có nghĩa là thiếu ánh sáng mặt trời, tức là bóng tối. Trong sự phát triển về sau, âm dương được coi như hai khí, rồi hai nguyên lý hay hai thế lực vũ trụ. Vào thời Chiến quốc, người Trung Quốc coi âm dương là nguồn gốc vũ trụ, sau đó được bổ sung thêm thái cực, đã chuyển quan niệm vũ trụ nhị nguyên thành quan niệm vũ trụ nhất nguyên. Thái cực gồm âm dương nên có người gọi là nhất nguyên lưỡng cực. Tới thời nhà Tống, thêm vũ cực thành “vô cực đrô”. Khởi thuỷ là vô cực rồi mới có thái cực, có lưỡng nghi, tứ tượng, bát quái. Tư tưởng triết học âm dương có thiên hướng suy tư về nguyên lý

vận hành đầu tiên, phổ biến của vạn vật, đó là sự tương tác của hai thế lực đối lập nhau là âm và dương. Âm dương thống nhất trong thái cực (thái cực được coi như nguyên lý của sự thống nhất giữa hai mặt đối lập là âm và dương). Nguyên lý này nói lên tính toàn vẹn, chỉnh thể, cân bằng của cái đa và cái duy nhất. Chính nó bao hàm tư tưởng về sự thống nhất giữa bất biến và cái biến đổi. Từ khi có quan niệm thái cực, trong vòng tròn hình thành hai hình âm dương, tuy đối lập nhau nhưng ôm lấy nhau, xoắn lấy nhau, trong âm có dương, trong dương có âm. Chính do mối quan hệ như vậy mà âm dương biến hoá. Nguyên nhân của sự biến hoá là do âm dương đều động. Vì âm dương động mà giao nhau, giao nhau mới biến mà sinh hoá. Âm dương tuy đối lập nhau, trái ngược nhau, nhưng không tương khắc như nước với lửa mà tương giao, tương thành... nghĩa là thay phiên nhau theo một nhịp điệu nào đó, dài ngắn tùy hiện tượng, tùy thời, dương tiến đến đâu thì âm lùi đến đấy và ngược lại, đồng thời “dương cực thì âm sinh”, “âm thịnh thì dương khởi”. Để giải thích sự biến dịch từ cái duy nhất thành cái nhiều, cái đa dạng phong phú của vạn vật, phái âm dương đã đưa ra cái logic tất định : “Thái cực sinh lưỡng nghi (âm - dương), lưỡng nghi sinh tứ tượng (thái dương, thiếu âm, thiếu dương, thái âm) và tứ tượng sinh bát quái (càn, khâm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài); bát quái sinh vạn vật vô cùng bất tận. Tư tưởng triết học về âm dương đạt tới mức là một hệ thống hoàn chỉnh trong tác phẩm Kinh dịch, trong đó gồm 64 quẻ kép. Tư

tưởng cơ bản của Kinh dịch là biến hoá phát triển của sự vật, nguyên nhân cơ bản tạo nên sự biến hoá; phát triển là giao cảm của âm dương và sự vật biến hoá đến tận cùng sẽ phản lại. Đó là sự khái quát triều tượng những hiện tượng phức tạp của giới tự nhiên và xã hội loài người của người xưa, thể hiện những thành tựu sớm nhất tư tưởng biện chứng của dân tộc Trung Hoa.

Quan niệm về ngũ hành cũng là một quan niệm đặc biệt của dân tộc Trung Hoa. Từ ngữ “ngũ hành” thường được dịch là năm yếu tố vật chất gần gũi với con người (kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ) luôn vận động, chuyển hoá linh hướng đến nhau. Từ “hành” có nghĩa là “làm”, “hoạt động”, cho nên từ ngũ hành theo nghĩa đen có nghĩa là năm hoạt động hay năm tác nhân. Người ta cũng gọi là “ngũ đức”, có nghĩa là năm thế lực⁽¹⁾.

Sự đề cập đầu tiên thật đích xác về ngũ hành được thấy trong Kinh thư (phần V, quyển IV), dưới tên “Hồng Phạm”, nghĩa là “khuôn lớn”. Trong thiên “Hồng Phạm” ta thấy bản “cửu trù”, thứ nhất trong cửu trù là ngũ hành. Thứ nhất trong ngũ hành là thuỷ; nhì là hoả; ba là mộc; tư là kim; năm là thổ. (Tính) thuỷ là ướt và xuống; hoả là cháy và lên; mộc là cong và thẳng; kim là theo và đổi; thổ là để gieo mạ làm mùa”. Năm yếu tố này không tồn tại biệt lập tuyệt đối, mà trong một hệ thống ảnh hưởng linh khắc với nhau theo hai nguyên tắc :

(1) Phùng Hữu Lan. *Đại cương triết học sử Trung Quốc*. NXB Thanh niên Hà Nội, 1999 tr.141.

- Tương sinh (sinh hoá cho nhau) : thổ sinh kim, kim sinh thuỷ, thuỷ sinh mộc, mộc sinh hoả, hoả sinh thổ...

- Tương khắc (chế ước lấn nhau) : Thổ khắc thuỷ, thuỷ khắc hoả, hoả khắc kim, kim khắc mộc, mộc khắc thổ...

Sự hợp nhất giữa tư tưởng âm dương và ngũ hành vào thời cuối Chiến Quốc đã làm cho mỗi học thuyết có sự bổ túc hơn, hoàn thiện hơn thể hiện ở chỗ : các quẻ đơn (Càn, khôn, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài) đều được quy về ngũ hành để biện giải và ngược lại, ngũ hành cũng mang tính âm dương. Chẳng hạn : Càn - đoài thuộc hành kim, chấn - tốn thuộc hành mộc... và kim cũng có kim âm và kim dương; mộc cũng có mộc âm và mộc dương.

Đi sâu vào nghề y, Lê Hữu Trác thấy được vai trò của thuyết âm dương, ngũ hành đối với y học. Ông viết : “Học Kinh Dịch đã, rồi mới có thể nói tới việc học thuốc”. “Nhưng nói đến học Kinh Dịch không phải là nói học những bài, những quẻ, những từ của Kinh Dịch mà chỉ cần học biết quy luật biến hoá của âm dương, quy luật sinh khắc của ngũ hành”. Còn “Bệnh tật sinh ra đều do sự thịnh suy của âm dương và sự thăng phục của ngũ hành. Nghề làm thuốc đâu có thể vượt qua ngoài nguyên lý âm dương ngũ hành mà cứu chữa được những bệnh nan nguy nan”⁽¹⁾. Điều đó chứng tỏ Lê Hữu Trác rất quan tâm đến liên hệ giữa y học với phương pháp của triết

(1) Lê Hữu Trác. Y gia quan miện. NXB Y Học Hà Nội, 1965, tr.3.

học, với những quy luật chung của thế giới. Vận dụng vào y học, Lê Hữu Trác đã có quan điểm độc lập và sáng tạo.

Trước hết : Lê Hữu Trác thừa nhận về sự vận động của vạn vật, sự sinh trưởng của con người đều bị chi phối với quy luật về sự đối lập, thống nhất của âm dương, sinh khắc của ngũ hành. Âm dương có cả trong thảo mộc tự nhiên, đến con người. Con người được “sinh ra mula hai khí của trời đất”, “có sẵn sự khôn ngoan, hiểu biết làm nên những việc to lớn”. Điều kiện cho sự đối lập nhưng đồng nhất của hai mặt âm dương là quan hệ “tương sinh” và “tương khắc”. Ông nói : “Đương khí bắt rẽ từ âm khí, âm khí bắt rẽ từ dương”, “không có âm thì dương không sinh, không dương thì âm không có gì để hoá. Âm khí giữ được vẹn toàn thì dương khí không hết, dương khí giữ được vẹn toàn thì âm khí không cùng”⁽¹⁾. Ông lại nói : “Nguồn gốc của sự sinh trưởng, huỷ diệt là do sự vận hành của âm dương mà ra”⁽²⁾.

Thứ hai: Lê Hữu Trác đặc biệt quan tâm tới sự biểu hiện của quan hệ âm dương và quan hệ ngũ hành trong cơ thể con người. Ông quan niệm rằng mỗi quan hệ ấy có tác dụng chi phối sự sống hay chết, ốm đau hay khoẻ mạnh của con người. Thế cho nên, từ chỗ thừa nhận mọi sự vật trong trời đất, kể cả con người nằm trong khuôn khổ của mối quan hệ âm dương và mối quan hệ ngũ hành,

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.142.

(2) Lê Hữu Trác. Y gia quan miện. NXB Y học Hà Nội 1965, tr.3.

ông đã tiến tới vận dụng lý luận của học thuyết đó để làm rõ một số mặt quan trọng khi bàn đến hoạt động sống của con người, sức khoẻ và bệnh tật, cơ chế sinh lý cơ thể, cơ chế bệnh lý, chẩn đoán và trị liệu trong y học. Tất cả những mặt ấy đã được Lê Hữu Trác trình bày trong mối liên hệ chặt chẽ với nhau, được thể hiện khá đầy đủ trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”.

Về *sức khoẻ con người*, ông cho rằng cơ thể khoẻ mạnh có sự phát triển bình thường là cơ thể có sự cân bằng âm dương, ông gọi là âm dương “điều hoà”, âm dương “thăng bằng”, Lê Hữu Trác diễn tả mối quan hệ âm dương trong cơ thể: “dương là gốc ở âm, âm gốc ở dương, âm dương không thể lìa nhau”⁽¹⁾, “Người ta sống được là nhờ âm dương thăng giáng và thuỷ hoả tác dụng lẫn nhau. Đạo âm dương cốt thăng bằng, không nên thiên lệch về một bên”⁽²⁾. Cơ sở để âm dương trong cơ thể “thăng bằng”, “điều hoà” chính là quan hệ tương hỗ có “sinh” có “khắc” mà âm dương động, nhờ động mà âm dương giao nhau, nhờ âm dương giao nhau mà tạo nên biến và sinh hoá.

Về *bệnh tật phát sinh trong cơ thể*, theo Lê Hữu Trác thì do âm dương trội, sút kém lẫn nhau. Bản chất của dương là hoả, là nhiệt; còn bản chất của âm là thuỷ và hàn. Nếu “dương thăng thì hoả bốc vượt ra, tinh huyết

khô cạn; âm thăng thì khí hậu heo hắt, thân khí tắt lặng”. “Mọi bệnh sinh ra không một bệnh nào không phải vì âm dương hại nhau mà mất điều hoà”⁽¹⁾. Khi “trùng âm tất dương” và “trùng dương tất âm” trong cơ thể âm dương trội hơn nhau tới mức nghiêm trọng thì xuất hiện giả tượng khác thường. Khi trong cơ thể âm dương phát triển đến mức không ăn khớp nhau thì âm dương tan lìa, gọi là “âm dương ly quyết, tính khí nái tuyệt”.

Về *phương diện sinh lý cơ thể*, Lê Hữu Trác đã coi cơ thể con người không thể tách rời quan hệ âm dương và quan hệ ngũ hành. Ông đã vận dụng lý luận âm dương để làm rõ cấu tạo của cơ thể và cơ năng của sinh lý. Về cấu tạo của cơ thể, khi nói đến quan hệ trong và ngoài thì ông gọi ngoài là dương, gọi trong là âm; khi nói đến âm dương của thân thể, ông gọi lưng là dương, gọi bụng là âm. Khi nói đến các bộ phận trong cơ thể con người thì ông coi đó là một khối thống nhất liên kết với nhau theo quan hệ hoà hợp âm dương ngũ hành. Dưới con mắt của ông thì các khí quan, lục phủ, ngũ tạng của con người được mệnh danh bằng các hành kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ. Các bộ phận ấy đều trong sự tác động qua lại lẫn nhau theo khuôn khổ sinh khắc của ngũ hành. Cơ thể khoẻ mạnh là cơ thể có sự hoà hợp âm dương, cho nên có được sự cân bằng giữa “sinh” và “khắc” của ngũ hành. Nhờ có

(1) Lê Hữu Trác. Y gia quan miện. NXB Y học Hà Nội 1965, tr.14.

(2) Lê Hữu Trác. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.304.

(1) Lê Hữu Trác. Y hải cầu nguyên. NXB Y học Hà Nội 1964, tr.14.

được sự cân bằng giữa “sinh” và “khắc” cho nên mới có sự sinh hoá. Nếu “sinh” và “khắc” thái quá hoặc bất cập sẽ dẫn đến sự bất bình thường. Chẳng hạn “can mộc càng thịnh quá thì sẽ hại đến tỳ thổ, can của tỳ thổ là phế kim, nhờ được khí của mẹ mà chế ước lại can mộc. Đó là lẽ thắng phục của ngũ hành, bốn hành kia cũng theo loại như thế mà suy diễn”⁽¹⁾. Lê Hữu Trác cho rằng, nếu có một khí quan, các tạng phủ nào đó sinh bệnh thì tất có ảnh hưởng đến khí quan, tạng phủ khác. Chẳng hạn, gan bất bình thường có thể ảnh hưởng đến tiêu hoá hay thị lực. Trong tính đa dạng về mối liên hệ của cơ thể con người, Lê Hữu Trác đã nhấn mạnh mối quan hệ giữa tâm lý và sinh lý. Ông cho rằng sự điều hoà của các tạng phủ là cơ sở cho sự bình thường của tình cảm và xúc động của con người. Vì vậy ông chủ trương khôi phục sự lành mạnh của các tạng phủ để chữa bệnh về thất tình như : mừng, giận, lo, nghĩ, buồn, sợ, kinh hãi. Ngược lại, những tâm lý tình cảm ấy cũng có ảnh hưởng rất lớn đến các cơ quan sinh lý trong con người. Chẳng hạn “mừng quá thì tổn thương ở tâm, giận dữ thì tổn thương ở can”⁽²⁾. Quan điểm về mối liên hệ bên trong của hiện tượng sinh lý mà Lê Hữu Trác đã lập luận ở trên tuy còn có những hạn chế, nhưng đại thể là đúng, vì nó khẳng định được sự thật mà khoa học hiện đại cũng thừa nhận hoạt động tâm lý của con người có liên hệ chặt chẽ với các hệ thống hô hấp, tiêu hoá, tuần hoàn

và mọi khí quan khác của cơ thể. Dựa vào đó, Lê Hữu Trác đã nhắc nhở mọi người phải khống chế những tình cảm cá nhân có hại cho sức khoẻ. Trong thực tiễn lâm sàng, ông đã đạt được những thành tựu đáng kể khi ông chữa bệnh tình chí và tinh thần. Về cơ năng của sinh lý, Lê Hữu Trác cho rằng các tổ chức cơ quan của cơ thể có sự đối lập trong quan hệ bám víu lấy nhau trên mọi phương diện, nó cũng giống như âm dương đối lập nhau nhưng không “khắc” nhau như nước và lửa, mà tương thõi, tương giao, tương thừa với nhau. Vì vậy mối quan hệ giữa các cơ quan của cơ thể phải được hiểu và giải thích trong quan hệ mâu thuẫn nhưng thống nhất. Chẳng hạn, khi nói đến quan hệ dinh dưỡng vật chất với cơ năng hoạt động của cơ thể, thì trong mối quan hệ ấy vật chất dinh dưỡng thuộc về âm, cơ năng hoạt động thuộc về dương. Quan hệ âm dương này tuy đối lập nhưng thống nhất mới duy trì được sự sống. Vật chất dinh dưỡng rất cần cho hoạt động cơ năng, mà hoạt động cơ năng mới xây dựng được vật chất. Hai quá trình đó liên hệ chặt chẽ với nhau trong hoạt động sống.

Về phương diện chẩn đoán, để chẩn đoán bệnh có hiệu quả, Lê Hữu Trác đã vận dụng lý luận của thuyết âm dương và ngũ hành để lý giải các hiện tượng của cơ thể.

Ông đã vận dụng những lý luận âm dương nhằm lý giải khi trong cơ thể con người có chứng trạng và mạch tương khác nhau. Trong chẩn đoán, ông đã đem loại hình chứng trạng (như âm chứng hoặc dương chứng) với loại hình mạch tương (như âm mạch hay dương mạch) tham

(1) Lê Hữu Trác. Y gia quan miện. NXB Y học Hà Nội 1965, tr.11.
(2) Lê Hữu Trác. Y gia quan miện. NXB Y học Hà Nội 1965, tr.107.

(2) Lê Hữu Trác. Y hải cầu nguyên. NXB Y học Hà Nội 1988, 1990.

hợp, để từ đó có thể tìm ra được mạch, tìm ra được chứng phù hợp với nhau, hoặc không phù hợp với nhau trong cơ thể để suy ra bệnh trở nên tốt hay xấu. Ông đã nói rõ trong cơ thể mạch có âm, có dương. “Mạch đi là âm”, “mạch đến là dương”, “mạch chậm là âm”, “mạch nhanh là dương”. Phân biệt được mạch dương thì biết nơi nào là dương. Phân biệt được mạch dương thì biết được kỳ hạn sống bị bệnh. Phân biệt được mạch thì biết được kỳ hạn sống chết⁽¹⁾.

Ông đã vận dụng lý luận ngũ hành sinh khắc để làm rõ quan hệ tương sinh là quan hệ mẹ con : “Thận thuỷ sinh can mộc thì thận thuỷ là mẹ, can mộc là con, bệnh của mẹ thường ảnh hưởng đến con, bệnh của con thường phạm đến mẹ. Do đó nguyên tắc của trị liệu “con hư bổ mẹ” như phế hư thì bổ tỳ thố (tỳ thố sinh ra phế kim)”. “Mẹ thực thì con tà” ví như phế có thực chứng biểu hiện đầy ngực, bứt rút, khó chịu, lên cơn suyễn thì phải tả thận thuỷ, cho lợi thuỷ nhiều, đi tiểu nhiều thì giảm bớt thực chứng ở phế. Trong một bệnh, trên cơ sở lý bớt thực chứng ở phế. Trong một bệnh, trên cơ sở lý luận ngũ hành sinh khắc, ông thường nghiên cứu bệnh tà từ đâu tới để trị liệu. Chẳng hạn ông coi bệnh hư tà là bệnh truyền từ mẹ sang con, ví như can mộc truyền sang tâm hoả (mộc sinh hoả). Thực tà là bệnh từ con phạm đến mẹ như là từ tỳ thố truyền sang tâm hoả (hoả sinh thố). Tắc tà là từ hành nó khắc mà đến như tà phế sinh thố truyền sang tâm hoả (hoả khắc kim). Chính tà là kim truyền sang tâm hoả (hoả khắc kim). Chính tà là

bệnh phát tại chỗ. Biết được như thế thì mới chữa bệnh được tận gốc theo lý luận sinh khắc. Chẳng hạn bệnh tam với biến chứng tim đập nhanh, không ngủ được do nhiều trường hợp : do bệnh tại chỗ, tâm hoả quá vượng do tâm huyết không đủ thì sinh ra tâm buồn phiền, hồi hộp, đại tiện bí kết, miệng hôi, môi lở, không ngủ. Phải ta tâm hoả tức làm bớt hoả ở tâm bằng cách dùng thuốc lạc tiên, vong nem hoặc bài thuốc an thần, sinh địa hoàng để bổ huyết. Nếu do tỳ thố hư phạm đến tâm (hoả sinh thố) đó là thực tà : ăn uống giảm sút, đại tiện long, mệt mỏi, tim đập nhanh, hay quên, ít ngủ, đổ mồ hôi trộm - phải bồi bổ tỳ thố kiêm dưỡng tâm bằng cách dùng bài thuốc quy tỳ : nhân sâm, bạch truật, hoàng kỳ để bổ tỳ; táo nhân, long nhân để bổ tâm. Nếu do thận thuỷ suy kém không chế được hoả, làm tâm hoả bốc lên, hoả lại khắc kim, sinh chứng hư lao, nóng từng cơn, ho, mồ hôi trộm, thổ huyết, không ngủ, cần phải làm cho thận mạnh lên để chế hoả, thận âm đầy đủ, hư hoả tụt xuống, các chứng sẽ khỏi.

Về phương diện trị liệu, vận dụng lý luận âm dương, Lê Hữu Trác chỉ rõ rằng “âm bệnh trị dương, dương bệnh trị âm”. Trên cơ sở quan điểm ấy, trong dinh dưỡng hàng ngày với người bệnh, ông cho rằng thức ăn, được vật đều coi âm và dương. Vị có ngũ vị (cay, chua, đắng, mặn, ngọt), vị co hậu và trầm giáng thuộc âm thì bài xuất ở hạ khí (hau môn và niệu đạo), khí có ngũ khí (khét, thơm, tanh, hôi, thối). Do khí bạc mà bốc lên thuộc dương thì nên

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.434.

gọi là dương khí, bài xuất ở thượng khiếu (mắt, tai, mũi, họng). Trên cơ sở ấy, Lê Hữu Trác đã lấy âm dương để phân tích tác dụng vị khí của dược vật.

| | |
|-------------------------|-------------------|
| Vị hậu (đậm, nồng hậu) | là âm dược |
| Vị bạc (nhạt) | là âm trong dương |
| Khí hậu (đậm, nồng hậu) | là dương dược |
| Khí bạc (nhạt) | là âm dương dược |

Mục đích của trị liệu là đạt tới hơi thở nhịp nhàng, hiện tượng sinh lý bình thường là “cân bằng âm dương”. Vị hậu có tác dụng đi lỏng, vị bạc là thông lợi, khí bạc có công năng phát tán, khí nồng giúp dương khí phát ra nhiệt lực.

Thứ ba : qua những kiến giải về sự liên hệ giữa các bộ phận của cơ thể con người với tự nhiên và sự liên hệ giữa các bộ phận trong cơ thể, Lê Hữu Trác thừa nhận trong sự liên hệ ấy có một sự liên hệ không đồng đều. Khi xét mối liên hệ giữa các hành trong ngũ hành ông nhấn mạnh rằng thuỷ hoả là những hành giữ vai trò chủ yếu trong sự tác động lẫn nhau giữa chúng. Ông viết : “Làm cho sự vật sống là hoả, vinh nhuận vật là thuỷ; không có hoả thì tiêu diệt, không có thuỷ thì cháy khô, cho nên trong ngũ hành, thuỷ hoả là quan trọng hơn cả; thuỷ hoả là “chân sinh”, chết không mất hẳn, mất rồi lại sinh; kim, mộc, thổ là “ký sinh” nên “chết thì mất”⁽¹⁾. Trong cơ thể sinh vật và con người, hoả có

(1) Lê Hữu Trác. Y hải cầu nguyên. NXB Y học Hà Nội 1965, tr.19.

nhu cầu tiên quyết không những trong ngũ hành và cả so với thuỷ. Sở dĩ như thế là vì hoả có tác động đối với sinh lý của sinh vật và con người. Vì vậy, Lê Hữu Trác khẳng định rằng : “trời không có hoả thì không sinh được mọi vật, người không có hoả thì không sống được”⁽¹⁾.

Khi tìm hiểu quan hệ ngũ tạng trong cơ thể, ông phân tích, chỉ rõ vai trò mỗi tạng trong sự phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng. Lê Hữu Trác đặc biệt nhấn mạnh điều về quan trọng hàng đầu của tạng thận. “Vì thận là cơ bản của tính mệnh, thuỷ tổ của sinh hoá, gốc của tạng phủ, không phải như các tạng có riêng trách nhiệm riêng mặt”⁽²⁾.

Khi vận dụng học thuyết ngũ hành vào nền y học Việt Nam, Lê Hữu Trác đã khẳng định địa vị thuỷ hoả, nhạt là hoả của ngũ hành trong tự nhiên và cơ thể con người. Sự khẳng định ấy là sự đóng góp đáng kể xuất phát từ thực tiễn lâm sàng của y học Việt Nam nhằm phát triển sâu hơn những kiến giải của sách Kinh điển y học của Trung Quốc, của các chuyên gia nghiên cứu thuỷ hoả Trung Quốc. Chẳng hạn, nhà y học thời nhà Minh Triệu Dưỡng Quỳ với tác phẩm “Y quán” lấy việc dưỡng hoả làm chủ. Hoặc Phùng Triệu Trương nhà y học thời Phanh với tác phẩm “Phùng Thị cầm nang bí lục” đề cao thuỷ hoả luận.

(1) Lê Hữu Trác. Y hải cầu nguyên. NXB Y học Hà Nội 1965, tr.21.

(2) Lê Hữu Trác. Y hải cầu nguyên. NXB Y học Hà Nội 1965, tr.19.

Thứ tư : trên cơ sở cách nhìn tổng thể, Lê Hữu Trác coi trọng xem xét có phân tích mối liên hệ giữa cái cốt yếu và cái không cốt yếu trong nhiều mối liên hệ của tự nhiên và cơ thể con người. Cái cốt yếu vừa đóng vai trò là gốc trong quá trình phát sinh sự vật, vừa đóng vai trò chủ soái trong sự hoạt động của sự vật đó. Trong quan hệ gốc ngọn thì gốc là cái cốt yếu, trong quan hệ sự kiện và nguyên nhân thì nguyên nhân nào được xem là có ý nghĩa quyết định được coi là cái cốt yếu. Cái cốt yếu đồng thời là cái duy nhất có tính ổn định và phổ biến.

Lê Hữu Trác nói : “Nghề y tức là do lý đặt ra. Nói rộng ra thì muôn hình thái khác nhau nhưng thu gọn lại cũng chỉ là một lý. Ta thử ngẫm nghĩ xem bộ mặt mọi người tuy có khác nhau nhưng tạng phủ âm dương thì cũng chỉ là một. Danh mục của trăm bệnh tuy có nhiều nhưng cũng không ra ngoài âm dương khí huyết”⁽¹⁾. Lê Hữu Trác coi nhận thức cái cốt yếu, nguồn gốc cơ bản có tầm quan trọng trong lĩnh vực y học, nó giúp cho người thầy thuốc chẩn đoán đúng và có căn cứ để chữa khỏi bệnh. Vì vậy, ông đòi hỏi người thầy thuốc phải đi từ biểu hiện muôn vẻ của bệnh tật đến chỗ phát hiện ra điểm mấu chốt, nguyên nhân chủ yếu quyết định sự này sinh và tồn tại của chứng bệnh. Ông viết : “Kinh nói biết điều cốt yếu thì chỉ một lời là trọn hết. Tôi suy nghĩ càng sâu, linh hôi càng nhiều, bỏ qua điều rườm

ra, đem lại chân lý kỳ cho biết được điều cốt yếu”⁽¹⁾. Người chữa bệnh chỉ nên nhìn vào cái ngọn để biết đầu mối phát sinh, dò tìm gốc là điều chủ yếu để chữa khỏi bệnh thì trong muôn người không sợ gì sai một”. Khi nhận thức con người nắm được cái cốt yếu, tức là nắm được điểm mấu chốt thì do đó có cơ sở để hiểu toàn bộ sự vật. Vì vậy, trong điều kiện thời tiết, con người... Việt Nam, “biết được thuỷ hoả - nghĩa là cái cốt yếu, thì hiểu được cái khác”. Từ đó, Lê Hữu Trác coi trọng bài Lục vị, Bát vị là những bài nhắm chữa vào cái cốt yếu nhất của cơ thể và chân thuỷ, chân hoả của mệnh mâm thận.

Như vậy khái niệm âm dương và khái niệm ngũ hành có một vị trí hết sức quan trọng trong bộ “Hải Thượng y tòng tâm linh”. Ông đã khẳng định tính phổ biến của những khái niệm triết học âm dương, ngũ hành và coi nó là cơ sở cho mọi sự suy nghĩ về tự nhiên, về y học. Từ sự khẳng định ấy ông quan tâm đặc biệt đến sự biểu hiện của quan hệ âm dương và ngũ hành trong cơ thể con người. Ông đã vận dụng những khái niệm đó để phân loại và diễn dịch các vấn đề y học như : sức khoẻ, sinh lý cơ thể, bệnh lý cơ thể, chẩn đoán, trị liệu, để nghiên cứu thuộc tính và công năng của dược liệu... Cách suy nghĩ về tự nhiên, về y học như vậy của Lê Hữu Trác đã mở đầu cho nền y học cổ truyền dân tộc Việt Nam được xây dựng trên cơ sở quan niệm biện chứng chất phác.

(1) Lê Hữu Trác. Ngoại cảm thông trị. NXB Y học Hà Nội 1963, tr.71.

(1) Lê Hữu Trác. Ấu ấu tu tri. NXB Y học Hà Nội 1965, tr.207.

2. Tư tưởng triết học về con người và sự vận dụng vào y học.

Khi nói đến trời đất, muôn vật hoặc thế giới, vũ trụ thì không chỉ có vòm trời cao xanh, mặt đất bằng phẳng với trời, đất, nước, lửa, núi, sét, gió, hồ (tám quẻ) và kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ (ngũ hành) là hết. Trước thực tế khách quan bên ngoài, kể cả trong tư duy của mình, nhà triết học nào cũng không thể không suy nghĩ đến con người. Mà suy nghĩ đến con người thì không thể không suy nghĩ đến các câu hỏi : con người là gì và do đâu mà có? Con người và trời đất, muôn vật có quan hệ với nhau như thế nào? Tâm hoặc tinh thần của con người do đâu mà có và có quan hệ như thế nào với vật chất?... Vì thế, vấn đề con người là một vấn đề quan trọng cùng với trời đất Lê Hữu Trác rất coi trọng và luôn suy nghĩ về con người, coi con người là đối tượng nghiên cứu chính trong sự nghiệp khoa học của mình. Ông đã từng căn dặn rằng “không hiểu trời đất, người, không thể nói đến chuyện làm thuốc”⁽¹⁾.

Trong truyền thống phương Đông có nhiều học thuyết triết học chưa đựng những quan điểm về con người ở Ấn Độ và Trung Quốc thời cổ, trung đại. Nhưng tư tưởng triết học có ảnh hưởng nhiều đến việc hình thành quan điểm về con người của Lê Hữu Trác là Nho giáo thời nguyên thuỷ và Nho giáo đã dung hợp tư tưởng Đạo giáo⁽²⁾ và Phật giáo ở thời kỳ phong kiến.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.539.

(2) Chỉ học thuyết Lão Trang, chứ không phải đạo giáo của Cát Hồng.

Về nguồn gốc con người : vào giai đoạn đầu của lịch sử phương Đông, quan điểm duy vật có nhận định rằng con người do các yếu tố vật chất tạo nên. Chẳng hạn Sử Bá cho rằng con người là bộ phận tinh hoa nhất của nước; Tống Kiên và Doãn Văn coi con người là sản phẩm của “khí”; còn Nho giáo mở đầu là tư tưởng duy tâm của Khổng Tử cho rằng con người ta có mệnh, có số và mệnh số do trời quy định. Đổng Trọng Thư thời nhà Hán đã phát triển tư tưởng đó thành tư tưởng thần bí và đã trình bày nguồn gốc con người theo kiểu mục đích luận thần học. Đến thời nhà Tống, các nhà tư tưởng cho rằng con người ta sinh ra từ “lý” và theo một quá trình lý sinh ra khí, khí sinh ra người và vật. Ngược lại, quan điểm duy vật trong Nho giáo đã lấy thế giới để giải thích thế giới, lấy vật chất để giải thích con người. Tuân Tử là người đầu tiên phê phán quan điểm mệnh trời của các nhà duy tâm và tiếp tục đường lối của Tống Kiên, Doãn Văn, cho “khí” là nguồn gốc của vạn vật, trong đó có người. Khắc phục tính trực quan của quan điểm về nguồn gốc con người của Tuân Tử, Trương Tải nhà duy vật thời nhà Tống đã trình bày “thái hư túc là khí”, “thái hư” là hình thức tồn tại của khí và nêu lên luận điểm “thái hư” là nguồn gốc của vạn vật và con người. Tiếp tục đường lối đó, Đái Chấn nhà duy vật đời Thanh đã trình bày nguồn gốc của con người trong sự vận động vật chất của nguyên thuỷ, ông gọi là “khí hoá lưu hành”.

Về bản chất con người : các nhà duy tâm Nho giáo đều tìm bản chất con người trong phương diện đạo đức. Mạnh Tử cho rằng bản chất con người là có “thiện đoan”, biết được các quan hệ đạo đức và biết tự ghép mình vào các mối quan hệ đó. Các nhà lý học thời Tống cho bản chất con người là nhận thức được “lý”, mà “lý” đó cũng chỉ là những quy phạm đạo đức phong kiến. Quan điểm có giá trị hơn, ít nhiều nói lên được bản chất con người là quan điểm của Tuân Tử, Đái Chẩn. Tuân Tử đã đưa ra một số quan điểm con người khác con vật vì “có khí, có sinh, có tri và có nghĩa”⁽¹⁾. Còn Đái Chẩn cho con người khác con vật ở chỗ ý thức thay thế bản năng.

Về tinh thần, đạo đức của con người : triết học Nho giáo đã nghiên cứu những vấn đề trên thông qua việc tìm hiểu rõ về mối quan hệ ấy là hình - thần có từ thời tiên Trần. Đến nhà Hán, Vương Sung đã xuất phát từ tư tưởng duy vật để phân biệt hình - thần nhằm phê phán mục đích luận thần học của Đổng Trọng Thư. Vương Sung đã chống lại lý luận linh hồn bất tử và nói rõ quan niệm của mình là tinh thần dựa vào vật chất. Đồng thời, ông đã dùng tri thức sinh lý học đương thời đi sâu phân tích quan hệ tương hỗ giữa tinh thần và thể xác. Ông cho rằng tinh thần của con người là sản phẩm của thể xác, phải dựa vào thể xác mới phát huy được tác dụng. Ông quả quyết rằng thế gian không tồn tại tinh thần vô hình.

(1) Tuân Tử. Vương chế.

Ông cho sự lo âu, bất lực của con người trước ốm đau, bệnh tật, thể xác suy yếu, tinh thần bạc nhược là những nguyên nhân sinh ra mê tín⁽¹⁾. Hai thời kỳ của nhà Hán, cuộc tranh luận về mối quan hệ giữa thể xác và tinh thần thông qua phạm trù hình - thần đã kéo dài mấy trăm năm và cuối cùng đến thời Nam Triều, Phạm Chán đã giải quyết bằng một tổng kết duy vật “hình là thể chất, thần là cái sử dụng” (hình chất thần dụng).

Đi sâu vào nghề y, Lê Hữu Trác đã chọn lọc có phê phán tư tưởng triết học duy vật về con người của Nho giáo để hình thành quan điểm của mình về con người khi xây dựng lý luận y học.

Trước hết : về nguồn gốc con người Lê Hữu Trác cho rằng “con người được sinh ra ở quang giữa của hai khí trời đất”⁽²⁾, đó là khí trời đưa xuống, khí đất bốc lên và sự phôi hợp giữa hai khí ấy gọi là “khí giao”. Con người sinh ra trong khoảng khí giao - tức là con người được sinh ra trong sự vận động và biến hoá của khí âm dương. Ở trời có khí hàn, thử, táo, thấp, phong; ở đất có mộc, hoả, thổ, kim, thuỷ. Khí của trời cảm ứng với hình của đất mà tạo nên sự biến hoá và kết quả của sự biến hoá ấy mà sinh ra vạn vật. Sau khi vạn vật được sinh ra, nó có quá trình phát triển là sinh - trưởng - hoá - thu - tàng và quá trình ấy luôn tương quan với sự biến hoá

(1) Vương Sung. Thiên tử luận.

(2) Hải Thương Lãnh Ông Lê Hữu Trác. Hải Thương y tông tâm linh. NXB
Giáo dục Hà Nội 1991, tr.417.

của âm dương. Con người không nằm ngoài quy luật chung ấy, vì thế con người phải dựa vào tác dụng của giới tự nhiên mới tồn tại và thuận theo với quy luật tự nhiên của bốn mùa để hoàn thành hoạt động sống của mình.

Thứ hai : về bản chất của con người, Lê Hữu Trác thừa nhận con người là sản phẩm của thứ khí tinh túy của trời đất, do bẩm thụ được khí âm dương và có đầy đủ sự phát dục của ngũ hành cho nên con người “khôn hơn muôn vật, làm nên những bậc thông minh tài giỏi, đều bẩm thụ tư chất của tạo hoá”⁽¹⁾. Quan điểm này đã làm rõ con người thống nhất với tự nhiên, nhưng khác với sự vật hiện tượng khác của giới tự nhiên là có tri thức sáng suốt hơn muôn vật, làm được những việc to lớn.

Thứ ba : là về mối quan hệ giữa con người với trời đất, với muôn vật Lê Hữu Trác cho rằng “con người không tách khỏi vạn vật”, “chung với trời đất”, “người với trời đất, vạn vật là nhất thể”. Ông quan niệm “thân thể con người là một vũ trụ thu nhỏ lại, bẩm thụ được khí trọn vẹn của âm dương, có đủ sự biến hoá, nuôi dưỡng của ngũ hành”⁽²⁾. Ông thường nói quan niệm trên của mình bằng một mệnh đề mà các nhà tư tưởng Trung Quốc vẫn thường dùng “con người là một tiểu thiên địa”. Về nhân tố hợp thành và cấu tạo của “tiểu thiên địa” này,

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.156.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.539.

theo Lê Hữu Trác không có gì khác với thế giới bao la mà ta thường quan sát thấy. Ông chỉ ra rằng “người ta bẩm thụ theo hình thể âm dương, gồm đủ cả công dụng của ngũ hành, trong thân người tượng trưng đủ cả một bầu trời, chín tạng tượng trưng cho chín châu”⁽¹⁾. Vì vậy, mọi hiện tượng sinh lý trong cơ thể con người đều mang những thuộc tính của những sự vật trong tự nhiên tương ứng với nó. Ví dụ : “can tượng trưng cho hành mộc, sinh về mùa xuân, cho nên can khí sinh ra bên tả”⁽²⁾. Sự tương ứng với trời đất còn được thể hiện ở những hình thức vận động vốn có của cơ thể con người có thể tìm thấy trong tự nhiên vô cơ. Vì vậy, Lê Hữu Trác chỉ rằng : “Sự biến hoá của âm dương với sự sinh sát (phát triển và tiêu hao) của muôn loài cũng phù hợp với sự biến hoá của các hiện tượng trong cơ thể người ta, cho nên phép chữa bệnh phải nhắm vào đó”⁽³⁾. Sự tương ứng với trời đất còn chỉ rõ đó là sự phản ứng trở lại của cơ thể khi sự biến hoá của trời đất tác động vào cơ thể. Sự biến hoá khí hậu trong giới tự nhiên rất phức tạp, nhưng phân tích cụ thể thì không ngoài sáu khí : phong, hàn, thủ, thấp, táo, hoả. Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông tuy khác nhau ấm, nóng, lạnh, mát nhưng trên thực tế không ngoài hai loại âm dương. Cho nên có thể nói bốn mùa là sự biến hoá của âm dương,

(1) Lê Hữu Trác. Ấu ấu tu tri, tập II, NXB Y học Hà Nội 1965, tr.201.

(2) Lê Hữu Trác. Nội kinh yếu chỉ. NXB Y học Hà Nội 1964, tr.38.

(3) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.119-120.

sáu khí là sự biến hoá của bốn mùa. Lục khí biến hoá trong tình trạng phản thường sinh ra lục đâm, làm cho con người sinh bệnh. Sự thay đổi bình thường của bốn con người sinh bệnh. Sự thay đổi bình thường của bốn mùa, sự biến hoá bình thường của lục khí có lợi cho cơ thể. Nhưng mức độ lợi hay hại cho cơ thể còn phụ thuộc vào cơ năng thích ứng của cơ thể. Sự biến hoá của tự nhiên sở dĩ không làm cho con người sinh bệnh, chính là nhờ cơ năng sinh lý của nhân thể tuỳ theo sự biến hoá của bốn mùa, của sáu khí tương ứng với nhau. Nếu cơ năng sinh lý của cơ thể thích ứng kém thì sinh ra bệnh tật. Trong mối quan hệ với tự nhiên cơ năng sinh lý của cơ thể là yếu tố quyết định. Như vậy, con người phân biệt với tự nhiên là ở thuộc tính “có tri thức sáng suốt”, còn như sự cấu tạo, sự vận động và cơ năng sinh lý bên trong của cơ thể đều giống với tự nhiên. Đó là quan niệm về sự thống nhất giữa con người với tự nhiên của Lê Hữu Trác.

Sự thống nhất giữa con người với tự nhiên còn được biểu hiện ở chỗ con người không thể tồn tại tách khỏi tự nhiên. Sản vật của tự nhiên “cốc thuỷ vào vị, thâm nhuần ra 6 phủ mà sinh ra khí, điêu hòa vào 5 tạng mà sinh ra huyết, giải ra tứ chi, tràn đầy vào cơ nhục, con người nhờ đó mà sinh sống”⁽¹⁾. Không chỉ thế, mà mỗi một biến hoá tự nhiên đều có ảnh hưởng đến sự hoạt động trong cơ thể con người. Ông chỉ rõ : “Trời ấm, ngày sáng thì huyết của con người vận hành được trơn tru,

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.438.

và khí bốc ra ngoài cho nên huyết dễ tả ra, khí dễ lưu hành. Trời rét, ngày âm u thì huyết của người ngưng động mà vệ khí chìm vào trong”⁽¹⁾. Chính vì vậy, Lê Hữu Trác rất quan tâm đến mối liên hệ phụ thuộc vào sức khoẻ và bệnh tật của con người đối với tự nhiên xung quanh. Ông nói : “Lạnh, nắng, ấm, mát hay thay đổi lẫn nhau lúc hơn lúc kém mà khí của bốn mùa đổi nhau làm ton thương đến sự điều hoà của ngũ tạng”⁽²⁾.

Trên cơ sở lý luận “tương ứng giữa con người với trời đất”, Lê Hữu Trác đã nêu quan điểm dự phòng của y học. Ông coi đây là tư tưởng căn bản và mọi hoạt động y học phải quán triệt tư tưởng ấy. Ông cho rằng trong phòng bệnh, khi nói đến khởi cơn (sinh hoạt)⁽³⁾, khi nói đến hoạt động tư tưởng⁽⁴⁾ thì cần phải tuỳ thời, cần phải thích ứng với quy luật sinh - trưởng - thu - tàng để giữ nhịp nhàng giữa trong và ngoài mà làm được sự dưỡng sinh - dưỡng trưởng - dưỡng thu - dưỡng tàng. Ngoài ra một số bệnh theo thời gian mà có sự chuyển biến nặng nhẹ như : sáng nhẹ - chiều nặng, ngày nhẹ - đêm nặng; một số bệnh lâu ngày khi gặp khí trời thay đổi thì phát ra... đều chịu ảnh hưởng sự biến hoá của tự nhiên. Trong những trường hợp như vậy, khi trị liệu, Lê Hữu Trác cho rằng cần phải kết hợp khí của ngũ tạng trong thân thể con người theo quy luật sinh khắc

(1) Lê Hữu Trác. Nội kinh yếu chỉ. NXB Y học Hà Nội 1964, tr.72.

(2) Lê Hữu Trác. Nội kinh yếu chỉ. NXB Y học Hà Nội 1964, tr.72

(3) Lê Hữu Trác. Nội kinh yếu chỉ. NXB Y học Hà Nội 1964, tr.65

(4) Lê Hữu Trác. Nội kinh yếu chỉ. NXB Y học Hà Nội 1964, tr.78.

của ngũ hành bốn mùa mà định ra phép tắc chữa. Đồng thời, trên cơ sở lập luận về mối quan hệ giữa con người với trời đất, muôn vật, Lê Hữu Trác vận dụng lý luận ấy vào hoạt động chẩn đoán y học. Ông nêu lên tư tưởng tiến bộ rằng nguyên nhân chủ yếu gây nên bệnh tật ở con người là môi trường, là hoàn cảnh, là lục đâm, là hàn nhiệt ở bên ngoài tác động vào cơ thể con người. Triệu chứng thể hiện nguyên nhân ấy, theo Lê Hữu Trác là : “nhiệt thắng thì sưng; táo thắng thì khô; táo hàn thắng thì phù nề; thấp thắng thì ỉa lỏng tháo; mừng giận thì tổn thương khí; lạnh rét, nắng nóng thì thương tổn ở hình...”⁽¹⁾.

Thứ tư : Lê Hữu Trác đã vận dụng phạm trù hình - thần của tư tưởng triết học Trung Quốc để lý giải mối quan hệ giữa thể xác và tinh thần con người. Ông xem tinh thần là một thuộc tính vốn có của con người. Ông nhận thấy ở con người có hai hiện tượng rõ rệt : một là “hình nhi thượng” tức là “thần”, có sự hiểu biết nhưng không có hình chất; hai là “hình nhi hạ” có hình khôi rõ ràng, tức là thể chất của nǎm tạng, tuy có chất nhưng không biết gì, đều rời rạc, không liên lạc với nhau”⁽²⁾. Lê Hữu Trác coi “thần” là chủ tể trong cơ thể và chi phối mọi hoạt động sinh lý của con người. Ông nói : “Huyết không có tinh thì không hoá được, tinh không có khí thì

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.91.

(2) Lê Hữu Trác. Ngoại cảm thông trị. NXB Y học Hà Nội 1963, tr.137.

không vận hành được, khí không có thần thì không dụng được, cho nên thần giữ vai trò chủ tể”⁽¹⁾. Tuy coi vai trò chủ tể của “thần” nhưng Lê Hữu Trác không coi “thần” có trước thể xác, vì theo ông “nguồn gốc hoá sinh của thần thì huyết sinh tinh, tinh sinh khí, khí sinh thần”⁽²⁾. Lê Hữu Trác đã diễn tả mối liên hệ gắn bó mật thiết giữa tinh thần và thể xác rằng “vì thần không có thể, nên lấy khí làm thể, tinh không có hình thể xác định nên lấy khí làm hình”. “Thần là chủ của tinh khí nhưng phải phụ thuộc vào vật”⁽³⁾. Trên cơ sở lập luận về mối quan hệ ấy, Lê Hữu Trác coi trọng việc khôi phục sự lành mạnh của tạng phủ để chữa các bệnh thuộc về “thất tinh” như mừng, lo, giận, nghĩ, buồn, sợ, kinh hãi... Đồng thời ông cũng nói rõ sự tác động trở lại của “thần” với các cơ quan sinh lý của cơ thể như “mừng quá thì tổn thương tâm, giận dữ thì tổn thương can”⁽⁴⁾. Trong thân thể con người khi mà tạng tâm chứa thần, tạng thận chứa tinh, tạng thận giao nhau làm cho thuỷ hoả giúp đỡ nhau thì bệnh không thể phát sinh⁽⁵⁾. Như vậy, quan điểm về mối quan hệ giữa thể xác và tinh thần của Lê Hữu Trác còn những

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.545.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.545.

(3) Lê Hữu Trác. Phụ đạo xán nghiên. NXB Y học Hà Nội 1963, tr.80.

(4) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.352.

(5) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.351.

hạn chế do trình độ khoa học tự nhiên lúc đó chưa cho phép Lê Hữu Trác nhìn thấy tinh thần, ý thức là sản phẩm của bộ óc và chưa cho phép phân biệt được một cách rõ ràng giữa hoạt động tinh thần với hoạt động thần kinh. Nhưng điều quan trọng trong lập luận của Lê Hữu Trác không hề bị rơi vào chủ nghĩa thần bí, ông đã giải thích hiện tượng tinh thần và mối quan hệ giữa tinh thần và thể xác trên cơ sở của những tri thức mà nền y học Trung Quốc và Việt Nam lúc đương thời đã đạt được. Ở đây, Lê Hữu Trác đã chịu ảnh hưởng quan điểm về tinh và khí của phái Tống - Doãn qua sách "Hoàng đế Nội kinh tố vấn", đồng thời tiếp thu luận điểm "tinh, khí, thần là ba thứ báu trong thân thể" của Đạo gia. Sự tiếp thu này được quy định bởi các yêu cầu của y học là tri bệnh cứu người, cho nên những khía cạnh tiêu cực của Đạo gia như thuật luyện đan, tu tiên đều bị gạt bỏ. Dù lập luận của Lê Hữu Trác còn mộc mạc, thô sơ nhưng căn bản là đúng vì nó khẳng định một sự thật là hoạt động tinh thần của con người có liên quan chặt chẽ đến các khí quan của cơ thể. Trên cơ sở quan điểm ấy, Lê Hữu Trác nhắc nhở mọi người phải khống chế hợp lý những tình cảm cá nhân có hại đến sức khoẻ. Trong thực tiễn lâm sàng ông đã đạt được những thành tựu đáng kể khi chữa bệnh thuộc về tinh chí, tinh thần. Những thành tựu ấy đã được ông đề cập đến phép bổ thần và đề xuất cách điều trị trong các tác phẩm "Đạo lưu dư vận", "Châu ngọc cách ngôn", "Huyền tân phát vi".

Thứ năm : cùng với sự xem xét con người trong sự thống nhất với tự nhiên, Lê Hữu Trác còn xem xét vị trí của con người trong tự nhiên với tư cách là chủ thể có khả năng phản ánh giới tự nhiên bằng nhận thức, và tác động vào giới tự nhiên bằng hành vi của mình. Cái đặc sắc của con người phân biệt với các sự vật, hiện tượng của giới tự nhiên là "sự khôn ngoan hiểu biết", là khả năng nhận biết được các hiện tượng của tự nhiên. Lê Hữu Trác cho rằng khả năng đó của con người là vô tận, nó có thể "cùng lý" của sự vật, có thể lần ra manh mối, nguồn gốc, bản chất sự vật chứ không dừng lại ở bề ngoài của chúng. Vì vậy trong y học, Lê Hữu Trác luôn nhấn mạnh "y đạo năng cùng lý" và nói rõ "chỉ hướng muôn hiểu tân gốc" của mình. Cái "lý" mà con người cần thấu suốt cho cùng này là cái "lý" vốn có của vạn vật trong giới tự nhiên. Ông nhấn mạnh rằng muốn đi sâu vào nghề y cũng phải hiểu được cái lý của các hiện tượng tự nhiên có liên quan đến sức khoẻ của con người mà Lê Hữu Trác gọi là "lý âm dương". Nhưng nhận thức giới tự nhiên của con người không phải là thụ động, vô nghĩa mà nhằm giúp cho sự sinh tồn của con người trong tự nhiên. Vì vậy, Lê Hữu Trác đã có một chủ trương đúng đắn rằng sự hiểu biết về thiên nhiên, khí hậu, thời tiết... là rất cần thiết cho việc bảo vệ sức khoẻ và sinh mạng của con người. Bởi vì sự sinh, trưởng, lão, tử của con người không vượt qua ngoài những nguyên tắc của tự nhiên và luôn luôn ở trong mối liên hệ phụ thuộc

vào hoàn cảnh bên ngoài. Lê Hữu Trác nói “cần biết rõ sự vận hành của dương khí là để áp dụng đúng vào việc bảo vệ thân thể con người”⁽¹⁾. Do đó, con người muốn duy trì được trạng thái sinh lý bình thường thì điều quan trọng là phải biết thích ứng với tự nhiên xung quanh, phải “hiểu rõ sự tác dụng hoá sinh của vạn vật là để thích ứng, khi thích ứng không sai thì sẽ sinh thành không sai”⁽²⁾. Khi bệnh tật phát sinh thì việc bốc thuốc trị bệnh cũng là một công việc phải dựa vào thời tiết và dựa theo cái lý của tự nhiên. Chẳng hạn : “mùa xuân nên dùng thuốc mát, mùa hè nên dùng thuốc lạnh, mùa thu nên dùng thuốc ấm, mùa đông nên dùng thuốc nóng, đó là thích nghi với thời tiết. Dùng thuốc không thể không thuận theo sự thích hợp đó”⁽³⁾. Như vậy, con người tác động vào tự nhiên trên cơ sở sự hiểu biết tự nhiên chính là để thích ứng với tự nhiên. Vì vậy, phép dưỡng sinh và trị bệnh của con người không làm thay đổi gì phép thường áy, hoặc khôi phục lại trạng thái bình thường của tự nhiên mỗi khi thấy có tình trạng thiên lệch xảy ra. Lê Hữu Trác nhấn mạnh sự thích ứng của con người không thể vi phạm và đi ngược lại quy luật của tự nhiên, song phải biết nắm lấy nó và lợi dụng nó để phục vụ cho đời sống con người. Quan niệm của Lê Hữu Trác về vai trò của con người trong tự nhiên như vậy là chưa đựng những nhân tố hợp lý.

(1) Lê Hữu Trác. Nội kinh yếu chỉ. NXB Y học Hà Nội 1964, tr.5.

(2) Lê Hữu Trác. Nội dinh yếu chỉ. NXB Y học Hà Nội 1954, tr.21.

(3) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.537.

Quan điểm duy vật của Lê Hữu Trác về nguồn gốc, bản chất, mối quan hệ giữa thể xác - tinh thần, về quan hệ giữa con người với tự nhiên... đã đối lập với quan điểm mê tín, tôn giáo lúc đương thời cho rằng trời đất và loài người do Thượng đế sáng tạo ra, cho nên sự sống - chết, ốm đau của con người đều do số mệnh. Đặc biệt, khi đụng chạm tới những vấn đề sống, chết, mệnh hệ, sinh con trai hay con gái... thường bị bao phủ bởi sự mê tín. Lê Hữu Trác không hề bị cầm tù bởi lòng tin ở thần quyền mà ông đã giải quyết vấn đề con người trên lập trường duy vật và vô thần. Ông đã loại bỏ quan điểm mệnh trời và khẳng định “sức người có thể thay đổi số trời”⁽¹⁾. Nguyên nhân sinh ra con trai hay con gái, Lê Hữu Trác đã giải thích một cách duy vật rằng “dương vượng thì sinh nhiều trai, âm thịnh thì sinh nhiều gái”. Vì “người ta bẩm thụ ở thiên nhiên thì không ngoài được lý lẽ âm dương”⁽²⁾. Trong điều trị, đối với những bệnh án tử vong, Lê Hữu Trác không hề đổ lỗi cho số mệnh, mà chỉ trách cứ ở trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của người thầy thuốc. Ông đã ghi lại 12 bệnh án ông chữa không có kết quả và theo ông là do trình độ chuyên môn của ông chứ không phải do mệnh. “Y âm án”, kể cả “y dương án” ghi lại 17 bệnh án chữa có hiệu quả... là việc làm độc đáo mà xưa nay ít thầy thuốc viết đế lại.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.537.

(2) Lê Hữu Trác. Phụ đạo xán nghiên. NXB Y học Hà Nội 1963, tr.80.

Như vậy tư tưởng triết học tự nhiên về trời đất, sự vận động biến hoá của trời đất, vạn vật và con người trong vạn vật, trong trời đất của triết học phương Đông đã được Lê Hữu Trác vận dụng có hiệu quả cho phần y học lý luận của mình. Nhờ vậy, mối quan hệ giữa kiến thức triết học, sinh vật học, thiên văn học được Lê Hữu Trác trình bày thành một thể cốt kết hoàn chỉnh; đồng thời các vấn đề y học mà ông đề cập tới đã thể hiện những kiến giải và cách xử lý giàu tính sáng tạo. Đó là những đóng góp quý giá của Lê Hữu Trác vào kho tàng tri thức y học của dân tộc.

3. Tư tưởng triết học về nhận thức và sự vận dụng vào y học.

Những quan điểm về y học của Lê Hữu Trác đã được xây dựng thành hệ thống hoàn chỉnh, nhất quán trong bộ "Hải thương Y tông tâm linh". Để đạt được những thành tựu ấy, một mặt ông phải dựa vào thực tiễn lâm sàng phong phú, mặt khác ông còn phải dựa vào những quan điểm triết học với tính cách là phương pháp luận để nhận thức, đó là quan điểm về khả năng nhận thức và quan điểm cụ thể trong nhận thức của người thầy thuốc.

Bước vào nghề y, để "tìm nguồn gốc sâu rộng của y học"⁽¹⁾, Lê Hữu Trác đã quan tâm đến một vấn đề quan trọng đó là *khả năng nhận thức của người thầy thuốc*.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.296.

Đề cập đến vấn đề này, Lê Hữu Trác xuất phát từ nhận định sau của cổ nhân :

"Đọc sách biết được nghĩa là khó, nhưng hiểu được nghĩa cũng vẫn chưa khó lắm, biện biệt được lý mới khó, mà thấy rộng được ngoài lý lại càng khó"⁽²⁾.

Khái niệm "lý" mà cổ nhân nhận định có nguồn gốc từ triết học Nho giáo đời nhà Tống. Trình Hạo, Trình Di cho "lý" là bản thể của vũ trụ, từ đó đề xuất mệnh đề "vạn vật chỉ là lẽ trời và âm dương, nhị khí cùng với ngũ hành chỉ là tài liệu để "lý" sáng tạo ra vạn vật, trời đất". Phạm trù "lý" từ đây được sử dụng với tư cách là một phạm trù triết học. Sau đó, Trương Tải theo quan điểm trên cho rằng trong trời đất chỉ có lý và khí, lý là đạo hình, khí là chất, là gốc của sinh vật. Cuộc sống của con người, của vạn vật phải có lý rồi sau mới có tính; phải có khí rồi mới có hình. Đến thời nhà Thanh, Vương Phu Chi đã đẩy tư tưởng triết học về lý lên một bước mới. Ông cho rằng điều kiện cần có để nhận thức nảy sinh là hình (cảm quan), thần (tư duy của tâm), vật (đối tượng khách quan). "Cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm" là bốn bước quan trọng để "tu nhân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Trong đó, hai bước đầu tiên là phương pháp nhận thức cảm tính và lý tính. "Cách vật" - giai đoạn nhận thức của cảm tính là khảo sát, nghiên cứu, thử nghiệm... để nắm bản chất, tính đặc trưng của vật. "Trí tri" - giai đoạn nhận thức lý tính, chỉ rõ muối cho sự

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.296.

hiểu biết thấu đáo thì phải xem xét đến cùng cái lý của vật.

Vận dụng tư tưởng triết học về “lý” vào nhận thức trong y học, Lê Hữu Trác rất coi trọng ý cuối cùng trong lời nhận định của cổ nhân là “thấy rộng ngoài lý” của con người. Sự “thấy rộng ngoài lý” là một trình độ mới về sự hiểu biết của con người, cao hơn sự hiểu biết trong khuôn khổ những nguyên lý có sẵn. Lê Hữu Trác cho rằng tự mình khổ công nghiên cứu “sách vở của khắp các nhà” và “đến sau lâm sàng gấp phải chứng lạ phân nhiều có những sáng kiến ngoài khuôn khổ sách vở”⁽¹⁾ tức là sự “thấy rộng ngoài lý”.

Ông hết sức ca ngợi những sáng kiến này sinh trong hoạt động tư duy của con người khi mà thực tiễn lâm sàng đòi hỏi phải có những cố gắng để khắc phục khó khăn.

Khi bàn về y lý⁽²⁾ để làm sáng tỏ mối quan hệ giữa sự hiểu biết của người thầy thuốc theo các nguyên lý và sự hiểu biết của con người cao hơn những nguyên lý ấy, Lê Hữu Trác đã nêu lên hai khái niệm “lý” và “ý”. Mối quan hệ giữa lý và ý là mối liên hệ giữa sự hiểu biết mâu chốt những nguyên lý y học kinh điển với sự hiểu biết mới của con người được nảy sinh trên cơ sở tiếp xúc rộng rãi trong hoạt động thực tiễn. Ông cho rằng : giữa hai khái niệm “lý” và “ý” không có bức tường ngăn cách. Những hiểu biết mới ngoài khuôn khổ sách vở tức là “ý”, đạt tới mức độ sâu sắc và chính xác nào đó thì khả năng chuyển thành “lý” tức là những nguyên tắc

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.296.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.537.

được khẳng định có giá trị phổ biến. Ông viết : “Đạo lý của y học gồm ý và lý...”. Ngoài lý ra, lại còn ý nữa. Giữ theo thường quy không sai lầm đó là “lý”, gấp việc suy rộng biến thông ra vô cùng tận, đó là ý. Lý là thể chất, ý là tác dụng. Cái suy nghĩ thấy được ở ngoài lý tức là ý. Ý mà được thật hay, thật rõ là nhờ lý”⁽¹⁾.

Y học sở dĩ chê ngại được bệnh tật của con người và có khả năng giải quyết được những tình huống phức tạp, những khó khăn trong thực tiễn lâm sàng, điều đó theo Lê Hữu Trác “cũng nhờ cái lý ấy và cái ý ấy mà thôi”. Trong đó, Lê Hữu Trác coi lý là những nguyên tắc mực thước, chỉ rõ phương hướng cho thầy thuốc. Còn ý, ông cho rằng nó không chỉ đơn thuần là sự “ứng biến linh diệu của người thầy thuốc trước những biến đổi không cùng mà ý còn có nghĩa là những thành quả mới của nhận thức⁽²⁾. Khái niệm lý của Lê Hữu Trác chỉ quá trình ngày càng đi sâu nhận thức của người thầy thuốc với các hiện tượng bệnh lý. Trong quá trình ấy, ý luôn nảy sinh và “nhân đó mà suy rộng ra và càng ngày càng tinh vi như chiếc vòng vô cùng tận”⁽³⁾. Trên cơ sở ấy, Lê Hữu Trác khẳng định khả năng nhận thức của người thầy thuốc là không có giới hạn. Trong cuộc đấu tranh chống bệnh tật, Lê Hữu Trác mở ra một địa bàn cho sự sáng tạo của tư duy và hành động của người thầy thuốc.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.538.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.539.

(3) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.296.

Nhờ sự sáng tạo ấy mà trong y học, những nguyên tắc, những nguyên lý vốn có của nó luôn được bổ sung, được làm phong phú thêm bằng những tri thức mới được rút ra từ thực tiễn phong phú và sinh động của công tác phòng và chữa bệnh.

Như vậy, cơ sở của nhận thức trong y học là thực tiễn y học. Từ thực tiễn ấy mà sự sáng tạo của tư duy này nở, phát triển và giải đáp những vấn đề thực tiễn đặt ra. Sự lặp đi lặp lại của thực tiễn y học trên nhiều bệnh nhân cụ thể là cơ sở để Lê Hữu Trác thấy nhận thức của người thầy thuốc luôn luôn được bồi đắp bởi ý mới của từng con người, của các thế hệ người thầy thuốc.

Khái niệm “ý” được Lê Hữu Trác dùng để phân biệt với “lý” là kết quả của sự chọn lọc, kế thừa tư tưởng triết học Nho giáo khi bàn đến phương châm, phương pháp học tập. Trong sách Luận ngữ ở thiên Tư Hãn, “ý” có nghĩa là ý kiến, ý tứ, ý định một vấn đề nào đó mà mình chưa biết về một sự kiện, một hiện tượng hay một vật mình quan tâm. Nếu chưa học, hoặc học chưa đến nơi đến chốn mà có sẵn “ý này”, “ý khác”, “nhận định này”, “nhận định khác” về đối tượng mình quan tâm thì rất dễ khuông đối tượng theo những ý sai đã có trước khi học. Vì vậy, việc học trước hết là phải xem xét đến cùng cái lý của vật ấy, nghĩa là phải tìm được “điều lý” của sự vật. Đó là một việc khó⁽¹⁾.

(1) - Luận ngữ. NXB Trí Đức, Sài Gòn, tr.135.

- Quang Đạm. Nho giáo xưa và nay. NXB Văn hóa, Hà Nội, 1994, tr.410.

- Nguyễn Đăng Thực. Lịch sử triết học phương Đông, tập I. NXB TP.HCM, 1991, tr.242-243.

Các công trình trước tác về y học của Trung Quốc thường dùng hai khái niệm “lý” và “ý”. Trương Trọng Cảnh đã nói rằng : “Ý tức là lý, khuếch tán ra thì muôn vẻ khác nhau, tổng hợp lại thì rút vào một lý”. Nội kinh nói : “Biết được chỗ cốt yếu thì chỉ nói một lời là đủ, không biết chỗ cốt yếu thì lan man vô cùng”⁽¹⁾.

Tư tưởng triết học trên của Nho giáo cũng như tư tưởng của các y gia Trung Quốc thời cổ xem “lý” như là quy tắc nhất thành bất biến và nhận thức của con người không thể vượt qua được. Mục đích của nhận thức chỉ là “đến cùng cái lý của sự vật. Còn “ý” theo cách hiểu của họ chỉ là sự ứng biến, sự vận dụng khéo léo của con người nhằm đi tới chỗ “chí lý”, chứ không phải là bản thân sự phát triển ra ngoài “lý” của nhận thức.

Qua hoạt động thực tiễn y học, vận dụng tư tưởng triết học và tư tưởng của các y gia Trung Quốc, Lê Hữu Trác trước hết thừa nhận khái niệm “ý” bao gồm sự ứng biến linh hoạt của trí tuệ. Nhưng nhận thức con người không dừng lại đấy, điều quan trọng là ông tiếp thu tư tưởng triết học không thịnh hành ở Trung Quốc là sự thấy rộng ngoài lý tuy “rất khó”, nhưng là một khả năng.

Từ đó, ông vạch rằng nhận thức có thể vượt ra khỏi những tri thức do “lý” đem lại. Như vậy nhận thức của người thầy thuốc không phải cố định, chết cứng, mà có

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.538.

sự vận động phát triển liên tục, luôn hướng về phía trước để đạt tới những tri thức mới nhằm bổ sung cho cái lý mà người ta nhầm tưởng là “nhất thành bất biến”. Chính vì vậy, trong y học, Lê Hữu Trác vừa nhấn mạnh “y đạo năng cùng lý” vừa mong muốn “thấy rộng ngoài lý” của người thầy thuốc. “Lý” mà Lê Hữu Trác quan niệm không phải là lý của tâm, cái “thiên lý” như Chu Hy, Trình Hạo, Trình Di đã nói, mà đó là “lý” như Tương Tải đã nói có nguồn gốc từ bản thân sự vật khách quan. Ông nhận thấy rằng muốn đi sâu nghề y thì trước hết phải hiểu về trời, đất, người, đồng thời phải hiểu Kinh Dịch, vì lý của âm dương là lý của y học”⁽¹⁾.

Để khả năng nhận thức trở thành hiện thực, Lê Hữu Trác cho rằng ở người thầy thuốc phải có tri thức sâu rộng, một học vấn uyên bác thì mới có thể làm tròn nhiệm vụ trị bệnh cứu người. Ông coi “trí” là tiêu chuẩn bắt buộc với bất cứ một thầy thuốc nào. Ông nói “lẽ nào người không có trí tuệ đầy đủ, hành động không chu đáo, tâm hồn không khoáng đạt... mà dám theo đòi bắt chước nghề y”, “nghề bảo vệ mạng sống con người”⁽²⁾. Ông đã sử dụng khái niệm “cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm” của Nho giáo để diễn đạt hoạt động nhận thức của con người về thế giới khách quan chứ không phải với nghĩa khát vọng “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” của kẻ sĩ.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.538.

(2) Lê Hữu Trác. Ngoại cảm thông tri, NXB y học, Hà Nội, 1963, tr 52.

Đồng thời với tri thức sâu rộng, để khả năng trở thành hiện thực người thầy thuốc còn phải vượt ra khỏi sự ràng buộc của những nguyên tắc cố sẵn, khỏi mê tín dị đoan. Ông phê phán lối chữa bệnh rập theo cổ phương cố sẵn, không biết ứng biến tùy nghi. Ông cho rằng : “Lập phương là cần thiết, không thể bỏ sót được” và giá trị của những cổ phương tiêu biểu là đã “sắp xếp sơ lược để mở đường tiến sâu vào y học”. Vì vậy, “phương” có thể coi là điểm tựa, là công cụ để nhận thức bệnh tật. Đồng thời “phương” còn giúp nhân dân giải quyết những trường hợp đột ngột, hoặc nhỡ nhàng không kịp mời thầy thuốc. Ông “hy vọng các đồng nghiệp lấy cổ phương làm khuôn mẫu rồi từ đó căn cứ vào bệnh tình, bệnh lý mà biến thông sao cho ở trong rừng thuốc mênh mông tìm ra được một lý dung đắn và bình dị để giúp đời, cứu người, có như vậy mới xứng đáng bậc tuấn kiệt trong y giới”⁽¹⁾. Quá trình ngày càng đi sâu của nhận thức thì cũng không có sự ngăn trở của một thứ mê tín nào. Ông tin sự sống chết của con người là do bệnh gây ra, chứ không phải do mệnh. Bệnh tật là đối tượng người thầy thuốc phải nhận thức để chống lại, ông bác bỏ quan điểm “chỉ chữa được bệnh chứ không chữa được mệnh”. Từ đó, ông đã đòi hỏi người thầy thuốc phải bằng hành động và sự suy nghĩ của mình mà vật lộn đến cùng với bệnh tật, quyết không ngại khó. Chỉ từ những căn bệnh khó thì sự nhận thức nguyên nhân bệnh của người thầy

(1) Lê Hữu Trác. Ngoại cảm thông tri, NXB y học, Hà Nội, 1963, tr 52.

thuốc mới vươn tới tầm cao. Ở bệnh án số 11 trong tập “Y âm án” Lê Hữu Trác đã thể hiện đầy đủ yêu cầu trên. Ở đây, bằng hoạt động thực nghiệm, ông đã chống lại bệnh tật cho con người, đồng thời bằng sự nhận thức ngày càng sâu, ông đã chống lại bệnh tật bằng niềm tin vào sức mạnh của tư duy.

Chính từ thực tiễn ấy, Lê Hữu Trác chứng minh con người có vai trò nhận thức và sự sáng tạo không hạn chế. Ông kết luận rằng “không có người thì không có trời đất”, vấn đề chính là con người tự khẳng định mình, phải bỏ thói xua tay cam chịu để tìm ra quy luật chung, phá bỏ quan điểm định mệnh “tử sinh hữu mệnh”.

Tuy nhiên, ở đây Lê Hữu Trác mới đạt được niềm tin chắc chắn vào khả năng vô hạn về nhận thức của con người và cho rằng mỗi bước tiến của nhận thức đều đem lại những giá trị đáng tin cậy đóng góp vào kho tàng tri thức của loài người. Do giới hạn của lịch sử, Lê Hữu Trác chưa thể tiến tới tìm hiểu nội dung phản ánh hiện thực của những nhận thức, cũng như chưa tìm hiểu được cơ sở, quy luật và tiêu chuẩn của nhận thức.

Sau khi chứng minh rằng khả năng phát triển vượt ra ngoài “lý” của nhận thức vì nó bắt nguồn từ thực tiễn lâm sàng; từ sự nghiên cứu nghiêm túc các trường hợp cụ thể. Lê Hữu Trác đã quan tâm đến vấn đề khác quan trọng của nhận thức là *quan điểm cụ thể của nhận thức*

Trong thực tiễn lâm sàng, muốn hiểu được một chứng bệnh, cần phải quan sát trực tiếp người bệnh. Vì vậy, ông “đành chịu vất vả không ngại đêm hôm, mưa gió, phải tự thân đến tận nơi xem, tuy không có tài thần thánh gì, nhưng “vọng”, “văn”, “vấn”, “thiết” không bỏ sót điều nào”. Trước khi bốc thuốc, kê đơn cho bệnh nhân, Lê Hữu Trác rất quan tâm chẩn đoán toàn diện, tìm hiểu thấu đáo căn bệnh và mọi biểu hiện phức tạp của chứng bệnh. Đồng thời, ông còn theo dõi cẩn thận sự chuyển biến của bệnh khi điều trị, để có những biện pháp xử lý kịp thời. Ông phê phán lối tìm hiểu bệnh một cách qua loa đại khái, ông kết luận tội lỗi cho những thầy thuốc “khi nhân chứng còn lờ mờ, sức học còn non nớt mà dùng công bố sai lầm”. Ông phê phán thầy thuốc khi luận bệnh chỉ mò mẫm chứng ngọn, còn lý do vì đâu sinh ra bệnh thì không chịu tra tìm⁽¹⁾. Lê Hữu Trác coi trọng tìm hiểu bản chất bệnh để có hướng chữa từ gốc. Khi khám bệnh ông vừa quan sát, vừa suy luận để phân biệt thế nào là hiện tượng thực tế, thế nào là hiện tượng giả để xử lý đúng mức. Cùng với chẩn đoán toàn diện là cách chữa toàn diện. Ông không tách rời vấn đề dưỡng sinh, vệ sinh, cứu tế với y học. Phương châm của ông là chữa bệnh khi bệnh chưa phát, ông quan tâm nhiều đến vấn đề bồi dưỡng của bệnh nhân.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.27.

Có thể nói rằng những kết luận của Lê Hữu Trác về một chứng bệnh nào đó đều được rút ra từ kết quả phân tích và tổng hợp mọi tình hình cụ thể của người bệnh. Cho nên, khi nhấn mạnh những nguyên tắc cốt yếu có tính phổ biến trong hàng trăm ngàn bệnh, ông vẫn không hề quên tính muôn vẻ, tính thiên hình vạn trạng của mỗi bệnh riêng lẻ. Ông nói : “Con người già trẻ mạnh yếu khác nhau, sang với hèn mỗi người một hoàn cảnh, bệnh mới mắc và bệnh lâu ngày mỗi chứng một phép chữa”. Vì vậy, “phải phỏng theo bệnh mà lập ra phương từng người mà linh động, đâu có thể đem những phương thuốc sẵn không linh nghiệm để gượng chữa cho tất cả mọi chứng bệnh thiên hình vạn trạng”⁽¹⁾.

Cùng với quan điểm cụ thể trong việc tìm hiểu mọi biểu hiện cụ thể của chứng bệnh, Lê Hữu Trác rất quan tâm những ảnh hưởng của tự nhiên như thuỷ thổ, khí hậu bốn mùa tới người bệnh. Ông cho rằng thể chất của con người với tính cách là sự “bẩm thụ khí hoá của trời đất” nên từng lúc, từng nơi mà khác nhau. Hơn nữa ở mỗi con người cá biệt thì khí hư, huyết hư có lệch về dương, về âm không giống nhau. Cho nên trong việc chữa bệnh, Lê Hữu Trác chủ trương quan sát khí tượng, theo dõi chiều gió, cách dùng thuốc theo thời khí. Đồng thời, Lê Hữu Trác rất quan tâm tới nguyên nhân tâm lý. Ông coi trọng vai trò của cảm xúc, nhất là trong các bệnh

nhi khoa và phụ khoa. Quan điểm ấy của ông bắt đầu từ giữa thế kỷ 20 (1953) đã được Tây y quan tâm dưới cái tên y học tâm thể (PsychoSomatique)⁽¹⁾.

Do hạn chế của lịch sử, Lê Hữu Trác chưa nói tới được quan điểm lịch sử, quan điểm về chân lý là cụ thể. Song, nhờ có quan điểm về khả năng của nhận thức và quan điểm cụ thể trong nhận thức của người thầy thuốc mà *tư duy độc lập có tính chất phê phán và sáng tạo trong y học của Lân Ông phát triển*. Năng lực ấy của ông được thể hiện ở những quan niệm về y học được xây dựng thành hệ thống trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”. Khai thác những giá trị về bề rộng và bề sâu của hệ thống ấy sẽ góp phần làm sáng tỏ di sản y học và tư tưởng của Lân Ông.

- Xét về bề rộng : giá trị của hệ thống chính là Lân Ông đã có ý thức đi từ những vấn đề chung, có ý nghĩa bao quát phổ biến đến những vấn đề riêng, chi tiết y học.

Vấn đề chung của hệ thống là quan điểm về cuộc sống và nghề nghiệp. Ông coi “nghề y là nghề thanh cao”, “y học là nhân thuật” là “nghề có nhiệm vụ bảo vệ mạng sống của con người”. Nghề y đòi hỏi những ai đi vào nghề ấy thì phải có lòng nhân”, rồi “phải có trí tuệ”, phải có tác phong thận trọng”. Vấn đề chung này được ông trình bày trong thiên “Y huấn cách ngôn”, trong “Y huấn án”, trong lời tựa của một số quyển khác.

(1) Huazd P. Lân Ông et là medicine Sino - Vietnamienne - trong BSEI 1953, tr.250.

(1) Lê Hữu Trác. Ngoại cảm thông trị, NXB Y học, Hà Nội, 1963, tr. 41.

Vấn đề cơ sở của hệ thống là lý thuyết về sinh vật học, sinh lý nhân thể, thời tiết, bệnh nặng, đường hướng trị liệu và sử dụng dược liệu.

Những vấn đề cụ thể của hệ thống là các bộ môn riêng rẽ của bệnh học như Nội khoa, Nhi khoa, Phụ khoa, Sản khoa và cách xử lý các bệnh phổ biến thời ấy là bệnh đậu và bệnh sởi.

Động cơ, mục đích của công trình trước tác là Lân Ông “muốn thâu tóm hàng trăm cuốn sách đúc thành một pho cho tiện xem, tiện đọc” vì theo ông “cho thuốc không bằng cho phương”, vì “thuốc chỉ cứu được một người, cho phương thì giúp đỡ người ta vô tận”⁽¹⁾. Với động cơ ấy, ông đã đề cập đến một phạm vi rất rộng những vấn đề của y học và thực hiện một công việc thu thập tài liệu và tổng hợp tài liệu trên một quy mô lớn chưa từng có trong lịch sử y học ở nước ta.

- Xét về bể sâu : của bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” có những giá trị sau :

Giá trị trước hết : là Lân Ông đã chú ý đúng mức có hiệu quả phần y học lý luận và sự vận dụng những kiến thức khoa học chung vào đặc điểm tự nhiên và con người Việt Nam. Những kiến thức triết học, sinh vật học, thiên văn học được ông trình bày chặt chẽ bằng quan điểm của mình trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những thành quả

(1) Hải Thượng Lân Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr. 22.

về tư tưởng và y học của nước Trung Hoa thời cổ trung đại. Chính nhờ phần lý luận này mà bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” được trình bày như một thể cổ kết hoàn chỉnh; đồng thời các vấn đề y học được nêu lên trong trước tác vừa có cơ sở lý luận vừa có căn cứ thực tiễn. Trên cơ sở y học lý luận và những kiến thức khoa học chung giá trị của bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” còn được thể hiện đặc thù ở trong cách lập luận nghiệp vụ khi vận dụng y học lý luận vào những vấn đề cụ thể của y học Việt Nam, những vấn đề mà Lân Ông cho là cốt yếu, huyền diệu của y học. Đặc điểm đặc thù ấy chính là làm thuốc theo lối “Vương đạo thiên về thuỷ hoả”⁽¹⁾.

Giá trị thứ hai : là Lân Ông đã kế thừa những thành tựu của các nhà y học nổi tiếng của nước ta từ Tuệ Tĩnh, Chu Văn An trở đi, đồng thời ông còn ra sức học hỏi và thu thập kiến thức của nhân dân về phòng bệnh, chữa bệnh và sử dụng dược liệu trong nước. Một điều rất quan trọng trong việc góp phần xây dựng nền y học nước nhà là Lân Ông đã nâng cao nhận thức của nhân dân ta đối với nền y học của Trung Quốc lên một trình độ mới, có hệ thống hơn. Có thể nói Lân Ông là người đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đã tìm hiểu một cách rộng rãi, sâu sắc nền y học Trung Quốc kể từ “Nội kinh”, “Nạn kinh” cho đến các y gia nổi tiếng từ đời nhà Hán đến nhà Thanh. Qua việc tìm hiểu có ý thức, ông đã thể hiện

(1) Hải Thượng Lân Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.12.

rõ sự tiếp thu có phê phán, có chọn lọc và vận dụng sáng tạo những thành quả về y học của nhân dân Trung Quốc vào hoàn cảnh Việt Nam.

Giá trị thứ ba : là trên mọi vấn đề của y học mà bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” đề cập tới, Lân Ông đã có những đóng góp quý giá vào kho tàng tri thức y học của dân tộc ta. những kiến giải và cách xử lý sáng tạo về y học của Lê Hữu Trác nổi bật mấy vấn đề sau :

- Vấn đề sáng tạo hàng đầu là đường hướng, phương pháp trị bệnh.

Về đường hướng trị bệnh, vấn đề y học lý luận Lê Hữu Trác quan tâm là vấn đề thuỷ - hoả, mà nội dung cơ bản là chân thuỷ, chân hoả của tiên thiên và vai trò của mệnh môn thận. Kế thừa có chọn lọc tư tưởng của các y gia Trung Quốc như Triệu Dưỡng Quỳ, Phùng Triệu Trương về thuỷ - hoả, Lê Hữu Trác đã sáng tạo cho phù hợp với hoàn cảnh trong nước. Căn cứ tư tưởng triết học về tự nhiên và thực tiễn lâm sàng, Lê Hữu Trác đã chứng minh vai trò thuỷ hoả của mệnh môn trong quá trình phát sinh, phát triển của cơ thể, trong mối liên hệ với ngũ hành và các tạng khác. Ông cho rằng sự mất cân đối, mất bình thường và suy kiệt của chân thuỷ, chân hoả sẽ làm cho cơ thể hư nhược, chính khí sa sút. Vì vậy phương hướng trị bệnh chủ yếu của ông là điều hoà thuỷ - hoả, bồi bổ chính khí, khắc phục trạng thái hư nhược của cơ thể. Ông nói “hư là nguyên do sinh trăm bệnh, chữa hư là chủ chốt để trị bệnh”. Chính vì thế trong khi chẩn đoán, ông quan tâm nhiều đến việc phân biệt hư thực

và xét mạch tượng “vô lực” hay “hữu lực” (mạch khoẻ hay mạch yếu)⁽¹⁾. Do chỗ chân thuỷ, chân hoả và điểm nguyên dương của con người có liên hệ chặt chẽ với tạng thận, đặc biệt là mệnh môn thận, nên trong đường hướng bồi bổ chính khí làm chính thì Lân Ông chú ý đến việc bồi thận hơn cả, đặc biệt ông hay dùng hai bài Bát vị và Lực vị. Tuy vậy, trong đường hướng trị bệnh ông không滥用 bồi phép công tà, chỉ có điều ông dùng phép ấy cẩn thận và hạn chế sao cho không ảnh hưởng đến nguyên dương, nguyên khí của con người. Ông coi cách thức điều trị như vậy là chữa bệnh từ gốc.

Cùng với vấn đề nhấn mạnh vai trò của chân thuỷ, chân hoả, của mệnh môn thận là vấn đề tầm quan trọng của khí huyết, tỳ vị. Ông cho rằng “khí chạy huyết theo cung, âm huyết là cơ sở của dương khí” và khí huyết được hoá sinh là nhờ tỳ vị. Từ đó, ông chú trọng giữ gìn vấn đề tiêu hoá, bài tiết và bổ tỳ vị để cho nguồn gốc sinh hoá được đầy đủ thì khoẻ mạnh.

Tóm lại, quan niệm về thuỷ - hoả với đường hướng trị bệnh giữ gìn nguyên khí tăng sức chống bệnh mà trước hết là bồi thận kết hợp với bổ tỳ vị, khí huyết nhằm

(1) Mạch học Đông y theo nhiều tài liệu gồm 24 loại mạch : 7 mạch biếu, 8 mạch lý, 9 mạch đạo. Việc phân biệt mạch tượng khác nhau là rất khó. Lân Ông đã đơn giản cách xem mạch theo 6 tiêu đề chính của bốn đoán biện chứng là biếu, lý, hàn, nhiệt, hư, thực thành sáu mạch vận để phân biệt : phù, trầm, trì, sác, hữu lực và vô lực.

loại trừ các nhân tố gây bệnh đã trở thành luồng tư tưởng quán xuyến trong hầu hết các quyển, các chương của bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”.

Về phương pháp trị bệnh : trên cơ sở lý luận về đường hướng trị bệnh, Lân Ông nêu lên một số phương pháp trị bệnh cơ bản như sau :

Trị bệnh ngoại cảm : Lân Ông không dùng các phương thuốc Bắc của “Thương hàn luận” vì Lân Ông cho rằng bệnh cảm ở Việt Nam khác Trung Quốc. Lân Ông lập ba phương giải biểu và sáu phương hoá lý, vừa điều bổ thuỷ - hoả, khí huyết, vừa giải tán ngoại tà, điều hoà hàn nhiệt hay hạ lợi điều hoà bài tiết thích hợp với bệnh cảm và thể trạng bệnh nhân ở nước ta.

Trị bệnh trẻ em : do cơ thể của trẻ em chưa phát triển đầy đủ, ông lấy việc bồi bổ thuỷ hoả tiên thiên và khí huyết hậu thiên làm chủ, phối hợp với việc giải trừ các nhân tố gây bệnh một cách nhẹ nhàng mà không đơn thuần chữa theo chứng bệnh.

Đối với các bệnh phức tạp nguy nan : Lân Ông linh hoạt vận dụng phương pháp điều hoà thuỷ hoả và tiếp bổ âm dương làm cho cơ thể khoẻ lên, phục hồi cơ năng của tạng phủ mà bệnh tật được giải quyết. Phương pháp tiếp bổ cả âm dương, tránh tình trạng thái quá gây nên thiên lệch và giúp cho âm dương dựa vào nhau mà lớn mạnh.

Đối với các bệnh nhiệt cấp tính: phương pháp tri hoả của Lân Ông có tác dụng độc đáo : Công ta kịp thời khi bệnh đang tiến triển với các phép thanh nhiệt, tẩy hoả, thông lợi đại tiện để hoà nhiệt khỏi uất bế tránh được tình trạng sốt cao biến chứng nguy cấp. Khi tà nhiệt đã lùi, hoặc trường hợp hoả nhiệt không quá thịnh thì chỉ dùng thuốc tư âm làm tăng dịch thể để chế ức súc nóng (bổ sung thuỷ phân hoả) làm mát dịu chặn được nóng ấm kéo dài làm mất nước.

Các phương cứu âm tiếp dương, cứu dương tiếp âm nhằm tránh thiên lệch, phương bảo âm để trị vong âm nhiệt quyết.

- *Vấn đề sáng tạo thứ hai là sáng chế phương thang và vận dụng linh hoạt vào hoàn cảnh Việt Nam.*

Trên cơ sở quan niệm về thuỷ hoả và đường hướng trị bệnh, Lê Hữu Trác đã có nhiều sáng chế phương thang tân dược và vận dụng linh hoạt các phương thang đã có cho phù hợp với Việt Nam.

BỆNH CHỨNG VÀ PHƯƠNG THANG ÚNG TRỊ

A. Trị bệnh ngoại cảm

- *Giải biểu*

Hoà vinh bảo vệ tán tà phương

Trị chứng phát sốt gai rét, đau đầu cứng gáy, không có mồ hôi.

Điều khí thư uất phuong

Trị chứng phát sốt sợ rét, đau mình, nhức đầu, ho đờm, nôn đầy, ỉa chảy

Lương huyết tán tà phương

Trị chứng sốt cao, gai rét, nóng lâu, không có mồ hôi, nhức đầu, đau mình, khát nước, đái đỏ.

- *Hoà lý*

Gia vị tú vật thang

Trị hỏa uất, nóng lâu, táo bón, gây khô.

DUỐC VẬT PHỐI HỢP VÀ GIA GIÁM

Hương phụ, tử tô, phòng phong, khuông hoạt, độc hoạt

Gừng, hành, sinh địa, xuyên khung, thăng ma, cát cẩn, cam thảo

Nhân sâm, phục linh, hương truật, chích thảo, khuông hoạt, bán hạ chế, trần bì, ô dược, sài hô, địa cốt bì, chi tử, gừng sống, đại táo.

Sinh địa, bạch thược, đương quy, xuyên khung, huyền sâm, đan sâm, đơn bì, sài hô, bạc hà, gừng tỏi, chích thảo

Sinh địa, đương quy, bạch thược, xuyên khung, đại hoàng, chỉ xác.

Gia vị tú quân tử thang

Trị chứng người gầy yếu, trị mồ hôi, táo bón.

Nhân sâm, bạch truật, phục linh, cam thảo, đại hoàng, chỉ xác.

Gia giảm lục vụ địa hoàng thang

Trị chứng âm hư giải nhiệt, khát, táo bón...

Thục địa, sơn dược, sơn thù, phục linh, đơn bì, nhục dung, ngưu tất, đương quy

Gia giảm bát vị địa hoàng thang

Trị chứng chân dương hư ton, đại tiện không lợi.

Thục địa, sơn dược, sơn thù, phục linh, đơn bì, trạch tả, nhục quế, chế phụ tử, ngưu tất, nhục dung.

Bổ tỳ âm phuong

Trị chứng táo kết, gây khô.

Thục địa, đương quy, bạch thược, nhục dung, ngưu tất.

Bổ vị dương phuong

Trị chứng tỳ vị hư nhược, đại tiện đình trệ

Nhân sâm, bạch truật, trầm hương.

B. Trị bệnh trẻ em

Tiếp tục vô âm

Trị các chứng bệnh thuộc nhiệt của trẻ em : sốt, co giật, sưng viêm, ra máu... từ chứng gia giảm.

Sinh địa, đơn bì, sơn dược, phục linh, sơn thù, trạch tả, mạch môn, ngưu tất.

Tự bôi trị dương

Trị các bệnh trẻ em thuộc hư hàn và bẩm sinh bạc nhược : còi xương, hen suyễn, kinh giản... tuy chứng gia giảm.

Vinh dưỡng tâm can

Trị các chứng nhiệt mới phát như cảm sốt, lở ngứa, ban sởi... tuy chứng gia giảm.

Điều bổ tỳ phế

Trị các chứng bệnh trẻ em về khí trệ hư tàn : như ỉa chảy, nôn, đầy, không tiêu, phù thũng, phong đờm... tuy chứng gia giảm.

C. Điều hòa thuỷ hoả

Lục vị hoàn (cổ phương)

Trị thuỷ thiếu, người gầy khô, hao khát, hấp nóng, khó ngủ.
- Khô háo.

- Bốc nóng.

Bát vị hoàn

- Trị hoả hư dưới lạnh, trên

Thục địa, sơn dược, sơn thù, phục linh, ngưu tất, đồ trọng, mẫu đơn, ngũ vị tử, trạch tả, nhục quế, phụ tử chế.

Sinh địa, bạch thược, sa sâm, đương quy, xuyên khung, gừng sống, cỏ bắc.

Bạch truật, nhân sâm, đương quy, xuyên khung, gừng sống, đại táo.

Thục địa, hoài sơn, đơn bì, sơn thù, phục linh, trạch tả.

+ Mạch môn, ngưu tất, ngũ vị tử

+ Trị mẫu, hoàng bá, cỏ sơn thù

Thục địa, hoài sơn, đơn bì,

nóng, lưng gối yếu mỏi, kém ăn, đại tiện lỏng

- Đái ít, phù thũng.

Cố bản thập bổ hoàn

Trị thuỷ hoả đều hư, người tiêu tuy, suy nhược, gầy yếu, sinh dục khó khăn.

Thanh nhiệt hoá ban thang

Trị nhiệt giải độc phát ban.

Khử nhiệt định cuồng thang.

Trị thực nhiệt, sốt cao, tà hoả vào tâm phế, khô háo phát cuồng.

Tư âm giáng hoả

Trị âm hư dương lấn, thuỷ thiếu hoả bốc, gầy sạm, khô khát, chảy máu mũi, thổ huyết.

sơn thù, phục linh, trạch tả, nhục quế, phụ tử chế
+ Gia xa tiền, ngưu tất.

Thục địa, sơn dược, sơn thù, phục linh, nhục quế, phụ tử chế, ngưu tất, đồ trọng, nhung hươu, ngũ vị tử

Huyền sâm, thiên hoa phấn, hoàng liên, phục linh, thăng ma, kinh giới, đương quy cam thảo.

Thạch cao, huyền sâm, sa sâm, mạch môn, tri mẫu, phục thần, xa tiền.

Thục địa, sinh địa, đan sâm, sa sâm, thiên môn, ngưu tất, ngũ vị tử, thạch hộc.

D. Tiếp bổ âm dương

Cứu âm tiếp dương

- Trị chân âm tiêu hao, bốc nóng, phiền khát, tâm thần mê sảng, toàn nóng
- Hoả nhiệt nhiều
- Hư phiền ít ngủ
- Tỳ vị hư nhược
- Nguyên khí cực hư.

Cứu dương tiếp âm

- Trị chân dương hư nhược, trong thân lạnh ngoài giả nóng, phiền táo, kinh cuồng
- Rét nhiều
 - Ra mồ hôi run rẩy
 - Ả chảy.

Bảo âm phương

Trị nóng lâu đơn thuần, biến chứng vong âm, phiền táo, vã mồ hôi vị khí đến lúc suy bại (chân tay giả lạnh, giữa bụng nóng nhiệt quyết).

Thực địa, mạch mòn, đơn bì, ngưu tất, bạch thược, phục linh, khương thán.

- gia huyền sâm
- gia táo nhân sao đen
- gia bạch truật, bổ đơn bì
- gia nhân sâm.

Nhân sâm, phục linh, phụ tử ché, thực địa, đương quy, ngưu tất, ngũ vị tử, khương thán

- gia nhục quế
- gia hoàng kỳ
- gia bạch truật, chích thảo
- bổ đương quy, ngưu tất.

Thực địa 2 lạng, sâm bô chính 1 lạng, nhục quế 1 đồng 5 phân

Độc sâm thang cổ phương

Trị nguyên khí suy nhược, hòn mê quyết lạnh, cảm khẩu, suyễn thở, mất máu nguy cấp.

Nhân sâm 2 lạng uống dần (liều dùng tùy nghi)

Sâm phu thang (cổ phương)

Trị âm dương hư thoát, thở ta, cắn răng, toát mồ hôi, suyễn nắc, quyết lạnh.

Nhân sâm 5 đồng cân
Phụ tử ché 3 đồng cân.

- Vấn đề sáng tạo thứ ba là được học dân tộc :

Ngoài việc kế thừa 496 vị thuốc của Bản thảo Nam được thần hiệu chép vào Linh nam bản thảo quyển thượng, Lân Ông đã biên tập riêng vào quyển hạ 325 vị thuốc nam mới phát hiện hoặc bổ sung công dụng. Ví dụ:

+ Vị thuốc mới phát hiện :

Dây chạc chìu : Làm tan máu ú, sưng u, gọi là Nam xuyên khung.

Đơn gối hạc : chữa sưng đầu gối, phong thấp đau nhức.

Cối tía : chữa trúng độc, hoàng đản

Cây săn thuyền : vỏ cảm ịa, lá đắp chốc lở để hút mủ.

Hạt củ đậu : Hạt máu chó làm thuốc chà ghẻ.

Mã tiên (độc, hận ché) : chữa bại liệt, phong thấp, ịa xoi, bôi mụn trĩ.

Hạt đậu gió (độc, hàn chê) : chữa trúng phong, dịch tả.

Ba gạc : chữa trúng phong, bại liệt.

Sân bối chính : bổ khí huyết, nhuận phế, dưỡng tâm

Cát sâm : bổ khí lương huyết, chữa phổi nóng, thở huyết bại liệt.

Hột lưu hoàn : chữa phong hủi như đại phong tử.

Cây kim sương : chữa vết thương đau nhức.

+ Vị thuốc kế thừa của Tuệ Tĩnh được bổ sung công dụng :

Huyết giác : tiêu máu ú, bị thương đau nhức, đòn sưng.

Mộc thông (cây ruột gà) : chữa đái ra máu, nhức đầu, kinh bế, các bệnh thấp nhiệt, ngoài tác dụng lợi tiểu.

Hoàng đằng : chữa lở tai, đau mắt.

Lôi vang : chữa bị thương ú máu và huyết tụ hòn bóng.

Tầm gửi : phối hợp với ba gạc chữa trúng phong, tê liệt.

Thanh táo : đắp thương tích, tiêu sưng.

Sau sau : nhựa bôi vết thương chảy máu, vỏ cây nấu nước tắm khỏi mề đay.

Xương sông : chữa đau đầu ngạt mũi.

Lê Hữu Trác với tư cách là nhà khoa học, nhà tư tưởng của dân tộc đã đáp ứng được những yêu cầu về

cải tiến phương pháp tư tưởng, phương pháp nhận thức của sự phát triển khoa học của xã hội Việt Nam ở thế kỷ 18. Những phát biểu của ông về khả năng nhận thức, tính cụ thể của nhận thức và tư duy độc lập có tính chất phê phán và sáng tạo là một hiện tượng hợp quy luật. Ngày nay, chúng ta trân trọng khai thác những tinh hoa của tư tưởng ấy là để học tập, phát huy tư duy độc lập, sáng tạo của dân tộc trong sự nghiệp y học mới.

Trong quá trình vận dụng những tư tưởng triết học về tự nhiên vào y học của Lê Hữu Trác cho chúng ta thấy:

Trước hết : những quan điểm triết học về tự nhiên mà Lê Hữu Trác đã phát biểu có cội nguồn từ triết học Trung Quốc cổ - trung đại. Chính những quan điểm triết học ấy trở thành cơ sở tư tưởng để Lê Hữu Trác vận dụng vào việc lý giải các hiện tượng tự nhiên và nhân thể mà y học cần đề cập, thành cơ sở cho một niềm tin vào năng lực của nhận thức và sức mạnh của bản thân con người để khám phá ra những bí ẩn của sinh lý và bệnh lý.

Thứ hai : là những quan điểm triết học về tự nhiên và sự vận dụng vào y học của Lê Hữu Trác không tách rời hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Chỗ mạnh, chỗ yếu trong những phát biểu và sự vận dụng ấy đều mang dấu ấn sâu xa của thời đại.

Ưu điểm trước hết là : Lê Hữu Trác đã đi theo xu thế đòi hỏi phải có một thế giới quan, một lý thuyết triết học duy vật của sự phát triển khoa học, nhất là y học trong cuộc đấu tranh chống bệnh tật bên cạnh xu

thế ngả về chủ nghĩa thần bí và định mệnh của tầng lớp phong kiến thất thế, bất lực, bảo thủ trước thời cuộc. Lê Hữu Trác đã đi theo đòi hỏi ấy thông qua nghiên cứu y học. Nhờ y học, do yêu cầu của y học, Lê Hữu Trác đã tiếp thu và vận dụng những lý thuyết triết học duy vật vào y học.

Ưu điểm thứ hai là : Lê Hữu Trác đã có một quan điểm tổng quát về tự nhiên. Ông nhìn nhận thế giới tự nhiên và cơ thể con người như một chỉnh thể bao gồm vô số hiện tượng liên hệ nhau và luôn luôn vận động thông qua sự đối lập âm dương. Quan điểm biện chứng đó có nguồn gốc từ triết học tự nhiên của Trung Quốc, song về thực tiễn, chính quan điểm ấy đã phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp và những đảo lộn nhanh chóng của các triều đại, của bản thân con người trong xã hội Việt Nam thế kỷ 18; phản ánh đòi hỏi của khoa học là phải có cách nhìn bao quát, phải có khái niệm phổ biến để nhận thức nhiều khía cạnh của cuộc sống. Lê Hữu Trác với tư cách là nhà khoa học, nhà tư tưởng của dân tộc đã đáp ứng được yêu cầu đó của lịch sử.

Chỗ yếu trước hết là : do trình độ khoa học tự nhiên lúc đó chưa phân ngành, chưa đạt tới sự phân tích, mở xé và chứng minh tự nhiên bằng thực nghiệm... Cho nên khi đụng chạm đến các lĩnh vực tự nhiên, về cơ bản Lê Hữu Trác vẫn theo quan điểm duy vật, nhưng có chỗ không tránh khỏi chủ nghĩa thần bí mà sách “Nội kinh” và các y gia Trung Quốc vẫn mắc phải, hoặc “quan điểm

“tà khí hại người” của ông tuy đối lập với sự mê tín dị đoan nhưng vẫn chỉ là sản phẩm của sự quan sát trực tiếp được lặp đi lặp lại nhiều đời.

Chỗ yếu thứ hai là : do trình độ khoa học tự nhiên còn thấp, chưa nhận thức được sự khác nhau về chất, về mối quan hệ biện chứng giữa các hình thức vận động của vật chất, cho nên quan điểm biện chứng về tự nhiên của ông còn nhiều hạn chế. Với Lê Hữu Trác thì mọi vận động trong cơ thể giống hệt vận động thường thấy trong tự nhiên vì cả hai đều tuân theo phép tắc của âm dương, ngũ hành. Từ đó ông quy sự vận động của trời đất, con người vào những hình thức vận động thô sơ như tuần hoàn, thăng giáng, thịnh suy, sinh - trưởng - hoá - thâu - tàng...

Những thiếu sót của Lê Hữu Trác là sự thật, những sự thật ấy không cưỡng nổi vì do điều kiện lịch sử quy định. Chính thông qua những hạn chế do lịch sử mà những giá trị của ông được hiện lên sáng chói, nó chứng tỏ sự vươn tới của ông trong xã hội đương thời. Vì vậy, chỉ có cách nhìn toàn diện thì chúng ta mới hiểu đúng đắn những giá trị của Lê Hữu Trác.

IV. TU TUỔNG TRIẾT HỌC VỀ NHÂN SINH VÀ SỰ VẬN DỤNG VÀO Y HỌC

Trong bộ “Hải Thượng y tông tâm linh”, bên cạnh những quan điểm triết học về tự nhiên, thì những quan điểm triết học về nhân sinh cũng được Lê Hữu Trác đề cập nhiều vì y học là khoa học có mối liên hệ mật thiết

với các lĩnh vực của đời sống xã hội. Những vấn đề triết học nhân sinh được ông bàn khá sâu sắc là đạo làm người, đạo dưỡng sinh, tư tưởng nhân đạo trong y học. Những quan điểm đó của ông không chỉ có ý nghĩa với xã hội đương thời, mà vẫn có ý nghĩa thiết thực đối với nền y học hiện đại.

1. Quan điểm về y đạo và đạo dưỡng sinh

Một trong những vấn đề được các nhà tư tưởng Việt Nam trong lịch sử đặc biệt quan tâm là “đạo”. Các nhà tư tưởng quan tâm đến “đạo” bởi nó là cơ sở tư tưởng để hành động chính trị, để đối nhân xử thế. Trong ba đạo truyền thống ảnh hưởng vào Việt Nam có đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão - Trang, thì sau thời Lý - Trần người Việt Nam hướng về đạo Nho trước hết. Nho giáo với các nguyên lý chính trị và đạo đức của nó đáp ứng được yêu cầu đương thời. Lý thuyết “tam cương”, “ngũ thường” của nó tạo cho xã hội một ý thức trật tự, kỷ cương phù hợp với chế độ phong kiến. Con đường danh lợi của nhà nho được rộng mở : học mà giỏi thì đi thi, thi đậu thì làm quan, làm quan là để phò vua đến chỗ thịnh và đem lại ơn huệ cho dân, hợp với lòng mong mỏi của bao thanh thiên có học thức, có chí khí. Những nguyên tắc xử thế uyển chuyển của nó như dùng thì làm, bỏ thì ẩn, chỉ ra con đường thoát khi thất thế, làm yên tâm nhiều người trên đường hoạn lộ. Do đó, kẻ sĩ đều chọn con đường của đạo Nho và luôn đề cao đạo làm người của Nho. Tuy đều là lựa chọn đạo Nho nhưng mỗi người một khác, tùy vào lập trường triết học và chính trị của mỗi người.

Khi vào đời, các nhà tư tưởng Nho học đều khảng định đạo Nho, đều lấy đạo Nho làm lý tưởng sống của mình. Nhưng cuộc sống khiến họ không thể kiên trì đạo Nho. Bởi lẽ khi bước ra khỏi lĩnh vực chính trị, khi phải giải quyết các vấn đề sống - chết, may - rủi, phúc - họa, thường - biến, những vấn đề gắn liền với cuộc sống đời thường của mỗi người thì đạo Nho không đáp ứng được. Ở đây, Phật giáo lại có sức hấp dẫn. Người ta tìm đến đạo Phật, lấy Phật giáo làm chỗ dựa tinh thần. Và khi thất bại trên con đường danh lợi, họ lại tìm đến đạo Lão - Trang để có niềm an ủi và để được tự do, tự tại. Thế giới quan Nho - Phật - Lão thường là thế giới quan chung của họ. Vì vậy, trong quan niệm về đạo, ngoài đạo Nho ra, còn bao hàm cả Phật và Lão - Trang.

Lê Hữu Trác xuất thân từ một gia đình quyền quý lúc bấy giờ, cha ông từ đời này sang đời khác lấy khoa mục làm bước thang danh vọng. Bản thân Lê Hữu Trác cũng muốn làm nên sự nghiệp lớn. Ông thường nói đến “chí bình sinh”, “chí lớn”, “tráng tâm”... “Chí bình sinh” trong quan niệm của ông là đậu cao, làm quan to, “mặc áo hổ cùa đi bốn phương không làm nhục mệnh vua” - nói cách khác là làm sáng tỏ đạo lớn của Khổng Mạnh bằng “tu, tề, trị, bình”. Không chỉ thế, Lê Hữu Trác đã từng bỏ học văn sang học võ để thực hiện chí bình sinh bằng con đường không kém phần vinh hiển của nam nhi phong kiến. Đó là con đường theo kiểu “chí làm trai dặm nghìn da ngựa” - cầm quân đòn áp khởi nghĩa.

Nhưng rồi, Lê Hữu Trác bỏ tất cả ý định trước đây, không chịu đi theo các đạo lý từ lâu đã trở thành chính thống ở phương Đông. Nguyên nhân của sự phủ định “chí bình sinh” đã được vạch săn là do hoàn cảnh gia đình và xã hội thôi thúc ông xác lập một đạo lý mới cho sự sống và hành động của mình.

Về hoàn cảnh gia đình : bố ông mất lúc ông 20 tuổi, nên ảnh hưởng của gia đình đối với ông không còn trực tiếp và sâu sắc. Về hoàn cảnh xã hội Việt Nam thế kỷ 18 - chủ yếu là xã hội đế đô - với tất cả những “bão táp” của nó đã dội mạnh vào tâm hồn trong trắng của ông, làm cho ông chán chường,, có lúc như điên : “Bể hồ trôi dạt luồng không, cho người tráng sĩ cõi lòng như điên”. Dần dần ông nhận ra việc mình đang theo đuổi là vô ích đối với mình và đối với tiến trình xã hội. Vì vậy, ông không thể theo giai cấp thống trị để đàn áp khởi nghĩa, cũng không thể theo khởi nghĩa để quật lại giai cấp thống trị. Cuối cùng ông chọn con đường rút lui về thôn dã ở ẩn.

Ở ẩn của Lê Hữu Trác là để phủ định phục vụ giai cấp thống trị, phủ định sự ràng buộc của lợi danh. Vì vậy biệt hiệu “lười” của ông là “lười” công danh phú quý chứ không phải lười công việc. Động cơ xoay lungan với đường lối trị nước đương thời của Lê Hữu Trác chính là cái “chí bình sinh của trượng phu phải lấy việc giúp nước, ích dân làm mục đích, ngõ hầu không uống phí một đời”⁽¹⁾. Đạo lý mới ông chọn để giúp nước ích dân

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.384.

là y đao, tức là đạo làm thuốc, chữa bệnh. Lê Hữu Trác cho rằng nghề làm thuốc chữa bệnh là một nghề cao quý, nghề đứng trong hàng ngũ đạo lý bao quát cả sự nghiệp giúp nước, giúp dân.

Như vậy, trong cái hoang mang chung của nhà nho, Lãn Ông tìm hướng đi mới vào lúc 30 tuổi. Đó là một hướng đi tích cực, đúng đắn, thiết thực, cao quý. Hướng đi ấy có tính chất lý tưởng hoá bản tính và chỉ đạo toàn bộ hoạt động của Lãn Ông từ đó về sau.

Để thực hiện được đạo lý “chữa bệnh cứu người” thì phải hiểu con người. Vận dụng tư tưởng triết học Nho giáo và lý luận y học của sách Nội kinh, Lê Hữu Trác cho rằng : “Lấy Nho học để hiểu y học” vì “lý của âm dương tức là y học”⁽¹⁾. Lý âm dương của Nho giáo và của sách Nội kinh cho rằng âm dương là căn bản của vạn vật, do đó là nguồn gốc của sự sinh, trưởng, lão, tử. Âm dương biến hoá, hỗn tương liên hệ với nhau theo quy luật nhất định gọi là đạo tự nhiên. Con người sinh ra bẩm thụ theo hình thể âm dương gồm đủ công dụng của ngũ hành. Như vậy con người cũng là một bộ phận của tự nhiên, là một vũ trụ thu hẹp lại. Trời với người có một lẽ giống nhau cho nên con người cũng phải lấy âm dương làm căn bản cho tính mệnh, cũng phải sống theo lý âm dương. Làm được như vậy, người ta đắc đạo được phép dưỡng sinh.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.539.

Nhìn vào xã hội đương thời, Lê Hữu Trác cho rằng người ta đã bỏ hết đạo tự nhiên đó và dẫn đến sự phân cực giàu nghèo và nhiều tệ nạn xã hội khác. Biểu hiện của sự phân cực ấy là “người ăn không hết, kẻ làm không ra”⁽¹⁾. Lê Hữu Trác chưa đủ điều kiện để tìm ra nguyên nhân căn bản của nó là mâu thuẫn của phương thức sản xuất. Trong trường hợp này, ông chịu ảnh hưởng khía cạnh duy tâm của học thuyết triết học Lão - Trang và coi nguyên nhân là do con người chạy theo “lợi dục”, do con người “mang đầy mộng tham”. Vì vậy ông coi “duyên có” của các cuộc bạo động nông dân đương thời là “lòng ghét giàu sang”, lòng ghét ấy do “động cơ lợi dục” thúc đẩy. Vì có lòng thông cảm sâu sắc với nỗi khổ của người lao động, ông đồng tình với họ và hành động ấy theo quan điểm giai cấp của Lê Hữu Trác là “bất lương”, nhưng lại “còn hơn chết đói nằm đường thối thây”⁽²⁾. Trên cơ sở nhận thức nguyên nhân của các mâu thuẫn xã hội là do chạy theo lợi dục, Lê Hữu Trác kết luận rằng con người phải quay về sống theo đạo tự nhiên. Muốn vậy, con người phải thực hành “vô vi” phải đạt tới cõi chí nhàn. Lê Hữu Trác gọi nó là đạo dưỡng sinh, là đạo trường cữu của con người. Làm được như vậy, sẽ có một xã hội tốt đẹp. Kết luận về nguyên nhân của sự phân cực xã hội và biện pháp khắc phục nó như vậy, chính Lê Hữu Trác đã chịu ảnh hưởng tư tưởng “đạo pháp tự

(1) Lê Hữu Trác. Vệ sinh yếu quyết. NXB Y học Hà Nội 1971, tr.3.

(2) Lê Hữu Trác. Vệ sinh yếu quyết. NXB Y học Hà Nội 1971, tr.3.

nhiên” của Lão Tử. Các quan hệ xã hội chỉ là cái sau, cái không tất yếu. Trật tự của xã hội mới phải tuân theo quy tắc của tự nhiên, hoà thuận với tự nhiên.

“Đạo dưỡng sinh” theo quan điểm của Lê Hữu Trác có nghĩa là “bảo trì sự sống”. Trong quá trình sinh hoạt của con người, khi mà những nhân tố ngoại lai tác động vào cơ thể gây nên những kích thích vượt quá sự chịu đựng của cơ thể gây nên bệnh tật. Việc quan trọng để tránh được những bệnh do nguyên nhân như vậy là phòng bệnh tích cực và thực hành vô vi.

Về phòng bệnh tích cực, đường hướng phòng bệnh và trị bệnh : theo Lê Hữu Trác là “giữ gìn sức khoẻ đầy đủ và lấy nhân đức làm đầu”. Biện pháp phòng bệnh tích cực theo ông xoay quanh các vấn đề sau :

Về quan hệ giữa con người với ngoại cảnh, theo Lê Hữu Trác, con người sinh tồn trong sự vận động và biến hoá của âm dương cho nên “dưỡng sinh phép có từ xưa, âm dương thời tiết bốn mùa thuận theo”. Phương pháp thuận theo của Lê Hữu Trác là hoạt động ăn, ở phải thuận theo khí hậu, thời tiết để thích ứng với những biến đổi đột ngột của khí trời, của gió lạnh, của nắng, mưa, của khô nóng. Thuận theo còn có nghĩa là tránh xông pha lúc trái nắng, trời trời, để phòng hàn, thấp, không nằm đất, không ngủ giữa trời, không nằm, ngồi và tắm rửa giữa luồng gió. Thuận theo còn có nghĩa là luôn coi trọng luyện tập nơi thoáng mát, trong sạch để tăng cường sức khoẻ, luôn chú ý kết hợp giữa lao động với nghỉ ngơi một cách hợp lý.

Về mối quan hệ giữa các yếu tố trong cơ thể, khi cơ thể con người cơ năng thích ứng kém thì các biến hoá của tự nhiên dễ gây nên bệnh tật. Khi cơ năng sinh lý của nhân thể tuỳ theo sự biến hoá của bốn mùa, sáu khí mà biến hoá tương ứng thì không sinh ra bệnh. Trong “Vệ sinh yếu quyết” Lê Hữu Trác đã nói nhiều tâm, thân, tính của con người không phải do trời phú cho như Khổng Tử đã nói mà nó ra đời, tồn tại cùng với hình, với sinh mệnh của con người. Muốn duy trì, bảo vệ nó thì không dừng ở nhận thức mà phải theo phép dưỡng sinh, nghĩa là bồi bổ thân thể bằng tinh, khí. Khi lê âm dương trong cơ thể bị phá bỏ, tức là bệnh tật thì phải dùng thuốc chữa bệnh phục hồi lại tính tự nhiên của cơ thể. Trong quan hệ giữa nguyên khí và hình khí (cơ thể và tinh thần), Lê Hữu Trác cho rằng sự tác động của tinh chí vượt quá giới hạn thì gây nên bệnh, gọi là bệnh nội thương thất tình⁽¹⁾. Phương pháp điều trị bệnh đó là tiết chế tư dục : không nghĩ càn để lòng cởi mở, lạc quan..., đồng thời để cho nguyên khí và tinh chí ổn định. Ông còn nêu lên phải ăn uống điều độ, phải có lao động nhưng có chừng mực, phải rèn luyện thân thể tránh khỏi truyền nhiễm”⁽²⁾.

Về vệ sinh phòng bệnh, Lê Hữu Trác đề cao công tác phòng bệnh cá nhân và công cộng. Ông khuyên phải

(1) Lê Hữu Trác. Vệ sinh yếu quyết. NXB Y học Hà Nội 1971, tr.73.

(2) Lê Hữu Trác. Vệ sinh yếu quyết. NXB Y học Hà Nội 1971, tr.65,99,100.

giữ gìn sạch sẽ trong ăn, mặc, ở từ cá nhân đến tập thể. Nắng tắm gội; dùng bồ kết, hạt na để trừ chấy... Xây dựng chuồng gia súc xa nhà, không phóng uế bừa bãi.

Khi có dịch dùng bồ kết, thiên nhiên kiện, khương truật... đốt hun nhà để bạt khí độc, đốt chổi dê, ngải cứu xông giường người bệnh. Nút mũi bằng bông có tẩm tỏi khi săn sóc bệnh nhân. Không nằm chung giường với người bệnh, không nhìn thẳng vào mặt người bệnh khi nói chuyện, phải rắc vôi vào đờm và phân của người bệnh lao phổi để tránh lây truyền.

Với phụ nữ khi hành kinh, khi có thai nghén, khi sinh để tránh hàn thấp, kiêng giao hợp và lao động nặng. Khi có thai tránh xúc động tinh thần, kiêng ăn tanh, sống, cay, nóng, kiêng trèo cao, vác nặng, kiêng nằm nhiều; thường lao động nhẹ. Khi đẻ nên giữ vững tinh thần. Sau khi đẻ tránh luồng gió, không tức giận, lo phiền...

Với các cháu nhỏ, trong việc nuôi dưỡng, Lê Hữu Trác khuyên cho bú, cho ăn điều độ, “không cho ăn cay, chua, nóng, lạnh”. Không cho ăn no, thức ăn khó tiêu, không cho ăn chất béo, chất ngọt quá nhiều. Nên cho ăn nhiều chất bột gạo, không để trẻ nằm nơi luồng gió, nằm đất. Khi các cháu ngủ cần đắp bụng, không làm giật mình kinh sợ...

Khi dưỡng bệnh, bệnh nhân cần giữ vững tinh thần, an tâm điều trị, tránh xúc động tinh thần, lo nghĩ bi

quan, cấm phòng dục, thức khuya, uống rượu, hút thuốc. Cần có chế độ thích hợp từng loại bệnh, cần nắng giặt quần áo, lau rửa sạch sẽ. Chống mê tín dị đoan. Cần gây tin tưởng cho bệnh nhân.

Về thực hành vô vi : không phải là không làm gì, theo Lê Hữu Trác “vô vi” đúng như Lão Tử đã nói “khứt tham khứ xa, khứ thái” nghĩa là trừ khử những cái thái quá, nâng đỡ những cái bất cập. Để lập lại quân bình xã hội không thể bằng “hữu vi” mà phải bằng cuộc cách mạng ở bản thân từng người là “vô kỷ, vô công, vô danh”, “gột sạch tư tâm, tư dục”. Từ đây không làm gì trái với tự nhiên, không để chân tay lụy vì ngoại vật, tức là giữ gìn thiên chân, không đem tư tâm can thiệp đến việc người. Lê Hữu Trác đã phủ nhận những hành động bằng “hữu vi” của bọn người chạy theo tư lợi, gây nên các cuộc “tranh quyền, cướp nước”, “ẩu đả dao thương”, nghĩa là những điều trái với đạo dưỡng sinh của con người.

Để “bảo trì sự sống” hay thực hiện đạo dưỡng sinh, Lê Hữu Trác có tư tưởng tiến bộ rằng sự hiểu biết thiên nhiên, khí hậu, luôn tìm hiểu thiên nhiên là một biện pháp để phòng bệnh. Đồng thời cũng cho rằng phải lấy phòng bệnh tích cực là nội dung xây dựng đạo đức, cho nên phải phổ biến rộng rãi trong quảng đại quần chúng tri thức phòng bệnh, ông khuyến khích, bênh vực những công việc có ích cho đời sống theo đúng luật âm dương như lo cải thiện ăn uống, phải lo tầm tang canh cừi, phải lo lấy việc đắp đê, chống lũ, trồng cây... để tìm lấy nguồn cảm hứng trong lao động với thiên nhiên.

Làm theo đạo tự nhiên như quan niệm của Lê Hữu Trác là con người đạt tới chân nhân, là mẫu người lý tưởng, là mẫu người cao nhất trong nhân sinh quan của mọi người. Phương pháp dưỡng sinh theo phép chân nhân của ông vẫn là phương pháp có ý nghĩa tích cực với đời.

Bằng con đường sống theo đạo tự nhiên, Lê Hữu Trác mơ sẽ có một xã hội tốt đẹp. Ở xã hội ấy, con người cần phải “nói xưa ăn ở thật thà”, sang hèn đều vất bô dục vong, giữ được lòng trong sạch hồn vía, lấy việc “không ham làm vinh”, không có cạnh tranh, không có áp bức lẫn nhau, không có cướp nước. Đó là một xã hội, con người sẽ có cuộc sống vui tươi, sẽ “sống lâu mạnh khoẻ”, “gió xuân tài bồi”. Những người sống trong xã hội ấy là những người có lao động đúng mức để làm cho cuộc sống ấm no, là những con người “mắt trông chẳng muộn, chẳng thèm”, “dâm tà đâu dẽ quấy phiền lòng ta”⁽¹⁾. Trong xã hội ấy vẫn có sang, có hèn, có trên, có dưới, có trí, có ngu. Thông trị trong xã hội ấy là một minh quân, đạo vua tôi phải sáng suốt.

Ước mơ có một xã hội tốt đẹp qua y đao của Lê Hữu Trác tuy bộc lộ một sự nhận thức mang tính chất ảo tưởng, ngây thơ, chất phác, nhưng chứa chan tinh thần nhân đạo chủ nghĩa đối với con người. Đi sâu nghiên cứu tư tưởng này, ta thấy nhà tư tưởng sống trong bão táp của các cuộc khởi nghĩa nông dân đã phản ánh được

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.65.

sự chán ghét, căm giận đối với bọn quyền quý, chống lại thói tham lam, lòng giả dối, những hành động bạo ngược của giai cấp thống trị đối với con người. Đồng thời ông đã phản ánh được phần nào những yêu cầu của quần chúng lao động đòi cải biến xã hội đương thời.

Trong điều kiện xã hội Việt Nam thế kỷ 18, Lê Hữu Trác không đi theo con đường đã được gia đình và xã hội vạch sẵn mà tìm đến y đạo là một hướng đi tích cực, đúng đắn, thiết thực, cao quý. Hướng đi ấy đã chỉ đạo toàn bộ hoạt động của ông từ đó về sau. Chí hướng đã chọn trở thành quyết tâm lớn : “Tôi hiến thân cho nghề thuốc nên lúc nào cũng muốn làm hết sức mình trước thuật cho nhiều để dựng cơ hồng trong ngành y”. Lời thề có tính chất nghề nghiệp của ông cho hướng đi đã chọn là “đã gửi mình vào nghề thuốc phải nghĩ cách dốc sức làm những việc đáng làm, ngõ hầu những lúc ngẩng đầu lên, cúi xuống, nhìn trời ngó đất không đến nỗi phải hổ thẹn” (Y âm án).

2. Tư tưởng nhân đạo trong nghề y

Sự xuất hiện của y học cũng như các khoa học khác nhau là kết quả của quá trình lao động sản xuất nhằm phục vụ con người, phục vụ sản xuất. Khi phục vụ con người, nghề y là một nghề đặc biệt, nó đòi hỏi người thầy thuốc phải có một trình độ chuyên môn vững và một lương tâm trong sáng, thì mục đích tôn chỉ cao quý của nghề y mới không bị phai mờ. Vì thế, ngay từ thời

cổ Hy Lạp, Hypocrat đã đặt ra lời thề danh dự cho những ai học thuốc tụng niệm, ghi nhớ trước khi ra nghề.

Trong lịch sử y học Việt Nam, vào thế kỷ 18, Lê Hữu Trác đã từ bỏ con đường lập nghiệp bằng “khoa cử”, bằng “binh nghiệp” để chuyên tâm vào nghề y. Ông đã có một quan niệm chân chính về nghề nghiệp mình đã chọn. Ông cho rằng “nghề y là nghề nhân thuật”, là nghề liên quan đến tính mệnh con người, do đó người học y không thể là người kém cỏi về tài năng cũng như đạo đức. Không những thế, người làm nghề y còn phải có một tinh thần khoáng đạt, cao cả. Ông có câu nói bất hủ trong bài tựa của tập “Y âm án” rằng : “Suy nghĩ thật sâu xa, tôi hiểu rằng người thầy thuốc là người bảo vệ tính mạng con người, sống và chết một tay mình nắm; họa và phúc một tay mình giữ. Thế thì đâu có thể kiến thức không đầy đủ, đức hạnh không trọn vẹn, tâm hồn không rộng lớn... mà dám liều lĩnh học hỏi cái nghề cao quý đó chăng”. Trên cơ sở quan điểm về nghề y như vậy, ông cho rằng y học gồm hai mặt : khoa học và lòng vị tha. Hai mặt ấy gắn bó với nhau mật thiết, không tách rời nhau, làm tiền đề phát triển cho nhau. Có đi sâu vào khoa học thì việc chữa bệnh cho con người mới có kết quả, có lương tâm nhà nghề trong sáng thì mới có sự thôi thúc nội tâm nâng cao tay nghề. Hai động cơ đó tồn tại trong khoa học y học, mà người đại diện cho khoa học ấy là người thầy thuốc. Quả thật, đây là một tư tưởng rất quý của một nhà khoa học sống ở thế kỷ

18. Giá trị của tư tưởng đó vượt ra khỏi ngành y, vượt lên trên thời đại và vẫn có ý nghĩa thiết thực đối với công tác đào tạo, rèn luyện cán bộ trong ngành y hiện nay.

Từ ngày chuyên tâm vào nghề y, Lê Hữu Trác tự đặt cho mình mục tiêu phải phấn đấu thành một *người thầy thuốc giỏi*. Nhưng khoa y lúc bấy giờ không có điều kiện như hiện nay, cho nên muốn đạt đến trình độ chuyên môn vững, Lê Hữu Trác phải có một nỗ lực lớn. Tìm sách mà đọc, tìm thầy mà học, tìm bạn mà hỏi và chủ yếu là tìm cách vận dụng lý luận vào thực tiễn mà quan sát, rút ra kết luận, đó là sự “lao tâm khổ tứ” hàng chục năm của ông. Tinh thần khoa học đó của Lê Hữu Trác trên con đường phấn đấu để có trình độ chuyên môn vững có thể khái quát được các khía cạnh sau:

Trước hết, Lê Hữu Trác là một tấm gương cần cù học hỏi, đào sâu suy nghĩ, nghiên cứu sưu tầm không biết mệt mỏi.

Thứ hai, Lê Hữu Trác là người không mê tín vào sách vở, nhưng lại trung thực không giấu dốt của mình.

Thứ ba, Lê Hữu Trác có một đầu óc khúc chiết, tinh tế và nói chung là có tác phong làm việc khoa học.

Thứ tư, trong phương pháp tư tưởng, Lê Hữu Trác có những yếu tố biện chứng tự phát và chủ nghĩa duy vật thô sơ. Phương pháp tư tưởng của ông được thể hiện: có cách nhìn toàn diện; đặt vấn đề trong điều kiện hoàn cảnh của nó; giải quyết vấn đề với đầu óc thực tiễn.

Tóm lại, Lê Hữu Trác là một nhà khoa học chân chính, thái độ học tập, nghiên cứu, làm thuốc, viết sách của ông hết sức nghiêm túc, thận trọng. Ở con người ấy có cái năng động và có dũng khí tính, chỉ biết tôn trọng chân lý. Cảm động biết bao khi ta thấy ông phê phán cái cũ không mệt mỏi: “Tôi thà chịu tội với các bậc tiền bối, nhưng tôi không chịu phụ sở học của tôi”⁽¹⁾. Khi ông nhận ra cái dốt của mình thì “từ đó hàng tuần tôi suốt đêm không ngủ được, hơn một tháng nói năng như vớ vẩn, cứ chỉ như mất hồn, nghĩ rằng vì tôi bất cẩn đến nỗi người kia bị chết” (Y âm án).

Khi đã thành nghề ra chữa bệnh cho mọi người, Lê Hữu Trác luôn luôn nhắc nhở mình phải giữ *lương tâm trong sạch*. Ông là một trong những danh y của dân tộc đã có quan điểm rất rõ ràng cụ thể và hệ thống đạo đức y học. Nội dung quan điểm đạo đức y học của ông đã phản ánh được phần nào dòng tư tưởng lớn là chủ nghĩa nhân đạo của nhân dân Việt Nam ở thế kỷ 18. Chủ nghĩa nhân đạo ấy trong y học được thể hiện rõ trong quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, với bạn đồng nghiệp, với thế hệ mai sau, với khoa học và viết sách...

Nội dung đạo đức y học trước hết là nhân nghĩa. Trong triết học Nho gia khi bàn đến đức tính mỗi cá nhân, Khổng Tử nhấn mạnh đến nhân nghĩa, nhất là nhân. “Nghĩa” là phần “ta phải làm” trong hoàn cảnh nào. Đó

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.538.

là mệnh lệnh tối cao. Trong nhân quan xã hội, mọi người đều có những điều phải làm, làm nhiệm vụ vì nhiệm vụ, bởi vì những điều ấy đáng phải làm về phương diện luân lý. Nếu làm nhiệm vụ vì lý do khác, không vì luân lý thì hành vi ta không hợp nghĩa, dẫu ta có làm tròn bổn phận. Nói theo Khổng Tử và các hậu Nho, thì lúc đó ta chỉ hành động vì “lợi”. Với nhà Nho, “nghĩa” và “lợi” là hai từ hoàn toàn đối lập nhau. Chính Khổng Tử đã nói : “Quân tử biết rõ về nghĩa, tiểu nhân biết rõ về lợi”⁽¹⁾. Ấy là điều Nho gia gọi là “phân biệt nghĩa và lợi”, sự phân biệt mà họ cho là tối quan trọng trong việc giáo dục đạo đức.

Ý niệm “nghĩa” là hình thức của “nhân”. Bản tính hình thức bổn phận của mọi người trong xã hội là cái “ta phải làm”; ta phải làm hết những bổn phận ấy. Nhưng cơ sở của bổn phận là “thương người”, là “lòng trắc ẩn”, tức là “nhân”. Cha phải cư xử theo lối người cha thương con phải làm; con phải cư xử theo lối người con thương cha phải làm. Khổng Tử nói : “Nhân là thương người”⁽²⁾. Người nào thật lòng thương người khác, thì có thể làm tròn bổn phận của mình trong xã hội. Vì vậy trong cuốn “Luận ngữ” ta thấy Khổng Tử thường dùng chữ “nhân” không những để chỉ một tính riêng mà dùng để chỉ chung cho mọi đặc tính, thành thử câu “Người có nhân” là đồng nghĩa với người có mọi đức tính hoàn toàn. Trong những đoạn ấy “nhân” có thể hiểu “toute vertu”.

(1) Luận ngữ, chương IV, Lý Nhân, tr.16.

(2) Luận ngữ, chương XII, Nhan Uyên, tr.21.

Vận dụng tư tưởng triết học Nho gia vào y học, “nhân” theo Lê Hữu Trác là lòng thương người, lòng trắc ẩn, là quan tâm tới người khác, là không cá nhân ích kỷ. Người thầy thuốc biểu hiện “nhân” của mình trong quan hệ với người bệnh là “lo cái lo của người”, “vui cái vui của người”, là “phải lấy lòng cha mẹ - (loại tình cảm và trách nhiệm sâu sắc nhất, trong sáng nhất) - làm cái lòng của mình với bệnh nhân là đứa trẻ”... “Nhân” với quan niệm như vậy chính là tình cảm đạo đức của người thầy thuốc. Tình cảm đạo đức là cơ sở, là động lực bên trong của những đức tính đã trở thành thói quen, là nhu cầu bên trong của con người hành động, của việc phải làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Tình cảm đạo đức có chức năng thúc đẩy thực hiện hành vi đạo đức, đồng thời tự đánh giá hành vi của mình. “Giữ cho lương tâm trong sáng” như Lê Hữu Trác luôn nhắc nhở chính là tình cảm trách nhiệm về nghĩa vụ đạo đức của cá nhân người thầy thuốc với người bệnh, trách nhiệm ấy biểu hiện ở việc tự đánh giá những hành vi của mình.

Do “nhân” có tầm quan trọng như vậy, Lê Hữu Trác coi “nhân” là một đức tính cơ bản của người làm nghề y. Đức tính căn bản ấy là điều kiện tiên quyết để vào nghề y. Nếu không có lòng nhân, không biết quan tâm đến người khác thì nên đi kiếm sống bằng nghề khác ít đòi hỏi nhân đạo hơn⁽¹⁾.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.10.

Muốn trở thành người thầy thuốc có lòng nhân thì phải dày công rèn luyện theo tám đức và chống tám tội :

Tám đức tính của người thầy thuốc chân chính:

1. Nhân : là nhân từ, bác ái, rộng lòng thương mọi người và quan tâm tới người khác, không cá nhân ích kỷ.

2. Minh : là phải thông hiểu sâu rộng, sáng suốt, minh bạch, không nhầm lẫn.

3. Trí : là phải luôn khôn khéo, nhạy bén, để tâm lo nghĩ về việc làm, không cầu thả tuỳ tiện.

4. Đức : là phải có đạo đức nhân hậu, cốt làm điều lành để đức về sau, chống điều ác.

5. Thành : là thành thật, ngay thẳng, trung thực vô tư, không dối trá, không thiên lệch.

6. Lượng : phải có độ lượng, hoà nhã và đúng mức vừa phải.

7. Khiêm : phải khiêm tốn học hỏi và phải thực sự cầu thị, không tự phụ, chủ quan.

8. Cần : phải chuyên cần nhẫn nại và cần cù chịu khó.

Tám điều tội lỗi người thầy thuốc cần phải tránh:

1. Tội lười : chẩn đoán qua loa, hay ngại vất vả, không chịu đến khám bệnh cho người cần thận, mà vội cho thuốc kê đơn cho xong chuyện.

2. Tội keo kiệt, bủn xỉn : là sợ bệnh nhân không có tiền trả cho mình đủ vốn mà không cho thứ thuốc tốt cần thiết.

3. Tội tham : là trường hợp thấy bệnh chét đã rõ mà không bảo thật với người nhà bệnh nhân mà lại nói lờ mờ để làm tiền.

4. Tội lừa dối : là khi mới thấy người bệnh là đã nói ngay là bệnh khó, bệnh nặng, làm cho người ta sợ, để lấy nhiều tiền.

5. Tội bát nhân : là khi thấy bệnh khó, đáng lý nên nói thật, rồi hết lòng hết sức cứu chữa, nhưng lại sợ mang tiếng nếu thất bại, hoặc sợ không thành công mà không được hậu lợi, nên không chịu chữa, đến nỗi người ta phải bó tay chịu chết.

6. Tội hẹp hòi : là trường hợp người bệnh ngày thường có chuyện bất bình với mình, khi mắc bệnh phải nhờ đến mình, liền nảy ra ý nghĩ oán thù mà không chữa hay không chịu chữa hết lòng.

7. Tội thất đức : là khi gặp những bệnh nhân mồ côi, goá bụa, tàn tật, cùng khổ không có tiền đến cầu cứu, thì cho là chữa mất công vô ích mà bỏ qua không chữa, hay không chịu hết lòng cứu chữa.

8. Tội dốt : là sức học còn non, nhận xét bệnh lờ mờ mà dùng thuốc sai lầm, nguy hại cho người bệnh.

Ông khẳng định nghề y liên quan chặt chẽ với đức độ của bản thân. Ông nói : “Đạo y là học thuật để bảo vệ

sự sống rất cao cả, là đâu mối vun trồng cây đức”⁽¹⁾. Qua nghề y, người ta có thể bồi đắp chữ “đức” được cao dày, nếu người đó thực sự giúp ích cho nhiều người bệnh. Ngược lại, người đó lợi dụng nghề y để hữu ý, hoặc vô ý làm những điều có hại cho người khác thì cũng dễ mắc những điểm “thất đức” không nhỏ. Ông phàn nàn : “Than ôi đem nhân thuật làm chước dối lừa, đem lòng nhân đổi ra lòng buôn bán. Như thế thì người sống trách móc, người chết oán hờn, không thể tha thứ được”⁽²⁾. Có thể nói không có nghề nào nhân đạo bằng nghề y cứu sống người và cũng không có nghề nào vô nhân đạo bằng nghề y thiếu đạo đức.

Tóm lại, sau khi xác nhận nghề y là một nghề “nhân đức”, Lê Hữu Trác yêu cầu người thầy thuốc phải suy nghĩ và hàng ngày chăm lo bồi đắp tám đức và chống tám tội. Được như vậy thì mới khôi thiện với hai chữ “nhân thuật”.

“Nghĩa vụ” của người thầy thuốc là “lấy việc cứu sống mạng người làm bốn phận của mình”. Bản tính “nghĩa vụ” là “việc phải làm” theo bốn phận của người thầy thuốc. Cơ sở của bốn phận ấy là “nhân” - nghĩa là ai có lòng thương người, có lòng từ ái, luôn quan tâm tới bệnh thì có thể làm tròn bốn phận của mình.

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.24.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.26.

Suốt 40 năm trời trong nghề y, trên cơ sở quan điểm về nhân và nghĩa trong quan hệ với mọi người của người thầy thuốc, Ông đã khai quát mười nội dung đạo đức nghề y như sau :

Một là : đối với bệnh nhân, người thầy thuốc không được phân biệt sang hèn, bệnh nguy cấp thì phục vụ trước, cho thuốc thì theo nhu cầu điều trị chứ không phân biệt đối xử hơn kém⁽¹⁾.

Hai là : trong hàng ngàn người bệnh bao gồm nhiều đối tượng, phải quan tâm trước hết là người nghèo vì “người sang thì không thiếu người chăm sóc”, “còn người nghèo hèn không đủ sức mời mọc lương y”, “phải đem lòng thành giúp người ta dành lại cuộc sống”⁽²⁾. Trong hạng người nghèo khổ, phải quan tâm tới người phụ nữ vì họ phải “tần tảo”, “phải gánh vác nhiều việc”⁽³⁾. Đối với bệnh nhân là phụ nữ, cần phải giữ thái độ đúng đắn, không nên đùa cợt mà mang tiếng bất chính, khi thăm bệnh ở phòng riêng cần có người khác ở bên cạnh để khỏi bị nghi ngờ và tránh hậu quả về tà dâm⁽⁴⁾.

Ba là : thầy thuốc có nghĩa vụ cứu người, là phận sự của mình, không nên ham thích các cuộc vui chơi mà

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.25.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.26.

(3) Lê Hữu Trác. Vệ sinh yếu quyết. NXB Y học Hà Nội 1971, tr.81.

(4) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.26.

vắng mặt, nhỡ khi bệnh nặng, bệnh nhân phải chờ đợi, không được cấp cứu kịp thời, hại đến tính mạng người ta, là trách nhiệm của mình⁽¹⁾.

Thứ tư : là khi gặp bệnh ngặt nghèo, nguy nan thì “đã mời là đi”, “đã đến là chữa”, “không kể gì đường sá xa xôi, không ngại gì gió mưa đêm tối”. “Phải nói thật với người nhà bệnh nhân rồi hết lòng cứu chữa bệnh đến cùng để tìm cái sống trong cái chết, hết sức cứu vãn đến khi âm khô, dương kiệt mới thôi”. “Vì người thầy thuốc có trách nhiệm giữ gìn mạng sống con người”⁽²⁾. Nếu “phàm trông thấy chứng nguy mà phũi tay, đó là bọn khua danh tránh tiếng. Người ta sợ chết mà tìm đến thầy, xin thuốc. Thầy thấy chứng chết mà không chữa thì làm thuốc để làm gì (Y âm án). Họ phũi tay trước chứng nguy vì họ sợ tới cái mà họ gọi là tiếng tăm, uy tín của người thầy thuốc. Phải đặt sự sống chết lên trên cái danh dự cá nhân, vì “tiếc lợi danh, so sánh lợi lộc, coi nhẹ sự sống chết thì sao đáng gọi là nhân thuật” (Y âm án).

Thứ năm : là muốn đạt hiệu quả trong công việc chữa bệnh, cần phải có thuốc tốt và sẵn đủ thuốc dưới tay, nhất là cao đơn hoàn tán chế sẵn thì mới có phương tiện cứu chữa kịp thời. Phải dùng những phương dã kinh nghiệm vì tuy chứng, tùy thời mà gia giảm, không nên dùng người bệnh

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.25.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.25.

để thử nghiệm những thứ thuốc mới, có thể hại đến tính mạng người ta. Cần phải thận trọng khi cho thuốc kê đơn⁽¹⁾.

Thứ sáu : là về phục vụ bệnh nhân, không nên xu phụng người giàu sang để cầu lợi, mà đặc biệt quan tâm tới những bệnh nhân tàn tật, cùng khổ, trẻ mồ côi, người goá bụa, cô đơn già yếu, cần giúp đỡ họ cả thuốc men, lương thực thì họ mới sống được, còn đối với những kẻ bất lương, bất hiếu, chơi bời, phỏng đáng thì chỉ phục vụ có chừng”⁽²⁾.

Thứ bảy : là làm thầy thuốc phải có lòng yêu thương cứu giúp mọi người và phải có đức hậu rộng rãi, không nên thấy bệnh ngặt nghèo nguy cấp mà bắt bí, hoặc bệnh thường mà nói là bệnh khó, lừa dối người nhà bệnh nhân để làm tiền là bất lương. Phải thông cảm với tình cảnh người bệnh, phải lo cái lo của người, vui cái vui của người.

Thứ tám : là khi chữa khỏi bệnh rồi, chớ nên kể công, mưu cầu quà cáp. Nghề y là nhân thuật, thanh cao, cốt cứu người ra khỏi bệnh hoạn, mà không nên vụ danh, vụ lợi, cần giữ khí tiết mình cho trong sạch⁽³⁾.

Thứ chín : là muốn làm trọn nhiệm vụ của người thầy thuốc thì cần phải có trình độ văn hóa nho học,

(1) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.25.

(2) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.26.

(3) Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.26.

luôn luôn học hỏi tìm tòi, nghiên cứu sâu rộng thì mới có khả năng ứng biến được trên lâm sàng và tránh khỏi sai lầm⁽¹⁾.

Thứ mười : là phải có thái độ khiêm tốn hoà nhã. Đối với bạn đồng nghiệp phải kính trọng người cao tuổi và người có kiến thức hơn mình, khiêm nhường đối với người kiêu căng và dùi dắt những người đàn em kém mình⁽²⁾.

Những bệnh án nói lên đức nhân nghĩa của Lê Hữu Trác :

Thứ nhất : Lân Ông đặc biệt quan tâm đến bệnh nhân nghèo khổ.

Trường hợp con một nhà thuyền chài rất nghèo khổ, bị bệnh đậu rát nặng, đậu hám không mọc được, các ác chứng đã hiện ra rất nguy cấp. Hoàn cảnh lại quá nghèo, không có điều kiện rước thầy mua thuốc. Lân Ông nghe tin vợ chồng nhà này bàn với nhau định bán cái chài đi để có tiền chữa chạy cho con, ông đã sốt sắng đến chữa giúp cho bệnh nhi qua khỏi, ông chu cấp cả thuốc men và gạo củi, dầu đèn để chăm sóc nuôi dưỡng bệnh nhi. Ngoài công lao của ông đi lại thăm bệnh hàng ngày để giải quyết các biến chứng hiện ra, ông đã giúp gia đình về vật chất để không phải bán cái chài (Đương án số 8).

Thứ hai : là Lân Ông cho thuốc theo nhu cầu trị bệnh

(1) Hải Thượng Lân Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.25.

(2) Hải Thượng Lân Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.25.

nặng hay nhẹ mà không phân biệt giàu nghèo, có tiền hay không.

Một bệnh nhân chủ gia đình, có mẹ già, vợ chưa, ba con dại, quá nghèo khổ, bị bệnh thổ tả, đến lúc chân tay đã quyết lạnh, hơi thở thoi thóp, Lân Ông tự bỏ thuốc ra cứu chữa cho khỏi bệnh. Ông đã cho 4 thang sâm, truật, phụ hồi dương và 5 thang gia giảm bát vị, quy tỳ chữa bệnh và điều bổ cho bệnh nhân đến khi ăn uống được như thường ông mới ngừng cho thuốc. Không may mấy hôm sau, vì sức bệnh nhân còn yếu, bỗng dung bị ngộ gió, ngã ra chết, không cứu vãn được, Lân Ông vẫn còn nghi ngờ là mình cho thuốc bổ chưa đúng mức, mà bệnh nhân còn yếu, thiếu sức chống bệnh nặng. Ông tự phàn nàn : có công cứu vớt mà không sống, bệnh bạc lồng son khéo phụ phàng (Âm án số 1).

Thứ ba : là Lân Ông tự nguyện cứu chữa đến cùng mà không bỏ qua các bệnh khó nguy cấp với tinh thần còn nước còn tát.

Một trường hợp viên phó đội của đồn Vĩnh dinh bỗng dung bị bệnh ngã ngất, tay chân cứng đờ, mắt nhắm, cám khẩu, đờm kéo sộc lên, hôn mê đã hai ngày đêm. Các lương y của đồn thấy chứng chết, bỏ không chữa và đồn đã cấp tiền chuẩn bị cho về quê. Lân Ông nhân đi qua, thấy thế đã xin xem bệnh rồi tự nguyện cứu chữa. Các điều hộ của đồn khích bác, nhưng Lân Ông thấy mạch xung dương và thái khê còn nhảy, ông vững tâm cứu chữa. Ông cho uống hai thang sâm, phụ rồi điều bổ hơn một tháng thì bình phục (Đương án số 5).

Thứ tư : là Lân Ông với lòng thương người tật bắc, đã tự kiểm điểm những thiếu sót về điều trị đối với các trường hợp tử vong.

Điều trị một trường hợp bệnh lý, Lân Ông đã cho uống một thang tú vật gia đại hoàng, chỉ xác để tạm thông lợi. Ông đã nói với người anh bệnh nhân rằng sau khi uống hết nước thuốc đầu thì đến báo kết quả cho ông biết. Nhưng người này thấy uống vào có hơi bớt ỉa, ít mót rặn và đỡ đau bụng được 3 đến 4 phần, lại nhân đêm tối trời mưa to, lười không đến báo cho Lân Ông biết, cho uống thêm một nước thuốc nữa. Sáng ngày bệnh nhân biến chứng đi ngoài như xối, mới lại báo cho Lân Ông. Ông cho uống bổ tỳ và cố sáp nhưng không cầm được. Đến chiều bệnh nhân chết.

Lân Ông hối hận mãi về sự thiếu sót của mình là không dặn người nhà bệnh nhân thật kỹ, đến nỗi xảy ra tử vong. Ông ngớ ngẩn như mất trí suốt một tháng, ông tự nghĩ vì thiếu cẩn thận mà người kia bị chết thì tội của mình không thể tránh được. Ông đã ghi lại ở Âm án số 10 để lưu ý đời sau “phải lấy đó làm gương”.

Đọc “Y âm án” và “Y dương án” ta thấy không ít những tẩn kịch bi thảm, những câu chuyện kết thúc bằng cái chết, bằng tiếng khóc và bằng sự hối hận dày vò của người thầy thuốc. Nhưng dù mỗi chuyện là một cảnh đời, một số phận trái ngược thì trong hai tập “Y dương án” và “Y âm án” có một hình ảnh nổi bật, nhất quán, đó là hình ảnh một thầy thuốc trung thực, thẳng thắn, có ý

thúc và trách nhiệm cao sau nhiều lần vật lộn với mình, đã tìm thấy một thái độ chân chính trong nghề nghiệp, tìm thấy chỗ đứng duy nhất để đạt tới giá trị cao, đạt tới vinh dự của công việc chữa bệnh cứu người.

“Nghĩa vụ” của người thầy thuốc còn được Lân Ông thể hiện trong việc dạy nghề, viết sách. Lân Ông đã tìm được hướng đi tích cực và có quan điểm đúng về nghề nghiệp, cho nên ông có động cơ, mục đích viết sách đúng là “muốn thâu tóm hàng trăm cuốn sách đúc thành một pho để tiện xem, tiện đọc”⁽¹⁾. Nhưng việc biên soạn sách như Lân Ông đã xác định không phải dễ. Ông nói: “ngạn ngữ có câu cho thuốc không bằng cho phương vì thuốc chỉ cứu được một người, cho phương thì giúp đỡ người ta vô tận. Nhưng nghĩ cho kỹ, nếu trong phương có một vị không đúng thì hàng trăm nhà chịu tai nạn. Huống chi viết lên sách, mỗi lời nói đều thành khuôn phép nhất định khó mà thay được, nhỡ trong câu có điều sai lầm thì tai hại còn lớn hơn những bài bài thuốc nhiều”. “Kê đơn chữa bệnh nếu có chỗ sơ suất, chỉ chết một người bệnh đó và thầy có thể rút kinh nghiệm tránh cho lần khác. Khi giảng dạy thầy nói có điều sai, một số người nghe sau và chữa bệnh gặp điều sai đó cũng sẽ rút kinh nghiệm, nhưng số người bị hại sẽ nhiều hơn. Còn như việc viết sách cho hàng ngàn, hàng vạn người học thì tai hại sẽ vô cùng, điều tai hại ấy cũng dày dưa từ đời này qua đời khác”.

(1) Hải Thượng Lân Ông Lê Hữu Trác. Hải Thượng y tông tâm linh. NXB Y học Hà Nội 1991, tr.22.

Trong quá trình vận dụng những tư tưởng triết học về nhân sinh vào y học của Lê Hữu Trác, chúng ta thấy :

Trước hết, vào độ tuổi 30, bằng tự ý thức của mình, Lê Hữu Trác đã từ chối nghĩa vụ phục vụ giai cấp phong kiến bằng con đường “tu, tề, trị, bình” và chọn “y đạo” làm mục tiêu đấu tranh và cuộc sống.

Thứ hai, chính lý tưởng đã chọn ấy là cơ sở để ông phác họa ra một xã hội tốt đẹp và là cơ sở để hình thành chủ nghĩa nhân đạo và vinh dự của ông trong y học.

Thứ ba, thông qua thực tiễn cuộc đời làm thuốc, Lê Hữu Trác đã để lại cho nền y học cổ truyền của dân tộc một quan điểm y học đúng đắn, một quan điểm y đức hệ thống và sâu sắc.

Ngày nay, khi nghiên cứu về Lê Hữu Trác, chúng ta càng thấy rõ hơn tư tưởng lớn của ông. Nhưng “rất tiếc, trong cán bộ Tây y chúng ta nhiều người biết đến Hypocrat, nhưng chưa biết nhiều đến thân thế và sự nghiệp của Lãnh Ông. Sự thiếu sót này cần phải được kịp thời sửa chữa, nhất là các trường đào tạo bác sĩ tương lai cho đất nước”⁽¹⁾.

(1) GS. Hồ Đắc Di. Những bài học lớn của Hải Thượng Lãn Ông với cán bộ Tây y. Tạp chí Đông y số 110-111, 1970.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu tương đối có hệ thống bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” cho phép rút ra một số kết luận về cơ sở tư tưởng của nghề làm thuốc và chữa bệnh.

1. Lê Hữu Trác là một con người nổi bật của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ 18. Ông đã tự ý thức được đầy đủ việc làm của mình, đem hết tâm trí vào việc chữa bệnh phục vụ nhân dân, nêu cao đạo đức y thuật, tận tuy, cần cù nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy, đúc kết kinh nghiệm xây dựng truyền thống y học nước nhà với một công trình đồ sộ có tính chất thực tiễn, khoa học và dân tộc, đó là bộ “Hải Thượng y tông tâm linh” gồm 28 tập, 66 quyển.

Ông xứng đáng với sự suy tôn của nhân dân là Đại danh y Việt Nam.

2. Xã hội Việt Nam ở thế kỷ 18 đã có một xu hướng đòi hỏi phải có một thế giới quan mới, một lý thuyết triết học duy vật làm nền tảng cho sự phát triển những tri thức về khoa học tự nhiên, nhất là sự phát triển của y học trong cuộc đấu tranh chống bệnh tật. Lê Hữu Trác đã đi theo đòi hỏi ấy thông qua việc nghiên cứu y học. Nhờ y học, do yêu cầu của y học, Lê Hữu Trác đã thu xếp có chọn lọc và vận dụng những tư tưởng triết học duy vật và phép biện chứng của triết học Trung Quốc

vào thực tiễn Việt Nam để tìm tòi, khám phá những vấn đề y học, của triết học liên quan tới y học. Sự vận dụng một cách sáng tạo của Lê Hữu Trác đã tạo nên ở ông một con người có thế giới quan đặc sắc, một diện mạo riêng biệt so với các nhà tư tưởng cùng thời; đồng thời ông đã đem lại cho nền y học cổ truyền Việt Nam một hệ thống y lý được dựa trên cơ sở tư tưởng triết học duy vật thô sơ và phép biện chứng chất phác - một tư tưởng triết học đã được giữ vai trò cơ sở cho sự phát triển của tri thức khoa học tự nhiên qua hàng chục thế kỷ ở Trung Quốc.

3. Vận dụng tư tưởng triết học về tự nhiên vào đời sống xã hội, Lê Hữu Trác đã phác họa ra một trật tự xã hội sống theo đạo tự nhiên. Ông mơ tưởng con người sẽ đi tới một xã hội tiến bộ. Con người sống trong xã hội ấy là người lao động, đối tượng phục vụ của y học. Bổn phận của nghề làm thuốc là “trị bệnh cứu người”. Nguyên tắc của bổn phận ấy là ưu tiên người nghèo hèn, là tận tụy, thận trọng, trung thực, đứng đắn, khiêm tốn, không ngại khó, không cầu báo quà cáp... Trọng tài cho việc thực hiện các nguyên tắc của bổn phận là “nhân” hay lương tâm của người thầy thuốc.

Tư tưởng nhân đạo trong y học của Lê Hữu Trác đã phản ánh được truyền thống đạo đức của dân tộc, phản ánh được dòng tư tưởng lớn là chủ nghĩa nhân đạo của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ 18. Nhờ vậy mà các khái niệm “đạo”, “đức”, “nhân”, “nghĩa”... được Lê Hữu Trác

chọn lọc từ triết học Trung Quốc để vận dụng vào y học, đã mang bản sắc dân tộc, làm cho nền y học cổ truyền Việt Nam có được một nội dung y đức rõ ràng, cụ thể và hệ thống.

4. Qua hoạt động lý luận và thực tiễn y học của Lê Hữu Trác, chứng tỏ y học có mối liên hệ mật thiết với những vấn đề chung của tự nhiên, xã hội và tư duy, tức là liên hệ mật thiết với triết học. Trong mối liên hệ ấy, sự phát triển của y học đã để lại những dấu ấn thế giới quan nhất định, đồng thời triết học thể hiện vai trò thế giới quan và phương pháp luận cho sự phát triển y học. Lê Hữu Trác là nhà khoa học thế kỷ 18 đã kế thừa có chọn lọc những vấn đề chung mà triết học duy vật Trung Quốc đã đề cập để vận dụng vào y học. Công việc của ông vẫn là một gợi mở giúp chúng ta nghiên cứu cơ sở tư tưởng cho y học hiện đại ở Việt Nam.

61 - 619.0
MS: 322 - 00
YH - 2001

GIÁ: 12.000Đ